

Phật lịch 2541 - (1997)

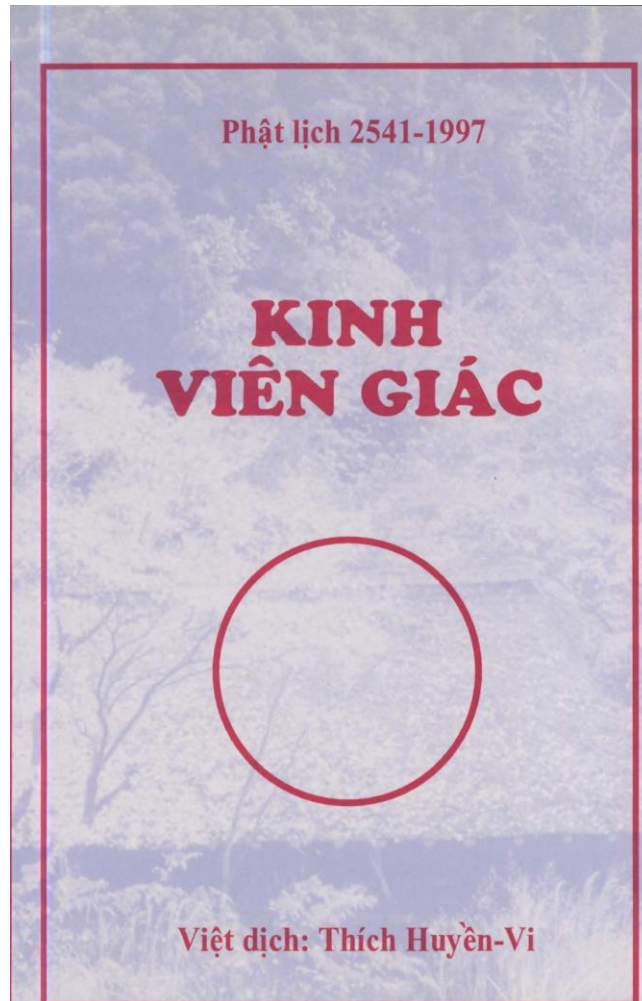
KINH VIÊN GIÁC

Viết dịch: Thích Huyền-Vi

MỤC LỤC

Lời Tựa
Quyển Thượng
Quyển Hạ
Ý Kiến Giải Kinh Viên Giác

Ban đánh máy: Phương An & Diệu Vân
Layout bản điện tử: Tâm Từ & Nguyên Thanh



Bài Tựa

Luận về những gì thuộc huyết khí thì phải có tính biết, phàm có tính biết chắc chắn đồng thể. Thế nên 'chơn tịnh minh diệu, hư triệt linh thông' sáng suốt hằng còn. Đó là nguồn gốc của chúng sanh, nên gọi là tâm địa. Là chỗ chứng đắc của chư Phật, nên gọi là bồ đề. Giao lưu suốt khắp, dung thông nhiếp hóa, nên gọi là pháp giới. Vắng lặng, thanh tịnh chơn thường, chơn lạc gọi là niết bàn. Chẳng rờ chẳng rĩ, gọi là trong sạch. Không hư vọng, không biến đổi gọi là chơn như.

Lìa lỗi dứt quấy, gọi là Phật tánh. Ủng hộ thiện, ngăn chặn ác, gọi là tổng trì. Ẩn che trùm nhiếp, gọi là như lai tạng. Siêu diệt cánh cửa nhiệm màu, gọi là mật nghiêm. Thống lãnh các đức độ mà vẹn toàn; phá hết các bóng tối để chỉ còn ánh sáng chiếu soi, gọi là viên giác. **Sự thật đều là nhứt tâm.**

Trái việc đó là phàm. thuận theo việc đó (nhứt tâm) thành Thánh; mê việc đó thì sanh tử bắt đầu, ngộ việc đó thì chấm dứt luân hồi; đích thân tìm việc đó thì đủ chỉ quán, định huệ, xét cho thật rộng thì đủ sáu độ, muôn hạnh, hướng dẫn thành trí, sau đó được chánh trí, nương theo đó làm như, về sau thành chánh nhưn, **kỳ thật đều chỉ có một pháp.**

Trọn ngày sống với viên giác, nhưng chưa từng biết viên giác. Đó là phàm phu; muốn chứng viên giác nhưng chưa đến viên giác. Đó là Bồ Tát; đầy đủ viên giác mà lại ở nơi viên giác. Đó là Như Lai; lìa viên giác không có lục đạo, bỏ viên giác không có tam thừa, phi viên giác không có Như Lai, dứt viên giác không có chơn pháp, **kỳ thật đều có một con đường mà thôi.** Chỗ chứng ngộ của các Đức Phật trong ba đời, bao trùm trong sự chứng này; Như Lai vì một đại sự ra đời bao trùm tánh viên giác này; ba tạng, mười hai bộ kinh, tất cả bài kinh, đều bao trùm tánh viên giác này. Song đức Thích Ca Như Lai để lại giáo pháp có hiển có mật, lập nghĩa có rộng có hẹp, thừa và thời có trước có sau, đương cơ có cạn có sâu, không phải là hàng thượng căn viên trí, ai mà có thể thông suốt được. Vì thế, nên đức Thích Ca Như Lai ở trong quang minh tạng cùng mười hai vị đại sĩ nói lý cao sâu, nhưng diễn giải rõ ràng, thông suốt mà rộng rãi để ấn định giáo pháp viên giác, là tôn chỉ của tất cả kệ kinh vậy.

Trực Giải

**KINH ĐẠI PHƯƠNG
QUẢNG VIÊN GIÁC**

TU ĐA LA LIỄU NGHĨA

QUYỂN THƯỢNG

*Đời Đường, nước Kế Tân, Sa Môn Phật Đà Đa La, Phạn dịch
Đời Minh, núi Khuôn Sơn Dật Tẩu,
Ngài Hám Sơn, Thích Đức Thanh giải thẳng.
Đời Minh, đất Tân An.
Trình Mộng Dương biệt hiệu Giác Gia giáo duyệt.*

Kinh Viên Giác này dùng ‘đơn pháp’ đặt tên. Thể của nó là ‘nhứt chơn pháp giới như lai tạng tâm’; dùng ‘viên chiếu giác tướng’ làm tôn, dùng ‘lìa vọng chứng chơn’ làm dụng; dùng ‘nhứt thừa viên đốn’ làm giáo tướng.

Dùng ‘đơn pháp’ đặt tên là thế nào?

Trong Luận nói: Đã nói chữ pháp, tức là tâm chúng sanh, hai chữ viên giác chỉ thẳng ‘nhứt tâm’ dùng làm pháp thể. Đây có nhiều danh xưng. Cũng gọi là đại viên mãn giác; cũng gọi là diệu giác minh tâm; cũng gọi là nhứt chơn pháp giới, cũng gọi là như lai tạng thanh tịnh chơn tâm. Trong kinh Lăng Già nói: Nhất tâm vắng lặng, liền khởi chánh tín nói ra pháp môn nhứt pháp giới đại tổng tướng; thể xứng nói tuy nhiều, nhưng tóm lại chỉ là viên giác diệu tâm. Nhứt tâm này là căn bản mười pháp giới phàm, thánh, mê, ngộ, y, chánh, nhơn, quả, mà cũng là nguồn gốc của chữ Phật, gọi là pháp thân, là tâm địa của chúng sanh, nên gọi là Phật tánh. Tất cả sự vật, đều y tâm này mà kiến lập, cho nên dùng ‘đơn pháp’ mà đặt tên.

Chữ Đại Phương Quảng, chính là tâm pháp đầy đủ ba nghĩa thể đại, tướng đại và dụng đại. Song đại tức là thể đại, nghĩa là nhứt tâm này bao trùm pháp giới vẫn còn dư, rộng lớn như hư không vẫn không ngoài ngang trùm dọc khắp lớn mà không ngoài, cho nên gọi là đại. Phương tức là tướng đại, lại còn là phương pháp huấn dục, nghĩa là nhứt tâm này là Phật tánh của chúng sanh, vì tánh này có khuôn khổ có sai biệt, một khi nghe Phật tánh liền sanh kiến giải, nhiều kiếp luân hồi vẫn duy trì mà không bao giờ mất. Thế nên nói: Khuôn khổ mỗi sự vật theo đặc tính của nó mà hiểu biết, đem chơn tâm vô tướng mà làm thành pháp tắc hữu tướng, thế nên phương là tướng đại.

Quảng tức là dụng đại, do xứng tâm thể này giáp khắp không thiếu sót, không cõi nào mà chẳng hiện, không vật gì mà chẳng giáp, cho nên gọi là dụng đại. Đem pháp nghĩa này, tròn đủ nhứt tâm. Kinh Viên Giác

chỉ thẳng tâm này, là nguồn gốc chúng sanh chư Phật, mê, ngộ, tu, chứng. Thế nên gọi tên là 'đơn pháp' vậy.

Chữ Tu Đa La là dịch âm tiếng Phạn (Sùtra); Tổ Trung Hoa dịch là Khế Kinh, nhưng kinh Phật đã nói, gọi chung là khế kinh, tức là lời dạy đúng chơn lý, hợp căn cơ, nhưng theo trình độ có cao có thấp, vì hạng người tiểu căn, Phật nói kinh 'bất liễu nghĩa'. Vì những người trình độ cao, đức Phật nói kinh liễu nghĩa, tức là giảng luận rõ ràng đến nơi rốt ráo. Đầu đề của kinh này, chính là kinh liễu nghĩa trong đại tạng kinh, không phải là kinh bất liễu nghĩa vậy. Mười chữ trên tức là pháp nghĩa bao trùm một bộ kinh. Một chữ kinh ở dưới là văn tự chỉ riêng hay trùm bộ kinh này. Nhứt chơn pháp giới như lai tạng tâm làm thế là thế nào?

Trong kinh nói: Vào nơi thần thông đại quang minh tạng tức là tâm thể như lai tạng thanh tịnh, bình đẳng không hai, nên gọi là nhứt chơn. Lại nữa trong kinh cũng nói: Chơn như pháp giới tánh rốt ráo tròn đầy. Ấy gọi là nhưn địa pháp hạnh, đầu xưng là môn đại tổng trì, tức là thể của nhứt pháp giới đại tổng tướng pháp môn, là nhưn địa của chư Phật, hạnh căn bản của Bồ Tát. Thế nên dùng nó làm bản thể của một bộ kinh.

Dùng viên chiếu giác tướng làm tôn là thế nào?

Trong kinh nói: Tất cả nhưn địa bốn khởi Như Lai, đều nương nơi viên chiếu thanh tịnh giác tướng, hằng đoạn vô minh, mới hoàn thành con đường sáng suốt, nên dùng tôn chỉ của một bộ kinh.

Lìa vọng chứng chơn làm diệu dụng là thế nào?

Trong kinh nói: Biết là hoa đốm giữa hư không tức là không có luân chuyển. Lại nói: Biết huyền lìa được huyền, lìa huyền tức được giác ngộ. Nên dùng nó làm diệu dụng. Nhứt thừa viên đốn làm giáo tướng là thế nào?

Kinh này thuần nói giác tánh, tròn tu ba quán, đốn chứng được nhất tâm, tuy giải bày 25 luân, chỉ là nhứt tâm thì được oán cải, đều không có thứ lớp, giai cấp, nên dùng viên đốn làm giáo tướng. Song năm lớp này chính là khuôn phép giảng giải kinh của Ngài Thiên Thai Trí Giả đại sư, thâm nhiếp hết tôn chỉ lý thú của trọn bộ kinh. Thế nên học giả mở bộ kinh này thì đã nghĩ qua quá nữa vậy.

ĐỜI NHÀ ĐƯỜNG, NƯỚC KẾ TÂN, SA MÔN TÊN LÀ PHẬT ĐÀ LA DỊCH

Đây nói danh tánh phiên dịch. Kế Tân là một quốc hiệu của Tân Vực. Trung Hoa dịch là Tiện Chung, vì nước này khai quốc do chủng tộc hèn hạ tự lập làm vua chúa, thế nên theo truyền thống đặt tên. Chữ Phật Đà là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là giác; Đa La dịch là cứu. Là tên của nhà dịch

từ Phạm ra Hoa. Về niên đại truyền dịch có chép đầy đủ trong các truyện khác....

CHỖN KHUÔN SƠN DẬ TẤU, NGÀI HÁM SƠN THÍCH ĐỨC THANH

GIẢI THẮNG:

Đầu tiên giải phần tựa.

Tôi nghe như thế này, một thuở,

Từ đây đến bốn chữ ‘pháp hội bình đẳng’ là tên chung. Lời tựa chứng tín đứng đầu các kinh, đều có tựa này gọi là tựa chung. Bởi vì Ngài A Nan thỉnh hỏi mệnh lệnh đức Phật, đặt lời nói đầu để thấy chứng pháp có chỗ truyền trao. Bốn chữ ‘tôi nghe như vậy’ là lời nói của Tôn Giả A Nan khi kết tập pháp tạng, miệng tuyên bố lại lời Phật nói, tức là chánh pháp như thế, A Nan nói, theo Phật đã nghe chánh pháp, chỗ không phải ức thuyết vậy. Nói hai chữ nhứt thời vốn không chỉ chỗ nhứt định, chỉ là đức Phật cùng đệ tử của Ngài khi nào có cơ cảm câu hội nhóm họp. Thế nên phạm thuyết kinh đều nói rằng nhứt thời.

Bà Già Bà:

Cũng gọi là Bạt Già Phạm là tiếng Phạm dùng ở nước Sở, nhà Hạ mà thôi. Là quả hiệu của chư Phật. Hiệu này từ xưa đến nay không phiên dịch, vì có nhiều nghĩa trong danh từ Bà Già Bà, nên không phiên dịch. Một danh từ ấy, nói đủ có 6 nghĩa: 1. Tự tại; 2. Xí Thạnh; 3. Đoan nghiêm; 4. Dand xưng; 5. Kiết tường; 6. Tôn quý. Đều là xưng đức hiệu của Phật. Nếu dịch ra một danh từ thì nghĩa lý không hết, thế nên chỉ để nguyên tiếng Phạm mà thôi. Đây là một phạm lệ trong năm điều không thể phiên dịch. Sau đây là nói vị chủ giảng kinh pháp.

Vào nơi thần thông đại quang minh tạng đại định, chánh thọ; tất cả Như Lai quang nghiêm trú trì.

Đây là chỗ thuyết kinh. Phật có ba thân là pháp thân, báo thân và hóa thân. Quốc độ là chỗ để nương tựa cũng có ba: Tịch quang, thật báo, trang nghiêm, ngoài ra còn có phương tiện hữu dư tịnh độ. Pháp thân Phật ở nơi Tịch Quang Tịnh Độ; báo thân Phật ở nơi Thật Báo Tịnh Độ, tức là Phật Lô Xá Na ở nơi Hoa Tạng Độ cùng với các Bồ Tát địa thượng, hóa thân nói Kinh Hoa Nghiêm. Chính Phật Thích Ca nương các chỗ trong nhơn gian, như Linh Sơn, Xá Vệ, tịnh xá viđại chúng nhơn thiên nói pháp tam thừa. Giờ đây nói đến chỗ thuyết kinh.

Về đại thần thông quang minh tạng là thế nào? Chính là cõi Thường Tịch Quang là chỗ y cứ của pháp thân; Tam muội dịch là chánh định. **Chánh thọ là thế nào?** Chính là thọ dụng trong chánh định. Chỉ rõ Kinh Viên Giác là chỗ Phật đã nói pháp thân báo thân đồng thể, đã nói chánh định, chánh thọ là nơi tự thọ pháp an lạc vậy.

Câu nhứt thiết Như Lai quang nghiêm trú trì là thế nào? Nói pháp tánh tịnh độ là chỗ chứng ngộ của chư Phật; cõi thường tịch quang, dùng yển sáng làm trang nghiêm, không phải dùng các vật quý báu khác trang nghiêm được. Bởi vì cõi Tịch Quang này là nơi an trú của pháp thân. Thế nên trú trì tức là chỗ chơn tánh thuyết pháp, không phải chỗ Phật khác so sánh được; chỉ rõ chơn pháp rất thù thắng vậy.

Các chúng sanh ấy, chỗ giác ngộ thanh tịnh.

Đây nói cảnh Tịch Quang là cảnh thật tế chúng sanh cùng Phật bình đẳng, nghĩa là nhà cửa yên ổn của chư Phật, tức là chỗ giác ngộ của chúng sanh sẵn có không mê. Đây chỉ rõ chơn cảnh chân vọng không hai.

Thân tâm tịch diệt, bản thể bình đẳng, tròn đầy mười phương, không hai tùy thuận.

Đây nói chơn cảnh tịch quang, là thật tế của chư Phật cùng chúng sanh, hoặc thân hoặc tâm đều đồng tịch diệt bình đẳng. Đây là thể tánh cao sâu! **Câu tròn đầy mười phương, tức là diệu dụng rộng lớn.**

Diệu dụng ấy tròn đầy bao trùm rộng lớn không có vật gì ngoài diệu dụng ấy. **Câu không hai tùy thuận, văn tự đảo ngược, đứng ra phải nói tùy thuận không hai.** Nghĩa là tất cả thánh phàm đều về viên giác, trong đó bình đẳng nhứt luật. Thế nên gọi là tùy thuận không hai.

Ở trong cảnh bất nhị, hiện ra các cõi tịnh.

Trên là nói 'cảnh bất nhị', chính là chỗ 'tự thọ pháp lạc' của chư Phật; dùng tướng không thân tâm, làm sao có chia ra chủ và bạn, nếu không chủ bạn, không nói không chỉ, thì làm gì có việc thuyết pháp vậy. Nay nói từ cảnh bất nhị, hiện các cõi tịnh là thế nào? Muốn chỉ bày từ cõi 'tự thọ dụng hiện ra 'tha thọ dụng'. Chính là hàng Địa Thượng Bồ Tát nói cõi thật báo của pháp tự tánh. Trong đó chính có nói có nghe. Song trong cõi này dù có nói cùng nghe, thế mà đức Như Lai còn ở trong chánh định, chưa từng xuất định, thì làm sao mà có nói? Ý muốn chỉ rõ kinh này là chân lý từ pháp thân Như Lai đã nói, chỉ bày là tướng cảnh giới 'TÂM, Ý VÀ Ý THỨC'. Đây chính là Như Lai tối thắng thanh tịnh thiện, không có kinh pháp nào khác có thể so sánh được. Trong Kinh Lăng Già dùng pháp thân nói pháp, là dùng pháp chứng ngộ Phật. Kinh này (Viên Giác) dùng cõi chứng quả Phật. Hai kinh hiệp lại mà quán xét, mỗi bên đều có chỉ sâu xa. Từ xưa đến nay những ai chưa thông đạt, xin quán xét kỹ lưỡng.

Cùng các vị đại Bồ Tát, mười muôn vị câu hội, một số lớn quý Bồ Tát như Văn Thủ Sư Lợi, Bồ Tát Phổ Hiền, Bồ Tát Phổ Nhãn, Bồ Tát Kim Cang Tạng, Bồ Tát Di Lạc, Bồ Tát Thanh Tịnh Huệ, Bồ Tát Oai Đức Tự Tại, Bồ Tát Biện Âm, Bồ Tát Chư Nghiệp Chướng, Bồ Tát Phổ Giác, Bồ Tát Viên Giác, Bồ Tát Hiền Thuận Thủ v.v... Các Ngài đều là bậc Thượng Thủ, cùng các quyến thuộc đều vào chánh định, đồng trụ pháp hội bình đẳng Như Lai.

Đoạn này, nêu bạn chúng, kê khai danh tánh của các vị thượng thủ. Mười hai vị thượng thủ trước đã hiểu pháp tam quán, giải thích danh từ kia, mỗi ngài đều đủ đức tính, nên dường như không câu chấp. Nói đều vào chánh định là sao? Vì báo tướng của Phật tức là pháp thân, độ tức là báo độ tịch quang; hơn nữa đức Phật tự vào thiền định nói pháp tự tánh, đâu có thính chúng tán tâm mà có thể nhập ư? Thế nên phải vào chánh định, rồi sau mới có thể đồng trú pháp hội bình đẳng này.

Hỏi: Chủ, bạn đều ở nơi chánh định, thì không ai nghe vậy lấy gì để chỉ rõ pháp?

Đáp: Đây là pháp nhiệm mầu không thể nghi bàn được! Thuở xưa ngài Không Sanh, ngồi yên trong núi, vị Thiên Đế Thích rải hoa, khen là khéo nói bát nhã. Không Sanh nói: Ta thật không nói. Thiên Đế nói: Tôn giả vì không thuyết (năng thuyết) không nói (sở thuyết), nên tôi cũng không thính (năng thính), không nghe (sở thính). Nói và nghe như vậy đó là chơn bát nhã. Rõ lý này có thể tin trong chánh định khéo nói khéo nghe.

Ngày xưa đã nói: Bồ Tát có oai nghi khái thỉnh, quyết có văn xuất nhập, hoặc người dịch giản lược. Đây nói quá câu chấp, há không nghe Long Vương (Nàgà) thường ở trong định không có thời nào chẳng định; đâu phải riêng đức Phật thường ở trong định mà các Bồ Tát lại không nhập định hay sao? Hàng Bát Địa Bồ Tát (Bất Động Địa) thị hiện chánh định, 'lạc ý sanh thân' ra để độ sanh, đâu xuất định ư? Nếu cố chấp phải xuất định mới có nghe, có thọ khái thỉnh, thời không khởi diệt định, mà hiện các oai nghi, đâu không phải là việc của Bồ Tát, do đâu mà đến đây, học giả cố gắng tìm hiểu tường tận.

1. Viên Giác liễu nghĩa khế kinh,
Đức Thanh giải thẳng, họ Trình duyệt qua,
A Nan thu thập tinh hoa,
Bạch lên đức Phật, Bạt Đà định phân!

2. Như Lai nhập định hóa thân,
Tịch Quang cư trú là phần nghiêm minh.
Ở trong bất nhị chúng sanh,

Hiện ra cõi tịnh thuyết kinh thượng thừa.

3. Mười hai đại sĩ đều thừa,
Cách tu cách chứng cho vừa lòng tin,
Văn Thù...Thiện Thủ cầu xin.
Bình Đăng pháp hội như in gương tròn.

I. Lúc ấy Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi ở trong đại chúng, liền từ tòa đứng dậy, đánh lễ dưới chân đức Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối, chắp tay, rồi bạch Phật rằng:

Đây là chỉ cách oai nghi hỏi pháp trong nhà Phật.

Đại Bi Thế Tôn! Xin vì đại chúng trong pháp hội từ phương xa đến, chỉ nói pháp hạnh như địa thanh tịnh, bốn khởi của Như Lai, và các vị Bồ Tát ở trong giáo lý đại thừa, phát tâm thanh tịnh, xa lìa các chứng bệnh, hay khiến chúng sanh trong đời mạt pháp về sau, những ai cầu pháp đại thừa, không đọa vào tà kiến.

Đây chính là những lời trình bày cung thỉnh.

Hỏi: Có hai ý kiến: Một, hỏi về như địa phát tâm của Như Lai, y theo pháp gì, tu theo những hạnh nào, mà được thành Phật? Hai, hỏi các vị Bồ Tát ở trong đại thừa đã phát tâm thanh tịnh, nguyện thành Phật độ chúng sanh,, nhưng không biết phải dụng tâm tu hành như thế nào, đặng chánh tri kiến, không sa vào bệnh thiên tà. Nếu được khai thị, để khiến cho chúng sanh đời mạt kiếp vị lai, ai có phát tâm đại thừa như thế nào đặng chánh tri kiến, không sa vào bệnh thiên tà. Nếu được khai thị, để khiến cho chúng sanh đời nạt kiếp vị lai, ai có phát tâm đại thừa, liền y theo chỗ đã nói ngày nay mà tu tập thì không bị sa vào tà kiến. Đây dù là lời hỏi hiện tại, nhưng kỳ thật phần nhiều vì căn cơ đời vị lai. Đây là tấm lòng bi nguyện vậy.

Nói lời ấy rồi, năm vóc gieo xuống đất, ba lần cung thỉnh như thế, nói rồi nói trở lại.

Đây là tỏ ra lòng thành khẩn cầu chánh pháp.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo với Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi rằng: Lành thay! Quý hóa thay! này thiện nam, các ông vì các vị Bồ Tát thưa hỏi pháp hạnh như địa của Như Lai và vì tất cả chúng sanh đời mạt pháp, những người cầu giáo lý đại thừa, đặng chánh trí tri, không sa vào tà kiến, các ông mau lắng nghe, tôi sẽ vì các ông mà nói.

Đây là khen lời khéo hỏi, khuyên lắng nghe và hứa chỉ nói; dưới hành theo.

Khi ấy, Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, vâng lời dạy vui mừng, và đại chúng yên lặng ngồi nghe. Đây nói lên lòng hân hoan, lắng nghe theo

tiếng pháp. Vì mười hai vị đại sĩ về nghi thức thỉnh pháp, mỗi vị đều làm giống nhau, đồng một văn tự, nên không cần lập lại giải thích.

Này các thiện nam! đấng Vô Thượng Pháp Vương có pháp môn đại tổng trì (đà la ni) gọi là viên giác lưu xuất chơn như thanh tịnh, bồ đề niết bàn và ba la mật, dạy trao cho các Bồ Tát; tất cả nhươn địa bốn khởi của Như Lai, đều y tướng giác ngộ viên chiếu thanh tịnh, hằng đoạn vô minh, mới thành Phật đạo.

Đây là chỉ thẳng nhươn địa bốn khởi. Nhươn địa Như Lai đặc biệt nêu ra một pháp viên giác làm căn bản tu hành. Nhưng gọi viên giác này là môn đà la ni là thế nào? Tiếng Phạn gọi là đà la ni, Trung Hoa dịch là tổng trì. “Tổng” là tóm thu tất cả sự vật, “trì” là giữ gìn vô lượng nghĩa, vì viên giác này là pháp môn đại tổng tướng của “mười pháp giới”. Bản thể tất cả thánh phàm, y chánh, mê ngộ, nhươn quả, đều y theo viên giác này, nhưứt tâm mà được kiến lập, không một pháp nào mà chẳng đủ, nên gọi là “tổng”. Nhươn quả may mắn không mất không hoại, nên gọi là “trì”. Tất cả thánh phàm đều do viên giác, nên xưng là “môn”. Lưu xuất là thế nào? Tức là do nghĩa kiến lập này, song giác thể của nó là pháp thân của chư Phật, là tâm địa, bản giác của chúng sanh. Mặc dù nhiễm mà không nhiễm, nên gọi là thanh tịnh. Từ xưa đến nay không mê vọng, không biến đổi, nên gọi là chơn như. Nhưng vì vô minh che lấp nên không hiện được chư Phật như lai nơi nhươn địa, y bản giác chơn tâm này, phát trí thi giác, đoạn hết vô minh, thi giác, bốn giác hợp nhưứt, gọi là “cứu kính giác”, là đặng quả bồ đề, trở về tịch diệt nhưứt tâm, gọi là viên tịch, cũng gọi là niết bàn. Như thế biết rằng quả đức của chư Phật, đều y nơi viên giác nhưứt tâm mà kiến lập, nên gọi là lưu xuất. Nhưng không riêng vì quả vị Phật, tức nhươn địa Bồ Tát, các ba la mật cũng từ đây lưu xuất, nên gọi là ‘và’. Dùng nhươn địa của chư Phật, là bản hạnh của Bồ Tát, nên nói là dạy trao. Thế nên tất cả Như Lai thành Phật từ nhươn địa bốn khởi, lại không có pháp nào khác, đều y nơi yển sáng tự tánh viên giác này, lại chiếu tướng giác thể tịch diệt thanh tịnh, tức là tánh thể vậy. Dùng sự tròn đầy chiếu xuất không còn sót nơi nào, thì hằng dứt vô minh, viên chứng pháp thân, chỉ có một pháp này mà thôi, cho nên gọi là đều y viên chiếu, tướng giác ngộ thanh tịnh, hằng đoạn vô minh, mới hoàn thành con đường giác ngộ. Song tròn soi tức là trí ‘nhưứt tâm tam quán’ tướng giác ngộ thanh tịnh tức là thể ‘nhưứt tâm tam đế’, toàn bộ kinh chỉ phát minh một câu này mà thôi.

Hỏi: Đây nói có môn đại đà la ni gọi là viên giác, lưu xuất tất cả pháp v.v.. cùng với Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói có tam ma đề (định) gọi là Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Vương v.v..thế nói giống như đồng nhau nhưng nghĩa có khác gì không?

Đáp: Lời giống như đồng nhau, nghĩa một ít sai khác, vì Kinh Viên Giác chỉ thẳng giác thể, làm nhươn tâm địa. Kinh Lăng Nghiêm dùng thủ lăng

nghiêm làm đại định, làm phương tiện sơ tâm thành Phật. Thể của Kinh Viên Giác là dụng của Kinh Lăng Nghiêm, đó là chỗ không đồng. Còn chỗ đồng, Kinh Lăng Nghiêm trước dùng tâm bất sanh diệt làm căn bản tu như, y theo đó kiến lập đại định thủ lăng nghiêm. Song tâm bất sanh diệt tức là giác thể kinh này, định Thủ Lăng Nghiêm Kinh kia, tức là tướng giác ngộ thanh tịnh viên chiếu của kinh này. Vì viên chiếu này tức đại định kia. Tướng giác ngộ trong kinh này, tức là tâm bất sanh diệt của kinh kia; nhiếp dụng để trở về thể, rốt ráo không hai. Thế nên đều là căn bản thành Phật.!

Hỏi: Đức Phật nói, viên giác đà la ni môn là như địa bốn khởi của Như Lai. Lại nói: Thanh tịnh chơn như là Phật tánh không mê của chúng sanh. Lại nói: Đều y tướng giác ngộ viên chiếu thanh tịnh thì vốn không có vô minh có thể đoạn. Sao lại nói hằng đoạn vô minh mới hoàn thành con đường giác ngộ. Như thế thì nghĩa lý không nương nhau, dám hỏi ý đó?

Đáp: Nghĩa lý này rất sâu sắc tế nhị, không phải dùng thô tâm mà nghĩ bàn được, xin thí nghiệm rồi nói. Nhưng diệu tâm viên giác là pháp thân của chư Phật cùng chúng sanh bình đẳng không hai, vì pháp thân lưu chuyển năm đường, nên gọi là chúng sanh. Song thanh tịnh chơn như là pháp thân của chư Phật, là Phật tánh của chúng sanh. Bởi vì lúc đầu, một niệm vô minh bất giác làm mê mờ pháp thân này, mà thành thân tâm huyền vọng năm uẩn, vì sẵn có viên giác thành ra Phật tánh không mê, phiền não không thể nhiễm, nên gọi là thanh tịnh. Xưa nay không vọng động không thay đổi, nên gọi là chơn như. Một lời nói thanh tịnh chơn như, Phật tánh chỉ thẳng trong mê của chúng sanh. Bởi vì như địa của chư Phật, đồng là chúng sanh, nhưng hay y theo Phật tánh của bốn giác, phát khởi trí thi giác, đoạn hết vô minh, thi giác, bốn giác hợp một, gọi là đặng bồ đề, lại chứng tịch diệt nhứt tâm, nên gọi là niết bàn. Thế thì quả đức của chư Phật, bồ đề, niết bàn, đều từ mê mà trở về ngộ, tu rồi sau sẽ được, nên gọi là hằng đoạn vô minh, mới hoàn thành con đường giác ngộ. Nhưng phương pháp tu để đoạn, đều y theo trí sáng tự tánh viên giác, lại chiếu soi tâm thể tịch diệt thanh tịnh, nên gọi là tướng giác ngộ viên chiếu thanh tịnh, dùng tự tánh sáng suốt chiếu tất cả, thì đốn phá được vô minh, nên gọi là hằng đoạn. Đây thật là bí quyết thành Phật, diệu môn của đốn ngộ, đốn chứng, là pháp hạnh như địa của Như Lai. Kinh này chỉ thẳng ý chánh nhứt tâm viên đốn. Vì thế cho nên đầu tiên nêu ra điểm này là tôn thú của bộ kinh, lời nói nghĩa lý cao siêu, hàng thức giả tầm thường khó mà liễu ngộ, nên phải phát khởi tâm linh.

Thế nào gọi là vô minh?

Đây gạn lại giải thích thể của vô minh, chỉ rõ công viên chiếu. Đoạn dưới gạn giải.

Này thiện nam! Tất cả chúng sanh từ vô thi đến nay, nhiều thứ điên đảo, cũng như người mê, bốn phương đổi chỗ, vọng nhận bốn đại là

thân tướng của mình, duyên bóng sáu trần cho là tâm tướng của mình. Ví như người có con mắt bị bệnh thấy giữa hư không có hoa, và mặt trăng thứ hai.

Đoạn này giải thích căn nguyên của vô minh. Nghĩa là chúng sanh sẵn có pháp thân, vốn không sanh tử, nay do một niệm ban đầu vô minh bất giác, mê quên Phật tánh xưa nay, khởi lên tham lam, giận tức, si mê, tạo nhiều thứ nghiệp, dẫn đến sanh tử sáu đường, nên nói là nhiều thúđiên đảo; mặc dù ở trong sanh tử qua lại, nhưng pháp thân không động (lặng) vậy; cũng như kẻ mê phương hướng, nhưng phương hướng thật không bao giờ chuyển. Cho nên “mê” là như thế nào? Vì bỏ quên pháp thân, chỉ nhận huyền thân bốn đại giả hợp là thân mình, vọng nhận vin níu bóng dáng dấu trần, vọng tưởng tâm duyên lự là chơn tâm. Ví như con mắt nhắm thấy giữa hư không có hoa đốm và mặt trăng thứ hai. Con mắt nhắm dụ cho vô minh, hoa giữa hư không dụ cho vọng thân, mặt trăng thứ hai dụ vọng tâm, vì nhận vọng mất chơn, nên gọi làđiên đảo.

Này thiện nam! Hư không thật không có hoa, người bịđau mắt vọng chấp, vì do vọng chấp, chẳng những mê lầm tự tánh hư không này mà lại còn mê chỗ sanh hoa thật kia, do mê vọng này mà có luân chuyển sanh tử, nên gọi là vô minh.

Thí dụ trên để chỉ bản thể vô minh. Pháp thân vốn không có tướng thân tâm, cũng như hư không vốn không có hoa; nay vọng nhận bốn đại là thân, cũng như chấp hoa đốm giữa hư không là thật có, vì do vọng chấp, chẳng những làm mê mờ pháp thân sẵn có, nên nói mê lầm tự tánh hư không này; cũng lại không rõ vọng thân từ vô minh mà có, nên nói mê chỗ sanh hoa thật kia, do vọng tưởng điên đảo, nên có sanh tử luân chuyển. Ấy là bản thể của vô minh vậy.

Các thiện nam! Vô minh ấy không có thật thể, như người trong giấc chiêm bao, khi thấy chiêm bao đều thấy có cảnh thật, đến khi tỉnh dậy, không có vật gì còn hết; cũng như các hoa đốm giữa hư không, diệt cũng từ hư không mà diệt, không thể nói có chỗ diệt nhất định. Vì sao? Bởi vì không chỗ sanh. Tất cả chúng sinh, ở trong chỗ không sanh, vọng thấy có sanh diệt, vì thế nên nói luân chuyển trong vòng sanh tử.

Đoạn này giải thể vô minh là không, vì rõ biết sự sanh tử xưa nay không có thật thể, vì sanh tử là do điên đảo trong khi mê, cũng như các cảnh trong chiêm bao, sau khi thức giấc liền không. Tại vì sanh vốn không sanh, nên diệt cũng không chỗ diệt, cũng như hoa đốm giữa hư không, không có chỗ diệt nhất định. **Các thiện nam! Như địa như lai, người tu viên giác, biết rõ hoa đốm giữa hư không, không bao giờ luân chuyển, cũng không có thân tâm chịu sanh tử kia, không tạo tác nên nó không, bản tánh nó là không vậy.**

Đây chỉ rõ diệu môn đốn ngộ và công viên chiếu. Chỉ một chữ 'tri', tức là như địa tu hành của chữ Phật, chỉ nhờ tự tánh sáng suốt viên giác, tròn soi để tự tâm tịch diệt, một niệm rõ biết thân tâm cùng thế giới, như hoa đốm giữa hư không, xưa nay không có thì sanh tử lập tức chấm dứt, vì thân tâm vốn không, nên không thể chịu sự sanh tử lập tức chấm dứt, vì thân tâm vốn không, nên không thể chịu sự sanh tử. Đây không phải tạo tác rồi sau mới không, đặc biệt là vì xưa nay tự tánh của nó vốn không vậy.

Sự tri giác kia cũng như hư không, tức là tướng hoa nó không có, cũng không thể nói không có tánh giác tri, có và không đều đẹp. Như thế gọi là tịnh giác tùy thuận.

Đây là quét sạch dấu vết năng, sở đối đãi, chỉ rõ bình đẳng viên chiếu, tịch diệt rốt ráo, trí nhứt tâm tịch giác vậy. Nói tri giác là sao? Là chỉ cho sự hiểu biết giống như hoa đốm giữa hư không. Chỗ khác nói viên chiếu là trí sáng tự tánh sẵn có, nó là trí năng chiếu. Sự hiểu biết chỉ cho cảnh sở chiếu, tức là giác tướng thanh tịnh; cũng như hư không là dụ cho giác thể sở chiếu, chỗ khác gọi là pháp thân thanh tịnh, cũng như hư không, nói giác thể này, mặc dù là sẵn có, từ trước đến giờ bị màn vô minh ngăn che, từ lâu không giác ngộ, nay nhờ trí sáng chiếu soi thì vô minh tan biến, bản thể lập tức hiện tiền, nhờ đó sanh tử nhiều kiếp một thời dứt sạch. Như thế sự hiểu biết giống như hoa đốm giữa hư không, tức không luân chuyển. Đoạn này đặc biệt chỉ rõ trí chiếu có công hiệu vậy.

Biết hư không là thế nào? Người hiểu biết là chỉ rõ trí năng chiếu. Ý nói ban đầu dùng trí chiếu phá mê lầm, mê lầm diệt thì trí cũng không còn. Song sở chiếu đã vắng lặng; nếu còn hiểu biết năng chiếu cũng là vô minh, nên phải dẹp trừ hết. Thế nên nói rằng biết hư không tức là tướng hoa đốm giữa hư không. Đến chỗ này thì năng, sở đều dứt, tịch chiếu không hai. Đến đây chỉ có trí như như chiếu thể độc lập. Nên nói rằng cũng không thể dùng lời lẽ, không biết giác tánh thẳng đến tâm cảnh đều không, năng cùng sở đều dứt. Thế nên có không đều đẹp. Như vậy là hợp với tịch diệt nhứt tâm; thế nên nói là tịnh giác tùy thuận. Văn này phải đảo ngược mới đúng, nên nói tùy thuận tịnh giác, tức như văn trước đã nói tùy thuận không hai vậy.

Vì cố sao? Vì tánh hư không, thường hằng không lay động; vì trong như lai tạng không khởi không diệt, vì không tri kiến, như pháp giới tánh, rất ráo tròn đầy khắp mười phương. Thế nên gọi là pháp hạnh như địa.

Đoạn này gạn giải tâm thể 'sở chiếu' tịch diệt, lập lại để chỉ rõ chơn tâm dứt sự đối đãi, cũng để chỉ giác tướng thanh tịnh. Cố sao phải lập đi lập lại quét sạch năng sở? Vì tâm thể vắng lặng; xưa nay như tánh hư không, thường trú không động. Đây chỉ rõ không quán vậy. Hiện nay dù có thân tâm sanh tử, từ xưa đến nay như hoa đốm giữa hư không, vì trong như

lai tạng không có khởi diệt, vì không cho có tri kiến. Đây là chỉ rõ giả quán vậy. Chữ ‘như’ có nghĩa là xứng vậy. Xứng pháp giới tánh, rốt ráo viên mãn, giáp khắp mười phương. Đây là chỉ rõ quán trung đạo vậy. Đây là cảnh thật tế diệu giác minh tâm. Như địa như lai, chỉ do đây mà thôi.

Bồ Tát do đây ở trong đại thừa phát tâm thanh tịnh; chúng sanh trong đời mạt pháp y theođây tu hành, khỏi sa vào tà kiến!

Bồ Tát sơ phát tâm phải theo đây mà phát, ấy là chơn như; chúng sanh y theo đây mà tu hành, ấy là chánh hạnh, thế nên khỏi sa vào tà kiến. Đây là kết thúc ý vấn đáp vậy.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên, mà nói bài kệ rằng:

“Văn Thường nên biết,
Tất cả các Như Lai,
Từ nơi nhân địa này,
Đều dùng trí tuệ biết.
Rõ thông màn vô minh.
Biết kia như không hoa,
Liên được khởi lưu chuyển,
Lại như người trong mộng,
Khi tỉnh chẳng còn chi,
Người biết như hư không,
Bình đẳng không động chuyển.
Tinh khắp mười phương cõi,
Liên được thành Phật đạo.
Các huyễn không chỗ diệt,
Thành đạo cũng vô đắc,
Vì bản tánh tròn đầy,
Bồ Tát ở trong ấy,
Hay phát tâm bồ đề,
Chúng sanh đời mạt pháp,
Tu đây khỏi tà kiến.

Bài kệ tụng đối đãi, chúng ta nên biết rõ có cùng không, rộng và hẹp!

Thơ.

4. Oai nghi thỉnh pháp nghiêm trang,
Đầu lạy chân Phật, hân hoan ba vòng,
Chấp tay qùy gối một lòng,
Bạch lên đức Phật cầu mong hai điều.
5. Thủ nhứt đạt đạo cao siêu,

Nhơn địa pháp hạnh, sử nêu muôn đời,
Hai là Bồ Tát khắp nơi.

Làm sao chánh kiến, không rơi đường tà.

6. Ba phen thừa thỉnh Phật Đà,
Ngũ thể đầu địa, thật là nhứt tâm,
Phật truyền giáopháp thậm thâm,
Chúng sanh thời mặt thường lâm tà đồ.
7. Văn Thù, đại chúng hoan hô!
Một lòng nghe pháp ghi vô tâm điên,
Phật dạy Viên Giác trao liền,
Vô minh đoạn hết, thuận miền chơn hư.
8. Chúng sanh điên đảo quá ư,
Nhận giả làm thật, tâm tư điên cuồng,
Mắt nhậm thấy sắc (hoa) in tuồng,
Mặt trăng đệ nhị cũng luôn mê lầm.
9. Mê lầm toàn vọng truy tầm,
Chiêm bao lúc thức, không cầm món chi,
Luân hồi sanh tử ngu si,
Viên giác ngộ được, sâu bi dứt liền.
10. Chúng sanh đời mặt triền miên,
Y theo nội pháp cần chuyên tu hành,
Phật nói bài kệđành rành,
Tu theo giác tánh, đạo thành quả cao!

II. Lúc ấy đức Bồ Tát Phổ Hiền ở trong trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân đức Phật, đi nhiễu bên hữu ba vòng, quỳ gối chấp tay, bạch với Phật rằng:

Oai nghi thỉnh pháp.

Bạch đức Đại Bi Thế Tôn! Xin Phật vì các chúng Bồ Tát trong pháp hội này, và vì tất cả chúng sanh, người tu theo hạnh đại thừa, nghe cảnh giới viên giác thanh tịnh này, làm sao để tu hành. Bạch Thế Tôn! Nếu chúng sanh kia biết sự vật như huyễn, thân tâm cũng huyễn. Tại sao dùng huyễn lại tu cái huyễn, nếu các tánh huyễn, tất cả đều diệt hết, thì không có tâm, ai mà tu hành? Tại sao lại nói tu hành như huyễn? Nếu các chúng sanh xưa nay không tu hành, trong đường sanh tử thường ở nơi huyễn hóa, từng không rõ biết cảnh giới như huyễn, khiến tâm vọng tưởng, làm sao được giải thoát? Nguyên Phật vì tất cả chúng sanh trong đời mạt pháp, làm phương tiện gì thứ lớp tu tập, khiến các chúng sanh, hằng lià các huyễn.

Đoạn này đức Phổ Hiền Đại Sĩ nghe lời khai thị trước, noi theo dấu vết đó mà khởi lòng nghi đặc biệt khái thỉnh đức Phật chỉ cho phương tiện tu hành, do trước Phật đã nói: Biết là hoa đốm giữa hư không, liền không luân chuyển, cũng không thân tâm thọ sanh tử kia. Đây chính là một niệm đốn ngộ, sau đó thoát rõ sanh tử, thì không nương sự tu trì, lại cũng cần phương tiện, thế thì có con đường tắt, không phải là bậc thượng thượng căn thì không thể lãnh ngộ. Vì sao chúng sanh đời mạt pháp, những bậc thượng thượng căn quái, nếu không nhờ tu hành, chắc khó ngộ nhập; nếu không nhờ phương tiện, không thể tạo sự tu. Thế nên bước đầu ở đây xin hỏi việc tu hành, để tìm những pháp phương tiện thứ tự. Nếu nói 'biết' là hoa đốm giữa hư không, tức không luân chuyển. Nhưng hoa đốm giữa hư không tức là huyền vọng, mặc dù có chúng sanh hay biết thân tâm như huyền, nếu chỗ biết là huyền thì thân tâm năng tri này cũng là huyền. Làm sao dùng huyền lại tu nơi huyền ư? Đây là chỗ nghi thứ nhất. Nếu cái huyền sở tri đã diệt, thì cái huyền năng tri cũng diệt. Như thế năng, sở đều diệt thì không có tâm vậy. Rồi những ai là người tu hành ư?

Làm sao lại nói tu hành như huyền? Đây là nghi thứ hai vậy. Nếu các chúng sanh trước kia không nhờ không nhờ sự tu hành, như thế thì ở trong sanh tử thường ở nơi huyền hóa, từng không rõ biết cảnh giới như huyền. Như vậy thì khiến tâm vọng tưởng làm sao được giải thoát ư? Đây là nghi vấn thứ ba. Như đây mà thỉnh vấn đức Như Lai, xin Phật nói những phương tiện tu hành, phải khiến chúng sanh hăng xa lìa các huyền. Thế nên dưới đây đức Thế Tôn đáp lời dùng huyền tâm chúng sanh, lại nương nơi huyền mà diệt, không phòng ngại dùng huyền tu huyền là lời đáp thứ nhất. Các huyền diệt hết, tâm giác ngộ không động, không sa vào đoạn diệt là lời đáp thứ hai. Biết huyền liền xa lìa, cũng không phương tiện, lìa huyền tức là giác ngộ, cũng không cần thứ lớp. Đây là lời đáp thứ ba. Song mà giải thích chung, chương trước thành ý đốn ngộ đốn tu vậy.

Nói lời ấy rồi, năm vóc gieo xuống đất, ba lần thỉnh như thế, lập đi nói lại,

Đây tỏ bày lòng thành khẩn cầu chánh pháp.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn bảo Bồ Tát Phổ Hiền rằng: Lành thay! Quý hóa thay! Các thiện nam! Các ông chính hay vì các Bồ Tát sơ phát tâm và chúng sanh đời mạt pháp tập tu hạnh Bồ Tát phương tiện như huyền tam muội (chánh định), tuần tự khiến các chúng sanh xa lìa các huyền, nay các ông phải lắng nghe, tôi sẽ vì các ông mà giảng nói.

Đây là khen ngợi lời hỏi khôn khéo, khuyên gắng nghe và hứa giảng nói vậy.

Lúc ấy Bồ Tát Phổ Hiền rất vui mừng vâng lời dạy, cùng với đại chúng yên lặng nghe pháp.

Đây là hân hoan theo dõi tiếng pháp, tâm hồn chăm chú lắng nghe vậy.

Các thiên nam! Tất cả chúng sanh, có rất nhiều huyễn hóa đều sanh từ diệt tâm viên giác như lai, cũng như hoa đốm giữa hư không, từ hư không mà có, hoa đốm dù diệt, nhưng tánh không chẳng hoại, huyễn tâm của chúng sanh lại y nơi huyễn mà diệt, các huyễn diệt hết, tâm giác ngộ không động.

Lời đáp này: Các huyễn diệt hết, không vào nơi đoạn diệt.

Y theo huyễn nói giác, cũng gọi là huyễn, nếu nói có giác ngộ, cũng chưa lìa huyễn, nói không giác ngộ, cũng lại như thế. Thế nên huyễn diệt, gọi là bất động.

Lời đáp này, dùng huyễn tu huyễn, để giải thích thành ý kiến không vào đoạn diệt. Nghĩa là dùng giác, giác ngộ huyễn, giác ấy cũng là huyễn. Thế nên y theo huyễn nói giác, cũng gọi là huyễn. Nếu nói huyễn diệt mà giác ngộ còn, ấy cũng là huyễn. Thế nên nói rằng nếu có giác ngộ, cũng chưa lìa huyễn. Nếu lại khởi một kiến chấp, nếu huyễn diệt mà giác cũng không, cũng lại là huyễn.

Vì sao thế? Vì chưa thông lý lẽ cứu kính thật tế, chỉ thẳng có, không đều dẹp, chiếu thể độc lập. Thế nên nói rằng huyễn diệt gọi là bất động, dùng các thứ huyễn hóa, đều sanh diệt tâm viên giác, nên các huyễn diệt hết, giác tâm không động vậy.

Các thiện nam! Tất cả Bồ Tát sơ phát tâm và chúng sanh trong đời mạt pháp, phải nên xa lìa tất cả cảnh giới hư vọng huyễn hóa, do tâm kiên cố chấp trí xa lìa, tâm như huyễn cũng lại xa lìa.

Đây chỉ phương tiện ly huyễn, để đáp lại tâm chân tình hằng xa lìa các huyễn và khiến trừ tâm lìa huyễn. Nghĩa là biết huyễn đó, mới khởi tâm hay xa lìa; các huyễn đã diệt, nếu ai kiên chấp có tâm hay xa lìa, tâm này cũng như huyễn, thế nên cũng lại phải xa lìa. Đây là dẹp bỏ tâm năng ly lần thứ nhứt vậy.

Xa lìa là huyễn, cũng lại xa lìa.

Đây là dẹp bỏ những xa lìa, lìa vọng tâm lớp thứ hai vậy. Nghĩa là đầu tiên dùng cái biết để lìa huyễn, huyễn diệt thì dẹp bỏ tâm 'năng tri' (hay biết); nếu 'năng tri' đã diệt, thì sự lìa bỏ này cũng như huyễn. Thế nên nói xa lìa là huyễn, cũng lại xa lìa.

Lìa xa gần, lìa huyễn hóa, cũng lại xa lìa.

Đây là dẹp bỏ những sự xa lìa, xa gần, huyễn hóa, trên sự xa lìa lớp thứ ba vậy. Tức là 'năng khiến sở khiến' đều dẹp bỏ hết.

Đặng 'vô sở ly', tức diệt trừ các huyễn. Ví như cọ cây lấy lửa, hai cây phải cọ sát nhau thật mạnh, lửa lưu xuất cây dần dần tiêu, tro

bay khói dứt; dùng huyền tu huyền cũng lại như vậy, các huyền diệt hết, không vào đoạn diệt.

Đây nói dẹp bỏ trong sự bỏ dẹp, cho đến không còn thấy dẹp bỏ, cho nên nói dặng 'vô sở lý', tức là diệt trừ các huyền vậy. Vò cây lấy lửa dụ cho huyền trí; tro bay khói hết, dụ cho không vào đoạn diệt. Đây là tổng kết ý chánh trả lời các câu hỏi vậy.

Các thiện nam! Biết huyền tức là lìa huyền, không cần phương tiện, lìa huyền tức là giác ngộ, cũng không thứ lớp.

Đoạn này kết thúc chỉ rõ đốn ngộ đến chúng tôn chỉ rốt ráo nhứt tâm. Lời hỏi: Trên kia đáp: dùng huyền để tu huyền, dẹp bỏ nó (huyền) lại dẹp bỏ tất cả, đều là y phương tiện tiệm thứ. Nay kết luận nói: Không cần phương tiện, cũng không tiệm thứ. Như vậy có trái với lời Phật tử nói chăng? -Đáp: nghĩa này quá sâu dày, thiệt khó mà khế hội. Trên nói: Các thứ huyền hóa đều sanh trong diệu tâm viên giác như lai. Tuy nói quét dẹp các lớp. Chỗ quét dẹp đó đều là một khối huyền; tức là trong tâm diệu giác này, khi có khởi vọng tâm động chánh niệm bằng sợi tơ mây tóc, chỗ chấp chưa quên. Nói chung đều là huyền. Nếu biết cuối cùng là huyền, thì tất cả các huyền tự xa lìa, chỉ biết mà thôi, lại còn cần phương tiện gì khác, nếu (chỉ) còn tâm chấp trước, tức là biết thấy chưa quên. Liền gọi là pháp chấp vi tế, rõ thông tất cả đều như huyền, thì lập tức tiêu trừ, toàn thể tự hiện. Nên nói biết huyền tức lìa, lìa huyền tức giác ngộ. Chính như con voi chưa lội qua sông, chân đạp đến đáy. Cũng giống như thế, nên nói không cần phương tiện lại cũng không theo thứ lớp vậy.

Tất cả Bồ Tát sơ phát tâm và chúng sanh trong đời mạt pháp, y theo phép này tu hành, như vậy mới hay xa lìa các huyền.

Đây là kết thúc ý chánh trả lời câu hỏi. Tức là cần phải dẹp dọn lau quét các lớp huyền, như thế mới hay lìa các huyền vậy.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này, nên nói bài kệ rằng:

Phổ Hiền! Ông nên biết,
Tất cả các chúng sanh,
Vô minh, huyền vô thi,
Đều từ các Như Lai.
Kiến lập tâm viên giác,
Như hoa đốm giữa trời,
Y đó mà có tướng
Hoa giữa không nếu diệt,
Hư không vốn không động,
Huyền tử các giác sanh,
Huyền diệt giác tròn đầy,

Vì tâm giác không động,
Nếu các Bồ Tát kia,
Và chúng sanh đời mạt,
Thường phải xa lìa huyễn,
Các huyễn thấy đều lìa.
Như trong cây sanh lửa,
Cây hết lửa lại diệt,
Giác thì không thứ lớp,
Phương tiện cũng như thế...

Văn trường hàng chỉ nói các thứ huyễn hóa, sanh ở trong tâm giác tri, không biết huyễn hóa là thế nào? Nên trong bài kệ tụng thêm hai chữ vô minh. Nói: Các thứ huyễn hóa đều vô minh vậy.

Thơ II.

11. Phổ Hiền Bồ Tát xin thưa
Phật vì sinh chúng đại thừa chuyên tu,
Làm sao thoát khỏi ngục tù,
Xa lìa các huyễn, đều bù công lao!

12. Đặt thành câu hỏi trước sau,
Ba lần thưa thỉnh trông mau Phật truyền,
Ngài khen lời hỏi diệu huyền,
Lìa huyễn thứ lớp, Phổ Hiền nghe quanh.

13. Phật rằng huyễn hóa đều sanh,
Điều tâm viên giác trong thành Như Lai,
Hoa, không chỉ một nào hai,
Tánh không bất hoại, hoa khai rồi tàn.

14. Huyễn tâm sanh chúng cơ hàn
Nướng theo huyễn diệt, con đường thênh thang,
Y huyễn nói giác đoan trang,
Giác kia cũng lại thuộc hàng ngu si.

15. Năng huyễn, sở huyễn đều ly,
Dứt trừ ngã, pháp tâm tri không còn,
Giống như vò lửa cây mòn,
Lửa ra cây hết, không còn khói tro.

16. Lấy huyễn tu huyễn so đo,
Cũng lại như vậy, không cho mất phần,
Ly huyễn phương tiện chẳng cần,
Ly huyễn tức giác, trong ngần bao la.

III. Lúc bấy giờ, Phổ Nhân Bồ Tát, ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân đức Phật, đi nhiễu bên hữu ba vòng, quỳ gối chấp tay, bạch với Phật rằng:

Oai nghi thỉnh thuyết pháp.

Bạch Đại Bi Thế Tôn! Xin ngài vì chúng Bồ Tát trong pháp hội này và cũng vì tất cả chúng sanh trong đời mạt pháp, diễn nói thứ lớp tu hành của Bồ Tát sơ phát tâm. Làm thế nào để suy nghĩ? Làm sao trụ trì? Chúng sanh chưa giác ngộ, phải dùng phương tiện gì, khiến họ khai ngộ?

Đoạn này Bồ Tát Phổ Nhân xin hỏi hạnh tu thứ lớp để giải thích các nghĩa lý ‘viên chiếu thanh tịnh giác tướng’. Vì chương về đức Văn Thù trước, chỉ nói biết là hoa đốm giữa hư không, tức không có luân chuyển, cũng không có thân tâm thọ sanh tử kia. Chương Phổ Hiền nói: Biết huyền tức lìa, không cần phương tiện, lìa huyền tức giác ngộ, cũng không cần thứ lớp. Đây chính là đốn ngộ nhứt tâm, lập tức đốn chứng, không theo đường hướng, không nhờ tu hành, chỉ rõ một chữ “tri” (hiểu biết) mà thôi.

Đây là nói những người thượng thượng căn mới hay liễu ngộ. Còn chúng sanh đời mạt pháp, hàng thượng thượng căn quá ít, kẻ trung, hạ căn thì quá nhiều. Nếu không tu hành thì trong đường dài sanh tử. Nếu tu hành không đủ phương tiện chánh, thì không có cửa vào; nếu không tiệm thứ, cũng khó ma đốn ngộ. Thế nên hỏi. Suy nghĩ là chỉ quán sơ tâm, khởi sự tu tập. Trụ trì là pháp an tâm. Tóm lại, đây là phương tiện khai ngộ vậy.

Bạch Thế Tôn! Nếu chúng sanh kia không có chánh phương tiện và chánh tư duy, nghe Phật Như Lai nói chánh định này, tâm sanh mê muội, đối với viên giác, không thể ngộ nhập, xin Thế Tôn rủ lòng từ bi vì tất cả chúng con và chúng sanh trong đời mạt pháp, nhờ lời nói phương tiện.

Đoạn này lập lại lời thỉnh tất yếu về phương tiện và tư duy, vì kẻ sơ phát tâm phải nhờ chánh phương tiện vào cửa, rồi sau mới có thể được chánh tư duy, dùng phương tiện rất là cấp bách. Thế nên kết lời thỉnh phương tiện vậy. Nhờ lời nói là như thế nào? Nghĩa là ở trong không phương tiện mà nói có phương tiện, nên nói phải nhờ lời nói. Xét lại văn đáp ở sau. Đầu tiên y theo xa ma tha (chỉ) trì giới an tọa là chánh phương tiện, hằng khởi chánh niệm rằng, phải vận dụng cả hai ‘chỉ’ cùng ‘quán’, mới là chánh tư duy; chẳng phải huyền không diệt mới an trụ, tướng trần cấu hằng diệt, mười phương thanh tịnh, mới khai ngộ vậy.

Bạch lên đức Phật lời ấy rồi nắm vóc gieo xuống đất, ba lần thỉnh như vậy, sau rồi lại trước.

Ba lần chí thành thưa thỉnh.

Khi ấy đức Thế Tôn bảo Bồ Tát Phổ Nhân rằng: Lành thay! Quý hóa thay! Các thiện nam! Các ông chính hay vì các Bồ Tát tân học và chúng sanh trong đời mạt pháp, hỏi Như Lai chỗ thứ lớp tu hành, tư duy, trụ

trì, cho đến nhờ nói các thứ phương tiện. Ông nay lắng nghe, tôi sẽ vì các ông mà nói.

Khen ngợi, hứa khả, nhắc nhở và hãy lắng nghe cho kỹ.

Lúc bấy giờ Phổ Nhân Bồ Tát vâng lời Phật dạy hoan hỷ, và các đại chúng yên lặng lắng nghe.

Đương cơ yên lặng thính thọ.

Các thiện nam! Bồ Tát tân học kia và chúng sanh đời mạt pháp, muốn cầu tịnh tâm viên giác Như Lai, cần phải chánh niệm, xa lìa các huyễn.

Đây là đáp chung các ý hỏi: Phổ Nhân! Mặc dù hỏi tu hành tiệm thứ, suy nghĩ, trụ trì v.v..Song, chú ý chỉ hỏi riêng về phương tiện sơ tâm ly huyễn, thế nên đức Phật đáp dùng cốt yếu tu hành, chỉ dùng chánh niệm làm tối sơ, công phu tu tập. Thế nên nói cần phải chánh niệm. Chánh niệm tức là không vọng niệm. Cho nên phàm khởi tâm động (chánh) niệm, ở trong thể viên giác đều là huyễn hóa, ý nói trong một niệm không sanh thì các vọng tự dứt, nên nói xa lìa các huyễn; vì trước nói nhiều thứ huyễn hóa đều sanh trong diệu tâm viên giác Như Lai, nên phải lìa vọng niệm, mới được tương ứng. Trong luận nói: Cảnh giới ly niệm, chỉ chứng ngộ mới tương ứng. Đây để làm phương tiện tối sơ vậy.

Trước y theo hạnh xa ma tha (chỉ) của Như Lai, kiên trì cấm giới, ở yên trong đời chúng, an ngồi thiền thất thanh tịnh.

Đoạn này chỉ những phương tiện xa lìa vọng niệm. Tiếng Phạn gọi là xa ma tha, Trung Hoa dịch là đình chỉ. Người tu hành phải dùng đình chỉ làm đầu. Bởi chúng sanh tâm luôn hướng theo và nhận vọng tưởng, rồi thường vin níu, mỗi niệm sanh diệt, không khi nào tạm ngưng, nay muốn trong thời gian ngắn để lìa vọng niệm, đâu có thể được ư? Thế nên, trước tu hạnh đình chỉ, để làm công phu đầu tiên, mà cũng để làm phương tiện vào thiền định.

Chữ “chỉ” nghĩa là thế nào? Xét theo Thiên Thai trí giải đại sư, “Chỉ” có ba nghĩa: Một là thể chơn chỉ; hai là phương tiện tùy duyên chỉ; ba là dứt hai bên phân biệt chỉ. Lấy ba thứ đình chỉ này làm con đường dẫn đầu, sau đó mới có thể vào ba phép quán: Không quán, giả quán và trung đạo quán. Nay nói đến “chỉ” của Kinh Viên Giác là thể chơn chỉ vậy. Nếu ai thật hành phương pháp đình chỉ này, trước hết phải đem các điều trong thân ngoài cảnh một lần bỏ hết, buông bỏ rồi lại bỏ hết, buông bỏ đến chỗ không còn thấy buông bỏ, thì các vọng tưởng mới dứt sạch, trong ngoài chơn không, không này khế hợp với chân tâm; vọng tưởng không sanh thì vọng niệm tự lìa. Thế nên đình chỉ là có chánh niệm. Nếu chánh niệm hiện tiền, thì các vọng dứt hết. Cho nên gọi là ‘xa lìa các huyễn’. Đây là chỗ thiết yếu vào

thiền định. Người học đạo phải biết kiên trì giới cấm. Đây chính là ba thứ lớp của Lăng Nghiêm, trước phải trì bốn giới trọng, sáng sạch như băng sương, nên gọi là kiên trì.

An ngòi thiền thất thanh tịnh là sao? Là vì người tu hành hướng về cảnh loạn động quá nhiều, nếu không ngòi thiền, khó mà nhiếp tâm, do đó mà phải an ngòi thiền thất thanh tịnh. Đã không động tác thì đơn thuần tu thể chơn chỉ. Song phải ở yên trong đó chúng, không cần nhiều người mà chỉ cần đồng chánh kiến đồng thật hành y theo cách định chĩa chọn, khiến sự thật hành rất dễ dàng thanh tịnh.

Thường nghĩ thế này: Thân của ta ngày nay do bốn đại hòa hợp: Như là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, não sắc như đều quy về địa đại; nước miếng, nước mũi, máu mủ, nước dãi, nước mắt, nước bọt, đờm, nhờn, tinh khí, đại tiện tiểu tiện lợi đều thuộc về thủy đại; hơi ấm trong người thuộc về hỏa đại; đồng chuyển, xê dịch, thở hít thuộc về phong đại. Bốn đại mỗi thứ chia tan, lúc ấy vọng thân sẽ chỗ nào? Tức là biết thân này rốt ráo không có tự thể, do hòa hợp thành có tướng trạng, thật đồng với huyền hóa, bốn duyên giả hợp, vọng có sáu căn.

Đây là phương pháp để vào cách quán, để trả lời câu hỏi tiệm thứ suy nghĩ. Trước hết chỉ về giả quán. Nay Ngài Phổ Nhãn hỏi qua tiệm thứ phương tiện suy nghĩ. Bởi vì trong chương Văn Thù đã nói: Vọng nhận bốn đại làm tướng thân mình, sáu trần, vin theo bóng dáng làm tướng tâm mình. Trước đã nói biết là hoa đốm giữa hư không, tức là có luân chuyên. Lại cho biết thêm biết huyền tức là ly, không cần qua phương tiện. Ấy mới là đốn ngộ, đốn chứng. Nhưng lo sợ những người trung căn, không thể đốn nhập, thế đốn nhập, thế nên có lời thỉnh này. Đức Thế Tôn trước khai thị cách định chỉ vọng tâm, làm phương tiện đầu tiên, nay chỉ còn cách quán, chính để đáp lại câu hỏi “suy nghĩ”. Chỉ bày phương pháp giả quán. Đầu tiên dạy quán sát trong thân, thứ lớp phân tách; rồi sau mới quán vọng tâm, để chỉ phương cách thứ lớp. Song cách quán có chia làm ba, ấy là không quán, giả quán và trung đạo quán. Nay y theo Lăng Nghiêm nói “như huyền tam ma đề (thiền định) là chỉ trước từ giả vào không, kế đó từ không, giả vào trung đạo. Chính chỉ rõ thứ lớp tu tâm. Trước hết quán thân như huyền, nên gọi là giả quán, ba quán tròn đủ nhất tâm. Giải chung: Trước biết huyền tức là lìa một chữ ‘biết’....

Trong có sáu căn, ngoài có bốn đại hợp lại mà thành, vọng có hơi vin bên trong chứa nhóm, giống như có tướng vin níu, giả hợp gọi đó là tâm.

Đây là chỉ những phương tiện quán tâm. Sáu căn bên trong, bốn đại bên ngoài, làm chỗ sáu trần tạo tác, khi căn cùng trần hòa hiệp trong đó thức phát sanh. Thế nên gọi là hợp lại mà thành. Vọng động sanh ra có

lắm chuyện, nói lên tâm giả hợp; tâm hiện tiền chỉ là vọng tưởng mà thôi, không phải là chơn tâm. Làm sao mà biết được? Bởi vì sáu thức vin níu với năm trần trước, rơi rớt bóng dáng, vin hơi chứa nhóm, giống như có giả tướng. Ấy là bóng dáng vọng tưởng giả hợp gọi là tâm. Vì hằng ngày chúng sanh chỉ nhận bóng dáng giả dối này là tâm. Nay quán sát vọng tâm này là trần cảnh không có tự thể; nếu không nhận giả làm chơn thì vọng tưởng tự tiêu, khi vọng tưởng tiêu trừ, không cầu chơn (tâm) nhưng chơn tự đến..cho nên nói:

Các thiện nam! Tâm hư vọng này, nếu không có sáu trần thì không bao giờ có, bốn đại mà chia tan, không có trần nào còn cả, ở trong các sự vin níu với trần, mỗi loại đều tan hoại, rốt ráo không có duyên vọng tâm nào mà có thể thấy.

Đây là chỉ sự thành công của giả quán. Trước kia nói: Vọng nhận sáu trần duyên bóng dáng làm tướng tự tâm; nếu chỉ biết huyền tức là ly huyền, không thể chóng lìa, nên trước chỉ dạy phép quán thân này bốn đại là giả, mỗi đại đều về chỗ tán diệt, căn bên trong đã không thì bên ngoài cũng không có trần đối đãi. Căn cùng trần đã tiêu thì tâm vin níu cũng diệt. Vọng tâm này cũng là giả dối vậy.

Các thiện nam! những chúng sanh kia, vì huyền thân diệt, huyền tâm cũng diệt; vì huyền tâm diệt, huyền trần cũng diệt, vì huyền trần diệt, huyền diệt cũng diệt luôn, vì huyền diệt sạch, không có huyền nào mà chẳng diệt. Ví như lau gương, bụi nhơ hết, yển sáng hiện.

Đoạn này chỉ từ quán giả vào quán không. Nghĩa là đem quán chiếu sáu căn, sáu trần và sáu thức, đều đã tiêu diệt. Song sở quán đã không thì năng quán cũng dứt, cho nên nói huyền diệt cũng diệt. Ví dụ trước đã nói: Ai biết được hư không đã không có tướng hoa đốm, nên quán chiếu cũng chẳng lập. Thế thì năng cùng sở đều quên, đối đãi dứt sạch, chỉ còn một chơn tâm viên minh thanh tịnh. Nên nói không có huyền nào mà chẳng diệt. Tâm giác ngộ không động, thanh tịnh là tên khác của chơn không. Cho nên nói rằng không quán. Lấy thí dụ lau gương thì biết rõ.

Các thiện nam! Phải biết thân tâm đều là huyền cấu, tướng cấu hằng diệt, mười phương thanh tịnh.

Đây là từ không quán, giả quán để vào trung đạo quán. Ban đầu nói: Đều y theo tướng giác ngộ viên chiếu thanh tịnh, chỉ là nhứt tâm. Nên gọi là trung đạo.

Thiện nam tử! Ví như ngọc báu ma ni trong sạch, chiếu ra năm sắc, tùy theo mỗi phương đều hiện. Các người ngu si thấy ngọc ma ni kia thật có năm sắc. Các thiện nam! Tánh viên giác thanh tịnh hiện nơi thân tâm, tùy loại ứng hiện. Kẻ ngu si kia nói viên giác thanh tịnh là có thật, như vậy tự tướng thân tâm cũng lại như thế. Do đây, không thể xa nơi huyền hóa. Thế

nên, ta (Phật) nói thân tâm huyễn cấu, đối lìa huyễn cấu, gọi là Bồ Tát; cấu hết đối trừ, tức là không đối cấu. Gọi đó là dứt đối đãi.

Đoạn này nói rõ chân tâm dứt sự đối đãi để chỉ thể tướng giác ngộ tròn chiếu thanh tịnh. Ngọc ma ni dụ cho thân tâm thanh tịnh tròn chiếu. Tỳ hiện năm sắc dụ cho thân tâm năm uẩn. Xưa chú giải dụ cho năm đường sanh tử. Đây là chỉ cho đại giác, vì trong kinh nói tự tướng thân tâm là chỉ cho năm uẩn, nhưng nói là tùy loại, ý nói bao trùm năm đường trầm luân. Song nghĩa chánh chỉ cho năm đường chúng sanh. Tóm lại chỉ cho thân tâm năm uẩn vậy. Nghĩa là tâm viên giác nhiệm mầu vốn không có năm uẩn, vì do huyễn nghiệp vô minh tạo tác, đều từ tâm nhiệm mầu hiện ra, thế nên nói cũng như ngọc ma ni tùy hiện năm sắc, chúng sanh không rõ chân tâm, chỉ nhận hưởng tướng năm uẩn. Ví như kẻ ngu si chấp thể của viên ngọc thật có năm sắc, vì nhận lầm năm uẩn là “ngã” (ta), bị che lấp chơn thể, nên nói là huyễn cấu. Nay dùng trí quán sát chiếu phá năm uẩn đều không nên gọi là Bồ Tát. Vì đối đãi chưa quên, cũng là vô minh, nên chơn thể chưa hiển lộ. Nếu một khi quên sự đối đãi rồi, năng sở đều dứt, mới rõ được chơn tâm tuyệt đối đãi vậy.

Các thiện nam! Bồ Tát tâm học và chúng sanh trong đời mạt pháp chứng đặng các huyền diệu, trừ ảnh tượng. Lúc bấy giờ liền được vô phương thanh tịnh, vô biên hư không, chỗ giác ngộ hiển phát, giác tánh tròn sáng, rõ được chân tâm thanh tịnh.

Đây chánh chỉ rõ tướng viên chiếu. Nghĩa là tâm thể diệu viên này, vốn từ linh minh thông suốt, rộng lớn như hư không vắng lặng, gọi là chơn không. Đầu tiên do vì một niệm vô minh ngăn che yển sáng nhiệm mầu, rồi đối thể chơn không, thành ra ngoan không trong mười phương. Nay đây đã phá vô minh, thì hư không trong mười phương thảy đều tiêu sạch. Thế nên quán sát hư không trong mười phương, từ tâm giác ngộ phát ra. Song hư không đã tiêu, thì bản thể sáng suốt nhiệm mầu hiển lộ. Cho nên nói chơn tâm hiển lộ thanh tịnh. Tâm này một khi thanh tịnh thì mười phương pháp giới đều được thanh tịnh. Văn dưới giải rõ cảnh giới thân tâm của Thánh phàm, mỗi cảnh đều thanh tịnh, tức là đoạn trước đã nói tướng giác ngộ thanh tịnh. Song thanh tịnh là danh từ khác của hư không. Từ đây trở xuống đến chỗ bình đẳng không loạn động. Tổng quát chỉ cho nghĩa không quán vậy.

Vì tâm thanh tịnh, nên thấy trần thanh tịnh; vì thấy thanh tịnh, nên nhãn căn thanh tịnh; vì căn thanh tịnh, nên nhãn thức thanh tịnh; vì thức thanh tịnh, nên văn trần thanh tịnh; vì văn thanh tịnh, nên nhị căn thanh tịnh; vì căn thanh tịnh, nên nhĩ thức thanh tịnh; vì thức thanh tịnh, nên giác trần thanh tịnh; như vậy cho đến tỷ, thiệt, thân, ý, cũng lại như thế.

Đoạn này chỉ rõ tướng diệu giác tâm thể tròn soi, để chỉ thể không vậy. Thấy trần đây đặc biệt chỉ cho vọng kiến vô minh, là kiến phần

của tám thức, tròn soi sáu diệu môn. Thấy đây tức là trần, không phải là sắc trần vậy. Nghĩa là tâm cảnh mười pháp giới mê ngộ, đều y vọng kiến mà có, nay vô minh một khi phá thì diệu giác tròn sáng, tâm cảnh đều dứt sạch, năng cùng sở đều hết, thấy này cũng chấm dứt, thế nên mười pháp giới rỗng rang thanh tịnh. Vì do thanh tịnh, nên mỗi mỗi giáp khắp, chỉ một sáng suốt nhiệm màu tròn soi cả pháp giới. Cho nên văn dưới mỗi mỗi nói rõ tâm cảnh của sáu cõi phàm và bốn cõi Thánh, mỗi mỗi thanh tịnh giáp khắp vậy. Căn cứ theo lý mà nói thì ‘nhứt tâm viên chiếu’ thánh phàm dứt hẳn vọng tưởng, chỉ khai thị giác ngộ vĩnh viễn. Thế nên văn dưới thứ lớp mỗi mỗi giải rõ, để chỉ bày chỗ nhiệm tròn sáng giáp khắp. Trước chỉ chỗ thanh tịnh của sáu cõi phàm.

Các thiện nam! Vì căn thanh tịnh, nên sắc trần thanh tịnh, vì sắc thanh tịnh, nên thính trần thanh tịnh, hương, vị, xúc, pháp, cũng lại như vậy.

Đại ý đoạn này nói sáu trần thanh tịnh. Vì đây nói sáu trần, để biết rằng trước nói vọng trần không phải là sáu trần. Bởi vì chỉ vọng kiến tức là trần mà thôi.

Các thiện nam! Vì sáu trần thanh tịnh, nên địa đại thanh tịnh, vì địa thanh tịnh, nên thủy đại thanh tịnh; hỏa đại, phong đại cũng lại như vậy. Đây là bốn đại thanh tịnh vậy.

Các thiện nam! Vì bốn đại thanh tịnh, nên mười hai xứ, mười tám giới và hai mươi lăm cõi đều thanh tịnh.

Đoạn này nói chung chỉ tâm cảnh sáu cõi phàm, tất cả đều thanh tịnh. Căn, trần, thức giới là căn cảnh của phàm phu. Hai mươi lăm cõi là chỗ y báo của chúng sanh trong tam giới. Tóm lại, thân tâm cùng thế giới, tất cả đều thanh tịnh. Đây cũng như Kinh Pháp Hoa đã nói, sáu căn thanh tịnh nghĩa lý đồng nhau. Kinh Pháp Hoa chỉ nói pháp sư trì kinh là vị quán hạnh, người liền được sáu căn thanh tịnh. Kinh Viên Giác nói đốn ngộ do tâm thì phàm thánh đều dứt sạch, thế nên trải qua bốn quả thánh xuất thế, tất cả đều thanh tịnh. Trên nói về sáu phàm, dưới đây nói bốn Thánh.

Vì kia đều thanh tịnh, nên các pháp: mười lục, bốn vô sở úy, bốn vô ngại trí, mười tám pháp bất cộng của Phật và ba mươi bảy phẩm trợ đạo, đều được thanh tịnh. Như thế cho đến tám muôn bốn ngàn pháp môn tổng trì tất cả đều được thanh tịnh.

Đây chỉ rõ cảnh giới tứ thánh xuất thế gian thảy đều thanh tịnh vậy.

Các thiện nam! Vì tất cả thật tướng, thật tánh thanh tịnh, nên một thân thanh tịnh, vì một thân thanh tịnh, nên nhiều thân thanh tịnh, vì nhiều thân thanh tịnh, như thế cho đến mười phương chúng sanh viên giác thanh tịnh.

Chỉ rõ căn thân và thế giới viên mãn thanh tịnh. Đây trước nói một thân cho đến nhiều thân của chánh báo, chúng sanh ở cõi phàm cũng đều được thanh tịnh. Song chúng sanh trong mười phương viên giác thanh tịnh, thì chúng sanh cũng như vậy.

Các thiện nam! Vì một thế giới thanh tịnh, nên nhiều thế giới thanh tịnh, vì nhiều thế giới thanh tịnh, như vậy cho đến hết cõi hư không tròn sáng, ba đời tất cả bình đẳng không động.

Đây theo lệ quán y báo thế giới thanh tịnh, như thế thì chúng sanh, thế giới, hư không, thánh phàm đều dứt, chỉ có một bửu giác thanh tịnh viên minh vậy. Kinh Lăng Nghiêm nói: Ta đem không sanh không diệt, hợp với như lai tạng; nhưng như lai tạng không phải pháp thế gian, mà cũng không phải phá xuất thế gian mà là tất cả pháp, đều là như lai tạng. Thế nên mỗi mỗi đều nói bất động.

Các thiện nam! Hư không bình đẳng bất động như thế, phải biết tánh giác cũng bình đẳng bất động, như vậy cho đến tám muôn bốn ngàn pháp môn tổng trì bình đẳng không động, phải biết tánh giác cũng không động.

Vì hư không, thế giới và chúng sanh, như mê tánh giác mà có; nay tất cả pháp hợp về viên giác thì bình đẳng, bình đẳng tịch diệt không hai, cho nên gọi là bất động. Nhưng chỉ rõ dứt tất cả pháp sẽ đúng với nghĩa không quán vậy. Phải nhiếp sự về lý, lý khắp thì sự cũng khắp. Thế nên văn dưới nói rằng: mỗi mỗi giáp khắp.

Các thiện nam! Vì tánh giác khắp đầy thanh tịnh không động, tròn đầy không cùng tận; phải biết sáu căn đầy khắp pháp giới, vì căn đầy khắp, phải biết sáu trần cũng đầy khắp pháp giới, vì trần đầy khắp, phải biết bốn đại đầy khắp pháp giới. Như thế cho đến pháp môn tổng trì cũng đầy khắp pháp giới.

Đây là chỉ rõ mười pháp giới. lấy sự theo lý giáp khắp, phải biết sự lý pháp giới là pháp môn vô ngại để chỉ rõ nghĩa giả quán vậy.

Các thiện nam! Do tánh diệu giác kia giáp khắp, căn tánh trần tánh, không hoại không tạp; vì căn trần không hoại, như thế cho đến môn tổng trì cũng không hoại không tạp. Cũng như trăm nghìn ngọn đèn sáng soi vào một nhà, ánh sáng kia giáp khắp, không hoại không tạp.

Đây là chỉ rõ mười pháp giới, sự sự vô ngại, quán sát pháp giới cùng khắp dung thông, chính đó là nghĩa trung đạo nhứt tâm. Ai rõ được tướng nhứt tâm pháp giới này ở chỗ không tạp, mỗi tướng không hư hoại, thành nghĩa viên giác chiếu soi vậy.

Các thiện nam! Vì viên giác thành tựu, nên phải biết Bồ Tát không cho sự vật ràng buộc, không tìm pháp giải thoát, không nhằm chán sự sanh tử, không ưa mến cảnh niết bàn, không kính người trì giới mà cũng

chẳng ghét kẻ phá giới, không trọng người học tập lâu, mà cũng chẳng khinh kẻ mới học. Vì sao? Vì tất cả ở trong tánh giác. Ví như ánh sáng con mắt, thấy rõ cảnh trước mặt, ánh sáng kia tròn đầy, nó không thương ghét. Vì cố sao? Vì thể của ánh sáng nó không có hai, vì nó không có thương và ghét.

Đây là nhứt tâm tịch diệt, bình đẳng không hai, chính bày giác tướng thanh tịnh vậy. Bởi vì ràng buộc, giải thoát, ganh ghét, thương yêu v..v. đều là hai tướng. Vì vô minh vọng kiến, nên có hai tướng. Nay dùng viên chiếu, thì tất cả đều viên giác, thể nên không có hai. Nhân quang là viên chiếu hiện lượng của tám thức. Trong các căn, nhãn căn là rõ hơn hết. Cho nên lấy đó ví dụ viên giác khắp soi, thể của nó không hai vậy.

Các thiện nam! Bồ Tát tâm học và chúng sanh trong đời mạt pháp, ai tu tập tâm này được thành tựu. Nhưng đối với lý này không tu cũng không thành tựu, viên giác khắp soi, vắng lặng không hai ở trong trăm ngàn muôn ức vô số kiếp không thể nói thể giới chư Phật nhiều như số cát sông Hằng; cũng như hoa đốm giữa hư không, loạn tưởng loạn diệt, không tức không ly, không ràng buộc, không giải thoát, thể mới biết chúng sanh xưa nay đã thành Phật, sanh tử cùng niết bàn, cũng như giấc mộng ngày hôm qua.

Đoạn này lập lại giải thêm tướng viên giác khắp soi vắng lặng không hai ở đoạn trên, để chỉ rõ chỗ cực chúng ráo nhứt tâm. Bởi vì trong như lai tạng vốn không có tướng mê ngộ, sanh tử, khứ lai. Song mà sanh tử cùng niết bàn đều là những việc trong chiêm bao vô minh, nay chiêm bao vô minh phá tan, trở lại nhìn việc trước, cũng chẳng khác nào giấc chiêm bao ngày hôm qua mà thôi.

Các thiện nam! Ví như chiêm bao ngày hôm qua, nên biết sanh tử cùng với niết bàn, không khởi không diệt, không đi không lại, người đã chứng ngộ, không đặng không mất, không lấy không bỏ; người hay chứng ngộ, không tạo tác, không dính chi, không nhậm vận, không dứt mất, ở trong sự chứng ngộ này, không năng không sở, rốt ráo không chứng, cũng không người chứng, tất cả pháp tánh, bình đẳng không hoại diệt.

Đoạn này lập lại chỉ cái thể rốt ráo không hai tịch diệt nhứt tâm; trước đã nói trong tánh viên giác lưu xuất tất cả các ba la mật thanh tịnh chơn như, bồ đề, niết bàn. Nghĩa là mê thanh tịnh chơn như trở thành các pháp chúng sanh sanh tử năm uẩn vậy. Bồ đề, niết bàn là quả sở chứng; các ba la mật là hạnh năng chứng, vì trong như lai tạng vốn không có khứ lai, mê ngộ, sanh tử. Niết bàn cùng sanh tử đều như giấc mộng hôm qua, đã như giấc mộng hôm qua thì đâu có những việc tu chứng, đặng mất, lấy bỏ? Đã không tu chứng, thì không năng sở, tất cả cảnh tượng, rốt ráo tịch diệt, như thể mỗi pháp đều chơn, thường trú không hoại diệt. Đây là chỗ cùng cực tướng

giác ngộ viên chiếu pháp giới thanh tịnh. Giải chung trong chương đầu đều lấy nghĩa ‘viên chiếu thanh tịnh giác tướng’ vậy.

Các thiện nam! Các vị sơ phát tâm bồ tát kia tu hành như thế, thứ lớp như thế, suy nghĩ như thế, trú trì như thế, phương tiện như thế, khai ngộ như thế, cầu pháp như thế cũng không mê muội.

Đây là kết luận đáp lại lời thỉnh Phật chỉ quy chánh định. Cho nên đều nói là như thế.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói bài kệ rằng:

“Phổ Nhãn ông nên biết,
Tất cả các chúng sanh,
Thân, tâm đều như huyễn,
Thân tướng thuộc bốn đại,
Tâm tánh về sáu trần,
Thế bốn đại đều là,
Ai là người hòa hợp?
Tu hành dần như thế,
Tất cả đều thanh tịnh,
Khắp pháp giới không động,
Không tác chí, nhậm, diệt,
Cũng không người năng chứng,
Tất cả thế giới Phật,
Như hoa đốm giữa không,
Ba đời đều bình đẳng,
Rốt ráo không đi, lại,
Bồ Tát sơ phát tâm,
Và chúng sanh đời sau,
Muốn cầu vào đạo Phật,
Phải tu tập như thế”

Nghĩa bài tụng như chánh văn trước có thể rõ biết.

Thơ III.

17. Phổ Nhãn quỳ gối thưa qua,
Tiệm thứ tu tập hay là tứ duy?
Trú trì, Phương tiện xin ghi,
Cầu Phật giải tỏa những gì chưa thông.
18. Chúng sanh bá tánh cầu mong,
Phương tiện giải nói, húng long thượng thừa,
Thế Tôn truyền dạy từ xưa,
Tứ duy tu tập sớm trưa chuyên cần.

19. Viên giác chánh niệm toàn phần,
Xa, lìa các huyễn tiến gần viên minh,
Giới định huệ chổng phát sinh,
Toàn thân tứ đại hữu hình nhớp nhơ!
20. Sáu căn, sáu thức hợp cơ,
Sáu trần giả dối làm mờ chơn tâm,
Giờ đây diệt hết mê lầm,
Như gương hết bụi, như tầm hết tơ.
21. Ma ni ngọc báu nên thơ,
Chiếu hiện năm sắc, ngẩn ngơ phạm tình,
Viên giác tịnh tánh phát sinh,
Người ngu vọng chấp, vô minh dối trừ.
22. Vọng tưởng ảo ảnh mỗi người,
Vô minh đốn phá, tâm từ tịnh thanh,
Căn, trần, thức, hết phát sanh.
Nhập, xử, giới, hữu, trở thành chơn nguyên.
23. Lục trí, cộng pháp, tinh chuyên,
Tổng trì trợ đạo diên niên thanh bình,
Mê thời tánh giác hữu tình,
Ngộ thời viên giác thình thình vô cùng.
24. Không hoại, không tạp, không dùng,
Không năng, không sở không dùng khen chê,
Giữ giới, phá giới đều huề,
Niết bàn, sanh tử, không hề phân chia.
25. Người chứng, cảnh chứng xa lìa,
Thủ, xả, lai, khứ, đây, kia không còn,
Bình đẳng bất hoại chẳng mòn,
Như thể khai ngộ vuôn tròn tịnh minh.
26. Thế Tôn dạy tiếp chúng sanh
Thân tâm đều huyễn, sáu tình đều tan,
Tu hành như thế đoan trang,
Cầu thành Phật quả huy hoàng trời trong.

IV. Lúc bấy giờ, ngài Kim Cạng Tạng Bồ Tát ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân đức Phật, đi nhiễu ba vòng, quỳ gối, chấp tay, rồi bạch Phật rằng:

Oai nghi thính pháp.

Đức đại bi Thế Tôn! Khéo vì tất cả chúng Bồ Tát, tuyên dương nhưn địa pháp hạnh đại tổng trì viên giác thanh tịnh như lai, thứ lớp phương tiện, cho các chúng sinh, khai thông những kẻ còn mờ tối. Đại chúng trong

pháp hội này, nhờ sự dạy bảo đầy từ mẫn của đức Phật, sự mờ tối được sáng suốt, mắt huệ thanh tịnh.

Đây là lời khen ngợi, tạ ơn đức Phật. Vidoạn trước đức Phật đã nói: Cũng như người bị bệnh nhắm mắt, thấy giữa hư không có hoa đốm. Trước kia đức Thế Tôn khai thị căn thân cùng thế giới tất cả đều thanh tịnh, cũng như hoa đốm giữa hư không đã rơi rụng. Thế nên đoạn này Phật dạy: Bệnh nhắm mắt mờ tối đã sáng, mắt huệ được thanh tịnh vậy.

Bạch Thế Tôn! Nếu các chúng sanh xưa nay đã thành Phật, cố sao lại có tất cả vô minh; nếu các vô minh đó, chúng sanh sẵn có, vì nhân duyên gì Như Lai lại nói xưa nay đã thành Phật. Mười phương chúng sanh trước đã thành Phật đạo, sau mới khởi vô minh; các đức Như Lai lúc nào lại sanh ra tất cả phiền não. Cúi mong đức Thế Tôn không bỏ quên lòng đại từ vô giá, vì các hàng Bồ Tát sơ phát tâm, khai cái kho tàng bí mật cũng như vì tất cả chúng sanh trong đời mạt pháp được nghe pháp môn liễu nghĩa khế kinh, hằng đoạn lưới nghi hối.

Đoạn này Bồ Tát Kim Cang Tạng khái thỉnh, vì nghe đức Phật nói chúng sanh xưa nay thành Phật, liền khởi lên ba sự nghi ngờ, nên phát ra lời hỏi này. Ý nói đức Phật đầu tiên chỉ dạy chúng sanh bị vô minh từ vô thì, vọng nhận thân tâm, nên có sanh tử; hơn nữa đã nói hằng đoạn vô minh, mới thành Phật đạo, thế thì vô minh là cái sẵn có của chúng sanh. Tại sao lại nói chúng sanh xưa nay thành Phật. Nếu chúng sanh xưa nay thành Phật, cố sao lại có vô minh ư? Nếu nói chúng sanh xưa nay thành Phật, sau mới khởi vô minh, thì tất cả Như Lai là những vị Phật đã thành, lúc nào lại sanh ra tất cả phiền não ư? Bởi vì nghe nói chúng sanh xưa nay đã thành Phật, cùng với đoạn hẳn vô minh mới thành Phật đạo, lời nói có vẻ trái nhau.

Thế nên thứ lớp có ba điều nghi, nêu lên các câu hỏi này.

Nói lời ấy rồi, năm vóc gieo xuống đất, ba lần thỉnh cầu như thế, sau rời lại trước.

Ba lần thành tâm cung kính.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn bảo Kim Cang Tạng Bồ Tát rằng: Lành thay! Quý hóa thay! Các thiện nam! Các ông mới là người hay vì các chúng Bồ Tát tân học và chúng sanh trong đời mạt pháp, hỏi Như Lai các phương tiện cùng cứu kính bí mật rất sâu. Thật là các Bồ Tát tối thượng giáo hóa đại thừa liễu nghĩa, hay khiến các Bồ Tát tu học trong mười phương và tất cả chúng sanh trong đời mạt pháp đặng lòng tin quyết định, hằng đoạn nghi hối. Các ông hôm nay phải lắng nghe, ta sẽ vì các ông mà nói.

Đức Phật khen ngợi, hứa khả, nhắc nhở và khuyên lắng nghe.

Lúc ấy Kim Cang Tạng Bồ Tát rất là hoan hỷ, vâng theo lời Phật dạy, cùng các đại chúng yên lặng mà nghe.

Đương cớ đem hết tinh thần nghe pháp.

Các thiện nam! Tất cả thế giới: Thi chung, sanh diệt, trước sau, có không, tụ tán, khởi chi, mỗi niệm nối nhau, xoay vần qua lại, các thứ lấy bỏ, đều là luân hồi. Ai chưa ra khỏi luân hồi, mà cứ bàn luận tánh viên giác, tánh viên giác kia, tức đồng như lưu chuyển. Nếu ra khỏi luân hồi thì không có lý ấy.

Ý này muốn trách người hỏi: Không nên dùng tâm sanh diệt, vọng động bàn luận thể viên giác. Bởi vì mười pháp giới như quả mê ngộ, đều bên sự sanh tử, tử vọng kiến mà có, trong tánh viên giác, vốn không có việc này. Nếu dùng vọng kiến mà biện luận tánh viên giác, thì tánh viên giác ấy cũng đồng với pháp sanh tử vậy. Thế giới có ba loại: tức là chúng sanh chánh báo thế gian, y báo thế gian, các đức Phật được trí chánh giác thế gian. Ấy là bao trùm mười phương pháp giới, y, chánh, như, quả vậy.

Trước nói như của gốc mê; sau nói quả của niết bàn, sanh diệt là thân tâm của chúng sanh, bao trùm bốn tướng sanh, trụ, dị, diệt. Trước sau là trước sau của ba đời, quá khứ, vị lai, nó bao trùm hiện tại. Có, không, tụ tán là thành trụ, hoại, không của thế giới. Có không là trụ không. Tụ tán là thành hoại. Khởi có nghĩa là sanh tử trong ba cõi. Chỉ có nghĩa là niết bàn của nhị thừa. Như các việc nói ở trên là vọng kiến vọng tưởng, mỗi niệm nối nhau, từ xưa đến nay sanh diệt chẳng dừng, xoay vần qua lại, các thứ lấy bỏ. Như thế đều là những vọng kiến luân hồi sanh tử. Nếu dùng vọng kiến này mà biện luận tánh viên giác nhưng tánh viên giác ấy cũng đồng pháp sanh tử vậy. Thế nên nói “tức đồng như lưu chuyển”. Nếu dùng vọng kiến mà khỏi đường sanh tử, không có lý ấy. Đây là lời trách chung về các câu hỏi điên đảo. Dưới đây là đem thí dụ để chỉ rõ.

Ví như con mắt mà nháy nước dợn sóng; lại như con mắt xem không kịp mà thấy như vòng lửa; như mây bay mà thấy mặt trăng chạy; vì thuyền đi nên thấy bờ dời đổi, cũng lại như thế.

Đây, đem bốn sự việc dụ cho vọng kiến. Nước yên lặng không có sóng, như con mắt động mà thấy có sóng; mắt xem không kịp, như lửa xoay mà thấy có vòng; mặt trăng cùng bờ sông không dời đổi, như mây bay và thuyền chạy mà có chuyển động. Nước yên lặng, mắt nhìn xem, mặt trăng, bờ sông dục chung cho giác tánh; nước sóng, vòng lửa, mây bay, thuyền chạy, dụ chung cho vọng kiến.

Các thiện nam! Các động chưa dứt, vật thể kia trước đã trụ, còn không thể được.

Đây là trước hợp với dụ. Các động là sóng nước, vòng lửa mây bay, thuyền đi. Vật thể kia là chỉ cho nước yên, mắt nhìn, mặt trăng, bờ cõi. Nếu động chưa dứt, các vật thể kia quyết khó trước trụ, tức là còn chuyển động thay.

Huống chi tâm cấu lưu chuyển trong sự sanh tử, chưa từng thanh tịnh, xem viên giác Phật làm sao mà không cấu nhiễm. Thế nên các ông lại sanh ra ba điều nghi lầm.

Đây đem chỗ cạn chỉ chỗ sâu, trách sự mê lầm điên đảo. Ý nói các việc thiện cận trong cõi đời, nếu quay vòng tròn không ngừng, vật kia khó mà dừng trước, huống chi đem vọng kiến điên đảo sanh tử mà biện minh tánh giác thường trú tịnh diệu, làm sao mà khỏi sa vào lưu chuyển? Phát khởi ba nghi lầm này thật do vọng kiến phân biệt. Đây là trách chung ba điều nghi lầm. Sau đây chính đáp nghiã hỏi.

Các thiện nam! Ví như mắt bệnh bị nhòa, vọng thấy hoa đốm giữa hư không, mắt nhòa nếu trừ hết, không nên nói nhòa này đã diệt, rồi lúc nào lại khởi tất cả các nhòa. Vì sao? Bởi vì mắt nhòa cùng hoa đốm, hai cái không đối đãi nhau, cũng như khi hoa đốm diệt giữa hư không, chẳng nên nói hư không lúc nào lại khởi hoa đốm. Vì sao? Vì hư không vốn không có hoa đốm, vì không có khởi, diệt. Sanh tử, niết bàn đồng nơi khởi diệt. Diệu giác tròn soi, lia nơi hoa đốm và mắt nhắm.

Đây đem một thí dụ hoa đốm giữa hư không đáp chung lời hỏi trước, để giải quyết ba sự nghi lầm. Mắt nhắm dụ cho vô minh. Vọng thấy hoa đốm giữa hư không dụ sanh tử và niết bàn. Hư không là dụ cho chơn tâm diệu giác. Đây chỉ chung sanh tử và niết bàn đều là cuồng vọng điên đảo tướng hoa đốm. Trong tâm tròn sáng, vốn không có việc ấy. Nay cái nghi lầm của ngài Kim Cang Tạng, vì ngài nghe trong chương đầu Phật nói, vô minh chính là chúng sanh vọng nhận huyễn vọng thân tâm sẵn có; thế thì chúng sanh như vô minh mà có. Vậy sao lại nói chúng sanh xưa nay thành Phật. Nếu chúng sanh xưa nay là Phật, sau làm chúng sanh, thì vô minh từ trong tâm Phật mà có. Như vậy thì trong tâm Phật, lúc nào lại khởi sanh phiền não, rồi làm chúng sanh? Thứ lớp này sanh ba sự nghi lầm đều từ vọng kiến phân biệt mà có, chỉ vì chưa ngộ chơn tâm, tròn sáng thế thôi. Nên trước quở trách vọng kiến điên đảo luân hồi, rồi đem thí dụ mắt nhắm thấy hoa đốm giữa hư không để trả lời chung cho tất cả. Nếu ngộ được hư không vốn không hoa đốm, thì chúng sanh xưa nay thành Phật, nếu ai rõ hoa đốm từ con mắt nhắm sinh ra thì đâu có nghi thành Phật rồi khởi ra phiền não. Đây là Như Lai khéo khai thị, rõ được thí dụ này thì ba nghi lầm đều giải tỏa.

Các thiện nam! Phải biết hư không chẳng phải là tạm có, cũng chẳng phải tạm không. Huống chi viên giác như lai tùy thuận bản tánh mà thành hư không bình đẳng. Các thiện nam! Như làm tiêu chất quặng trong vàng, vàng chẳng phải tiêu rồi mới có. Đã thành vàng rồi thì không còn quặng, trải qua thời gian không cùng tánh vàng không hoại. Không nên nói tánh vàng không thành tựu. Viên giác như lai cũng lại như thế.

Đây đặc chỉ chơn tâm thường trú tròn sáng không thuộc sanh tử niết bàn, lập lại để giải nghi Phật khởi ra phiền não, ý nói hư không còn không theo mắt nhậm hoa đốm khởi diệt, huống chi tâm sáng diệu giác mà thành bản tánh hư không. Đâu có tùy theo sanh tử, niết bàn mà khởi diệt ư? Nếu ai ngộ giác tánh bình đẳng, thường trú không động, các đức Phật chứng ngộđiểm này, đâu có lại sanh mê, nên dùng dụ tiêu vàng để kết thúc chỉ bày. Nếu rõ dụ này thì chúng sanh mặc dù vốn là Phật nhưng hiện tại còn vô minh, nhờ gạn lọc, bỏ vô minh, sau đó mới thành Phật. Cũng như vàng mặc dù sẵn có, nhưng hiện tại còn quặng lẫn lộn ở trong, phải gạn lọc quặng hết mới thấy vàng ròng. Có chỗ khác nói Phật vốn sẵn, nhưng phải siêng tu; mê lầm vốn không, nhưng phải đoạn diệt. Nếu biết tánh vàng không hoại, đâu còn nghi Phật lại sanh mê. Dụ này nói lên nghĩa nhiệm mầu, khiến sự nghi của ngài Kim Cang Tạng, không cần phải giải thích chi tiết, ngài đều hiểu thấu. Dưới đây khai thị phần liễu nghĩa.

Các thiện nam! Tất cả giác tâm tròn sáng như lai, vốn không bồ đề cùng niết bàn, cũng không thành Phật và chẳng thành Phật, không vọng luân hồi và cùng phi luân hồi.

Đây chỉ trong tánh viên giác vốn không có tướng sanh tử và niết bàn để giải quyết nghi lầm cho ngài Kim Cang Tạng. Nếu ngộ tánh này, tự không có vọng kiến khởi diệt điên đảo vậy.

Các thiện nam! Chỉ cảnh giới tròn sáng của các Thanh Văn, thân tâm cùng ngôn ngữ đều phải đoạn diệt, cuối cùng không thể đến chỗ thân chứng kia mà hiện bày niết bàn; huống chi đem tâm có suy nghĩ để đo lường cảnh giới viên giác của Như Lai. Chẳng khác nào lấy lửa đom đóm để đốt núi Tu Di, không bao giờ đốt được. Đem tâm luân hồi sanh vọng kiến luân hồi thì không bao giờ được vào biển đại tịch diệt Như Lai. Thế nên ta nói tất cả Bồ Tát và chúng sanh trong đời sau, trước hết phải chấm dứt căn bản luân hồi tử vô thi.

Đây chỉ tánh tròn sáng viên giác, không thể dùng tâm suy nghĩ mà luận được; vả lại hàng nhị thừa thân tâm đã diệt, còn không thể tự chứng niết bàn, huống chi chúng sanh dùng tâm sanh diệt, muốn vào tánh không sanh diệt tròn sáng, chắc chắn không bao giờ được.

Hàng nhị thừa thân tâm, ngôn ngữ đều dứt để đoạn tâm phân biệt của sáu thức. Thức thứ bảy đã nép phục không hiện hành nên không có giác quán, ngôn ngữ, chỉ chỗ chứng niết bàn là toàn thể vô minh của thức thứ tám, nhận là niết bàn. Vì hàng nhị thừa không biết danh tự vô minh, không thể thân chứng niết bàn hiển lộ. Ý nói tâm hành của nhị thừa đã diệt còn không thể biết tự chứng cảnh giới vô minh, huống chi đem tâm sanh diệt, muốn vào tâm viên giác tròn sáng như lai, chắc chắn không thể được. Thế nên dùng

thí dụ lửa đom đóm để kết thúc chỉ bày phải đoạn căn bản luân hồi. Chính chỉ cho vọng kiến vô minh.

Các thiện nam! Có sự suy nghĩ, liền có vọng tâm phát khởi, đều do sáu trần vọng tưởng vin níu, chẳng phải thật tâm thể, cũng như hoa đốm giữa hư không. Đem suy nghĩ này biện minh cảnh Phật, cũng như hoa đốm giữa hư không, lại kết trái hư không, thứ lớp vọng tưởng, thật không hợp lý. Các thiện nam! Tâm hư vọng nổi lên, có nhiều thứ vọng kiến, không thể thành tựu phương tiện viên giác, phân biệt như thế, không phải là câu hỏi chính.

Đây chỉ thẳng nguồn vọng, kết trách đương cơ. Ý nói hàng phàm phu khởi tâm động niệm đều là vọng tưởng không phải chơn tâm. Đem vọng tưởng đó suy nghĩ, biện minh cảnh Phật, xa lại càng xa; cũng như hoa đốm giữa hư không, lại kết thành trái giữa hư không, do đó bị triển chuyển, chỉ tăng thêm vọng tưởng mà thôi. Tâm nổi lên hư vọng như thế, đâu có thể thành tựu phương tiện viên giác được, Thế nên không phải lo hỏi chánh vậy.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này, nên nói bài kệ:

“Kim Cang Tạng nên biết,
Tánh tịch diệt như lai,
Chưa từng có trước sau,
Nếu đem tâm luân hồi,
Suy nghĩ liền vọng động
Chỉ đến nẻo luân hồi,
Không thể vào biển Phật,
Ví như tiêu quặng vàng,
Vàng không tiêu sẵn có,
Dù là vàng xưa nay
Nhờ tiêu quặng thành tựu,
Thành được thể chơn kim,
Không trở lại với quặng,
Sanh tử cùng niết bàn,
Phàm phu và chư Phật,
Đồng là tướng không hoa,
Suy nghĩ như huyền hóa,
Hưởng là cùng hư vọng,
Nếu ai rõ tâm này
Sau đó tìm Viên Giác”.

Thơ IV.

27. Kim Cang Tạng rất cầu mong,
Đánh lễ đức Phật, xét trong tâm điền,

- Đại chúng những vị hữu duyên,
Tâm trong mắt sáng an nhiên đợi chờ.
28. Kim Cang Tạng còn nghi ngờ,
Chúng sanh sẵn Phật sao giờ vô minh?
Đã Phật sao làm chúng sanh,
Lúc nào chú Phật phát sinh nào phiền.
29. Cúi mong đức Phật dạy liền,
Sớ tâm Bồ Tát lòng thiên lắng nghe,
Kho tàng quý báu được che,
Khéo kinh liễu nghĩa là bè qua sông.
30. Phật khen Kim Cang Tạng Thông,
Vì hàng tân học cầu mong giải bày,
Chúng sanh ngỡ ngẩn xưa nay,
Ta sẽ vì chúng trình bày nghĩa cao.
31. Các sự tương đối trước sau,
Mỗi niệm tụ tán nối nhau xoay vần,
Ai chưa ra khỏi hồng trần
Biện luận Viên Giác, toàn phần lệch sai.
32. Tánh viên giác của những ai,
Trở thành lưu chuyển trong ngoài khó hay,
Ví như hoa đốm mây bay,
Thuyền đi nên thấy bờ xoay theo chiều.
33. Vọng động chưa dứt chưa tiêu,
Tìm tánh viên giác là điều mò trắng,
Cũng như vàng sẵn chất nặng,
Lọc hết quặng khoáng vàng căn vẫn còn.
34. Tánh viên giác không hao mòn,
Dứt hết vọng tưởng vuông tròn tánh kia,
Luân hồi tánh vọng phân chia,
Biển đại tịch diệt xa lìa sóng con.

V. Lúc bấy giờ Bồ Tát Di Lặc ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, nhiễu bên hữu Phật ba vòng, qùy gối chấp tay, bạch với Phật rằng:

Oai nghi tinh pháp:

Đức đại bi Thế Tôn, rộng lượng vì Bồ Tát mở kho tàng bí mật, khiến các đại chúng hiểu sâu sự luân hồi, phân biệt tà chánh, hay cho tất cả chúng

sanh trong đời sau đạo nhân không sợ, đối với cảnh niết bàn sanh lòng tin quyết định, không trở lại theo cảnh giới luân hồi, khởi các vọng chấp.

Dưới đây chính bày lời thỉnh:

Bạch Thế Tôn, nếu các Bồ Tát và chúng sanh đời sau, muốn qua biển đại tịch diệt Như Lai, làm thế nào đoạn căn bản luân hồi? Với sự luân hồi có bao nhiêu chúng sanh? Thật hành Phật bồ đề, có bao nhiêu sự sai khác? Trở về trần lao phải thiết lập bao nhiêu thứ phương tiện giáo hóa, độ các chúng sanh? Cúi mong Thế Tôn không bỏ lòng đại bi cứu đời, khiến các sự tu hành, tất cả Bồ Tát và chúng sanh đời sau, con mắt huệ thanh tịnh, chiếu soi gương lòng, tròn ngộ tri kiến vô thượng Như Lai.

Đây chính trình bày nghĩa hỏi có bốn, như trên đức Phật nói, Bồ Tát tu hành trước phải đoạn căn bản luân hồi. Thế nên câu hỏi đầu tiên, làm sao mà đoạn? Ý nói những gì là căn bản luân hồi? Sau đây đức Phật đáp: Do tham dục ái là căn bản luân hồi.

Câu hỏi thứ hai, luân hồi có bao nhiêu chủng tánh? Phật đáp: Do hai thứ chướng, có năm tánh sai biệt.

Câu hỏi thứ ba, tu hành có bao nhiêu chủng tánh? Đức Phật đáp liền đem năm tánh mà chỉ rõ sự sai khác.

Câu hỏi thứ bốn, Bồ Tát ra độ sanh có bao nhiêu phương tiện? Phật đáp chỉ đem lòng đại bi, nguyện lực đồng sự. Song chỗ hỏi chính vì sự tu hành và vấn đề độ sanh; bởi vì Bồ Tát tu hành, căn bản là độ chúng sanh, nhưng tu hành cũng không bỏ thế giới chúng sanh, vì độ sanh tức là tu hành vậy.

Nói những lời ấy rồi, năm vóc gieo xuống đất như vậy, lập đi lập lại ba lần cung thỉnh.

Đương cơ yên lặng nghe.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Bồ Tát Di Lặc rằng: Lành thay! Quý hóa thay! Này thiện nam! Các ông mới hay vì các Bồ Tát và chúng sanh đời sau, thỉnh hỏi các nghĩa vi diệu bí mật sâu kín của Như Lai, khiến các vị Bồ Tát, mắt huệ trong sáng và khiến các vị chúng sanh đời sau hằng dứt sự luân hồi, tâm ngộ thật tướng, đầy đủ vô sanh pháp nhẫn. Ông nay lắng nghe, ta sẽ vì các ông mà giảng nói.

Tán thán hứa khả.

Lúc ấy Bồ Tát Di Lặc hoan hỷ vâng theo lời dạy và các đại chúng yên lặng mà nghe.

Đồng lắng thần nghe Phật.

Các thiện nam! Tất cả chúng sanh từ vô thị, do các thân ái tham dục, nên bị luân hồi; nếu các thế giới, tất cả chủng tánh, oán sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, đều như đêm dục, mà chánh tính mạng. Phải biết luân hồi, ái làm căn bản.

Đây làđáp thẳng căn bản luân hồi. Vô minh có hai: Một là phát nghiệp vô minh; hai là nhuận sanh vô minh.

Phát nghiệp là thế nào? Một là một niệm vọng động đầu tiên từ vô thi, mê theo tánh viên minh căn bản, nên gọi là vô minh. Duy nhứt, chỉ làm mê mờ pháp thân sẵn có, vọng nhận năm uẩn huyễn vọng thân tâm là ta. Chính trong chương Văn Thùở trước đã nói: Vô thi vốn khởi vô minh. Đây tuy mê chơn nhận vọng, hãy còn chưa liên tục các sự sanh tử, chỉ thường phát nghiệp mà thôi.

Hai là nhuận sanh vô minh, chính là quả báo căn bản luân hồi tiếp nối sự sanh tử, do trước mê lý vô minh, vọng nhận năm uẩn thân tâm là ta, tức là đối với huyễn thân này lại khởi ra vọng kiến nam nữ, tốt xấu, thương ghét mà tham ái tưởng sự dâm dục, như ái kiến mà phát, nói lên người yêu tâm ta, ta thương sắc người, do nhân duyên ấy, trăm ngàn muôn kiếp, thường bị ràng buộc. Thế nên chúng sanh chân tánh, pháp thân huệ mạng bị mê, chỉ nhớ một việc dâm dục, mà bị thọ sanh chánh thân mạng. Cho nên nói đều như dâm dục mà chánh tánh mạng. Phải biết luân hồi do ái dục làm căn bản. Thế nên người tu hành muốn vượt khỏi sanh tử, khỏi bị luân hồi, phải đoạn dâm dục là nghĩa thứ nhứt.

Đây (chính) cũng đã nói trong Kinh Lăng Nghiêm, thế gian cùng xuất thế gian, sanh cùng với vô sanh, phải dứt hết tâm dâm dục, đoạn hết lòng ưa muốn ái dục. Thế nên trong kinh chỉ trước phải đoạn dâm dục làm chỗ cốt yếu tu hành.

Do có các ái dục, giúp phát khởi tánh ái, thế nên, hay khiến sanh tử nối nhau.

Đây chính chái dục là căn bản sanh tử. Vì năm uẩn thân tâm chúng sanh, vốn như ái dục mà có, chỉ vìái dục làm chánh tánh mạng. Thế nên cảnh tham dục tuy nhiều, tức là các thứ ham muốn đều là trợphát cái gốc của tánh tham ái. Lại nữa, chẳng dùng rượu, thịt, năm thứ cay nồng làm trợ nhưn. Do gốc ái đã sâu, rồi giúp phát tánh ái mỗi ngày càng sâu, mỗi tâm đắm mêái dục, mỗi niệm tưới nhuận đầu sanh. Thế nên hay khiến cho sanh tử nối nhau. Dưới đây là gốc luân hồi.

Dục nhưn ái sanh, mạng do dục mà có, chúng sanh yêu tiếc mạng, lại nương dục làm gốc. Ái dục làm nhưn, ái mạng làm quả.

Đây là chỉ rõái dục làm căn bản sanh tử. Dục nhưn ái sanh là thế nào? Như trên đã nói, do có các ham muốn, trợ giúp phát sanh tánh ái. Bởi vì nói các ham muốn cũng do dục ái mà sanh, vìái là căn bản, dục là trợ nhưn. Song dục là ham muốn, ái là dâm căn vậy. Vì chúng sanh tâm dâm dục bị luyến ái, sắc đẹp của nam nữ, nhưn ái sắc kia, nên tham các thức uống, mùi vị trường dưỡng. Nước hoa thơm, lụa là trang

sức, dùng chăn êm nệm ấm để thích nghi, cho đến tiếng hay sắc đẹp để quyến rũ đó? Tất cả các dục đều từ tâm dâm phát sanh nên nói dục như ái sanh.

Mạng như dục mà có là thế nào? Vì chúng sanh chỗ dục nhiễm suốt cả cuộc đời theo ái sắc nam nữ, đến sau khi chết bỏ thân mạng, chưa thọ báo thân, còn có thân trung ấm. Thân này đặc biệt không thấy được, chỉ tìm cảnh dục, dù nghìn muôn dặm, xa xa thấy chỗ nam nữ giao cấu, nếu từng có ái duyên nhiễm nhau thời gian trước, liền nhanh chóng đến đó, đem tướng nam nữ mình đã có, tâm khát ái cùng cực, thì nương theo nước ái chảy vào bụng mẹ, giữ tinh huyết này nạp tướng không rời bỏ, liền kết thành thai. Đây là nguồn gốc thọ thân mạng, nên nói mạng do dục mà có.

Giúp đỡ sinh ra thân mạng là như thế nào? Chính ái dục làm như, mới thọ thân hậu báo, dùng ái mạng làm quả. Đây là chỗ dùng sanh tử nối nhau không bao giờ thôi dứt. Kinh Lăng Nghiêm nói chúng sanh nối nhau, phát sinh nghĩa này. Dưới đây chỉ trạng thái luân hồi.

Do nơi cảnh dục, khởi các cảnh thuận nghịch trái với ái tâm mà sanh ra các sự ganh ghét tạo nhiều thứ nghiệp. Thế rồi lại sanh vào địa ngục hay quỷ đói.

Đây nói quả khổ báo trong ba đường đều như dâm dục mà có, vì tâm ái hừng thạnh, chạy đến cảnh dục. Song cảnh dục có thuận có nghịch, nếu tâm gặp cảnh thuận thì ái càng thêm tươi nhuận, nếu tâm gặp cảnh nghịch liền sanh ganh ghét, cho đến giận tức đánh mắng, thậm chí giết hại, thì không có gì mà không tạo, do đó lại bị khổ lớn trong ba đường ác, đều như ái dục mà gây ra.

Bỏ ưa việc thiện, lại sanh cõi người, trời.

Đây nói rõ do ái mà cảm đến quả trời, người. Trên nói tạo các nghiệp, chíchung không ra ngoài mười nghiệp ác, nghĩa là thân có ba sát sanh, trộm cướp, dâm dục; miệng có bốn: nói dối, nói lời thêu dệt, nói lưỡi hai chiều, nói lời hung ác; ý nghiệp có ba: tham lam, giận tức và si mê.

Mười nghiệp ác này đều do ái dục mà phát sanh, nếu bị tạo tác thì cảm quả báo trong ba đường khổ; nếu bình bình không tạo thì cảm sanh vào loài người; nếu thật hành thêm phẩm hạnh lành thì cảm sinh lên các cõi trời. Bởi vì người, trời do ái quá nhiều rồi nhàm chán làm việc lành, cũng từ ái mà gây ra.

Lại nữa, biết các ái dục nhiều có thể nhàm chán, thấy như xả bỏái lạc, nhưng lại tươi nhuận gốc ái, liền hiện có quả lành tăng thượng, nhưng còn nằm trong nẻo luân hồi, không thành thánh đạo được.

Trên nói người trời để biết phước báo ở sáu cõi trời Dục. Sáu cõi trời Dục toàn chưa đoạn ái dục, chỉ không làm ác, nên cảm được mười quả lành. Nói rõ các cõi trời Sắc giới trở lên, ái nhiễm không sanh, ròng tu hạnh

tốt. Song chỗ tu chỉ biết ái dục là nhiễm, là thô chướng, nên sâu xa nhàm chán, nói đó là bỏái lạc. Vả lại ưa đi lên, là tịnh, là diệu, là ly nên ưa vui chấp chướng. Ưa đó cũng là ái. Nên nói: Lại tươi nhuận gốc ái. Do đó chỉ nói có quả lành làm tăng thượng, chưa vượt qua con đường sanh tử, nên nói còn nằm trong nẻo luân hồi, không thành thánh đạo. Bởi vì đem ái mà bỏái, nên sự sanh tử không dứt. Có chỗ nói thương cho các ông tu đến cõi trời Phi Phi Tưởng, lạc vào phạm trù thứ nhì của thiên gia, vì căn tình sanh tử chưa dứt vậy.

Thế nên chúng sanh muốn giải thoát sanh tử khỏi bị luân hồi, trước phải đoạn tham dục và trừ khát ái.

Đây tổng kết căn bản luân hồi đều do lỗi lầm tham dục khát ái vậy.

Các thiện nam! Bồ Tát biến hóa thị hiện trong thế gian, không phải lấy ái làm gốc, chiderm lòng tử bi, khiến các vấy bỏ tham ái, mượn các tham dục mà vào sanh tử; nếu tất cả chúng sanh đời sau, hay bỏ các ái dục và diệt trừ sự thương ghét, hằng dứt con đường luân hồi, siêng cầu cảnh giới viên giác như lai, giữ tâm thanh tịnh liền được khai ngộ.

Đây là giải nghi chỉ rõ sự quyền biến. Sợ có người nghi rằng: Bồ Tát vào các sự sanh tử, đâu không phải là lỗi lầm tham dục ư? Thế nên đây giải thích: Bồ Tát chỉ thị hiện tham dục mà vào sanh tử, dùng đồng sự nhiếp hóa khiến kia xả lòng tham, đó là quyền hiện, chẳng phải là thật sự vậy. Song người tu hành, phải đoạn sự tham dục, với tâm thanh tịnh mới được khai ngộ, trên đáp căn bản luân hồi, dưới đây đáp chủng tánh.

Các thiện nam! Tất cả chúng sanh do căn bản tham dục, phát huy vô minh, lưu xuất năm tánh sai biệt không đồng, y theo hai thứ chướng mà hiện có cạn có sâu. Thế nào gọi là hai thứ chướng? Một là lý chướng ngăn ngại chánh tri kiến; hai là sự chướng, tiếp nối các đường sanh tử.

Dưới đây trả lời luân hồi, hỏi có bao nhiêu chủng tánh? Nghĩa là sự, lý hai chướng là thể tánh của bản tính luân hồi. Dùng lý chướng để phát nghiệp vô minh, sự chướng là nhuận sanh vô minh. Sanh tử luân hồi dùng hai chướng này làm bản thể, tức là sự tu hành có sai khác cũng như vô minh có dày có mỏng, hai chướng cạn sâu mà hiển lộ vậy.

Thế nào gọi là năm tánh? Các thiện nam! Nếu hai chướng này chưa dứt trừ được, gọi là chưa thành Phật.

Dưới đây chính trả lời tu hành có bao nhiêu chủng tánh. Trước gạn sau giải. Năm chủng tánh là: Một, chủng tánh phàm phu. Hai, chủng tánh nhị thừa. Ba, chủng tánh Bồ Tát. Bốn, chủng tánh bất định. Năm, chủng tánh ngoại đạo. Trước tiên giải chủng tánh phàm phu.

Nếu các chúng sanh, hằng xả tham dục, trước trừ sự chướng, chưa dứt lý chướng, chỉ hay ngộ nhập Thanh Văn, Duyên Giác, chưa có thể hiển trụ cảnh giới Bồ Tát.

Đây là chủng tánh nhị thừa, vì hàng nhị thừa chỉ đoạn sáu thức, ba độc, lìa được phần đoạn sanh tử. Nên nói xả bỏ tham dục. Trong kinh nói chỉ hết sanh tử, gọi là diệt độ, kỳ thật hằng đặng tất cả diệt độ.

Các thiện nam! Nếu các chúng sanh đời sau muốn qua biển đại viên giác như lai, trước phải phát nguyện, siêng đoạn hai chướng. Hai chướng đã hàng phục, liền hay ngộ nhập cảnh giới bồ tát, nếu sự lý chướng đã hằng đoạn diệt liền vào viên giác vi diệu như lai, đầy đủ bồ đề và đại niết bàn.

Đây là chủng tánh Bồ Tát, hàng tam hiền hàng phục hai chướng; bực thập địa đoạn hai chướng. Trong Đại Luận nói: phân biệt hai chướng, cực hỷ địa không còn thức thứ sáu và thức thứ bảy đồng sanh, mỗi địa trừ hết. Nếu chúng Kim Cang đạo về sau, dị thực đã không thì hai chướng hằng đoạn, liền vào biển đại niết bàn như lai.

Các thiện nam! Tất cả chúng sanh, đều chứng viên giác, gặp thiện tri thức, nương đó làm nhưn địa pháp hạnh của thiện tri thức. Lúc bấy giờ tu tập, có đốn có tiệm; nếu gặp vô thượng bồ đề như lai, theo con đường chánh tu hành, căn tánh có lớn có nhỏ, nhưng đều thành quả Phật cả.

Đây là chủng tánh bất định. Nếu nói tất cả chúng sanh đều chứng viên giác, thì mỗi mỗi đều là chủng tánh như lai vậy, đâu có sai khác bất định ư? Chỉ mỗi người kia được gặp thiện tri thức, y theo mỗi pháp tự tu nhưn địa pháp hạnh mà khai thị. Nhưn đó sự tu tập thì có đốn có tiệm không đồng. Đây là tánh bất định, ở nơi người, không ở nơi căn. Có chỗ nói, nhưn do nghe lâu huân tập thành chủng tánh. Nếu gặp đại thiện tri thức dùng con đường chánh tu hành như lai, khai đạo mà tu hành thì căn không còn lớn hay nhỏ, đều thành quả Phật. Đây là chỉ rõ Phật tánh là một, vì người bất định, nên kinh Lăng Già chỉ cốt yếu thân cận thiện tri thức là tối thắng vậy. Thế thì ba thừa đều nhiếp vào tánh bất định.

Nếu các chúng sanh tuy tìm bạn lành, nhưng gặp người tà kiến, chưa được chánh ngộ, thế thì gọi là chủng tánh ngoại đạo. Lỗi lầm ấy do tà sư, không phải lỗi do chúng sanh. Thế nên chúng sanh có năm tánh sai khác.

Đây là chủng tánh ngoại đạo. Đã nói rằng tất cả chúng sanh đều chứng viên giác, không có người nào mà chẳng thành Phật, làm sao lại có tà? Bởi vì đã gặp tà sư tà giáo, cho nên thành tà. Đây chỉ là lỗi của tà sư, chẳng phải là lỗi của Phật tánh chúng sanh. Kinh Viên Giác đại thừa này, không có trình độ nào mà chẳng nhiếp, vì nhưn tà sư mà thành tà, nếu ai bỏ tà trở về chánh, không một chúng sanh nào mà chẳng thành Phật (Tại đây chỉ nghĩa lý hạng xiển đề thành Phật). Trên đáp tu tập có sai khác. Dưới đáp hóa sanh có sai khác.

Các thiện nam! Bồ Tát chỉ dùng phương tiện đại bi, vào trong cõi đời, khai phát những ai chưa ngộ, cho đến thị hiện các thứ hình tướng, cảnh

giới thuận nghịch, cùng với chúng sanh đồng sự, hóa độ khiến họ thành Phật, đều y nguyện lực thanh tịnh tử vô thí.

Đây đáp Bồ Tát trở vào cõi trần lao, hỏi có bao nhiêu phương tiện? Nghĩa là Bồ Tát làm lợi ích cho chúng sanh, phương tiện tuy nhiều chỉ dùng lòng đại bi làm đầu, hành tridại nguyện, dùng đồng sự mà nhiếp hóa. Ấy là hạnh nhiệm mầu. Song Bồ Tát độ chúng sanh dùng bốn nhiếp pháp. Ấy là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự. Kinh này trọng nơi sự đoan dục làm đầu, nên xưng riêng diệu hạnh đồng sự làm đoạn ái, nếu không duy trì nguyện lực, ngang nhiên đồng sự, đều bị đoạ lạc, nên phải y theo nguyện lực thanh tịnh tử vô thí.

Nếu có các chúng sanh đời sau, với đại viên giác khởi tâm tăng thượng, phải phát đại nguyện thanh tịnh Bồ Tát, nên nói thế này: nguyện con hôm nay, trụ viên giác Phật, cầu thiện tri thức, chớ gặp ngoại đạo cùng nhị thừa, y theo bản nguyện tu hành, dần dần đoạn các chướng ngại, chướng hết nguyện đầy đủ, liền lên pháp điện thanh tịnh giải thoát, chứng đại viên giác, thành diệu trang nghiêm.

Đây nói chẳng những Bồ Tát làm lợi ích chúng sanh, y theo sức đại nguyện, tức là những người tu hành đời sau, cũng phải dùng đại nguyện giữ tâm, nên không sa vào tà kiến. Nói Bồ Tát tu hành, với đại viên giác khởi tâm tăng thượng là sao. Ấy là những người quyết chí thành Phật, nên trước phát nguyện rằng: Con nay trụ viên giác Phật, chí nguyện thành Phật, nên cầu gặp thiện tri thức, chớ gặp ngoại đạo tà sư và nhị thừa hiểu thấp, hoại diệt căn lành của con. Nguyện gặp đấng Bồ Tát làm bậc tri thức tối thắng, y giáo phụng hành, dần dần đoạn các chướng ngại; nếu đấng chướng hết, nguyện mãn, thì thành tựu quả Phật. Thành diệu trang nghiêm là biến quả Phật.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn, muốn tuyên lại nghĩa này nên nói bài kệ:

“Di Lặc ông nên biết,
Tất cả các chúng sanh,
Không được đại giải thoát,
Đều do lòng tham dục,
Đọa lạc nơi sanh tử,
Nếu đoạn được thương ghét,
Cùng với tham, sân, si,
Không nhưn tánh sai biệt,
Đều được thành Phật đạo.”

Văn trường hàng nói: Năm tánh nhưn hai chướng mà có sai khác. Văn kệ thì nói: chỉ hay chóng đoạn phiền não, không câu chấp năm tánh sai khác, thì sẽ một thời chóng thành quả Phật vậy.

“Hai chướng hằng tiêu diệt,
Tìm sư đặng chánh ngộ,

Tùy thuận nguyện Bồ Tát,
Y chỉ đại niết bàn,
Mười phương các Bồ Tát,
Đều dùng nguyện đại bi,
Thị hiện vào sanh tử,
Hiện tại người tu hành,
Và chúng sanh đời sau,
Siêng đoạn các ái kiến,
Liên về đại viên giác.”

Thơ V.

35. Di Lạc Bồ Tát long son,
Cầu Phật chỉ dạy cho toàn chúng sanh,
Luân hồi tà chánh phân ranh,
Niết bàn quyết định lòng thành tin sâu.
36. Bạch Phật! chúng sanh tham cầu,
Làm sao đoạn được nhọc cầu hồi luân?
Bao nhiêu chúng tánh tâm huân?
Thế nào giáo hóa các tầng chúng sanh?.
37. Lòng từ Phật giải phân minh,
Chúng sanh tham ái vọng tình hồi luân
Bốn loài sanh tử gian truân,
Gốc lài dục, tánh huân não phiền.
38. Dâm dục sanh tử triền miên,
Cảnh thuận cảnh nghịch đảo điên tam đồ,
Chúng sanh muốn sống hư vô,
Đoạn núi tham dục, dứt hối căn.
39. Bồ Tát thị hiện trôi lăn,
Mượn các tham dục để hằng độ sanh,
Giữ lòng viên giác tịnh thanh,
Chỉ ra năm tánh đàn ràng khai thông.
40. Phàm phu chúng tánh quá nông,
Chưa đoạn sự lý, chưa xong ái tình,
Nhi thừa chúng tánh tiến trình,
Đoạn được sự chướng, lý hình chưa ngăn.
41. Bồ Tát chúng tánh đoạn căn,
Thế nhập viên giác, tâm lẫn vào đời,
Bất định chúng tánh nơi nơi,
Có đốn có tiệm, tùy thời độ sanh.
42. Ngoại đạo chúng tánh minh minh,

Tà sư, tà kiến chính mình huân tu,
Viên giác Phật tánh bīlu,
Bồ Tát bi nguyện, công phu giúp đời.

VI. Lúc ấy Bồ Tát Thanh Tịnh Huệ ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, nhiễu Phật bên hữu ba vòng, quỳ gối chấp tay bạch Phật rằng:

Oai nghi vẫn tấn.

Bạch đức đại bi Thế Tôn, vì chúng con nói rộng việc không thể nghĩ bàn như thế, vốn chỗ không thấy, vốn chỗ không nghe. Chúng con ngày nay nhờ Phật khéo an ủi, thân tâm thư thối, đặng lợi ích lớn.

Khen ngợi cảm tạ.

Xin vì tất cả pháp chúng trong tương lai trùng tuyên giác tánh viên mãn. Pháp Vương, tất cả chúng sanh và các Bồ Tát, Như Lai Thế Tôn đã chứng đã đặng. Thế nào có sự sai khác? Khiến chúng sanh đời sau, nghe giáo nghĩa này, tùy thuận khai ngộ, thứ lớp hay vào.

Đây hỏi diệu tánh viên giác, thánh phàm bình đẳng, như đâu mà có tu chứng sai khác? Vì trước đã nói: Biết là hoa đốm giữa hư không, thì không có huân chuyển. Thế thì một khi vượt lên quả vị Phật, không cần theo thứ lớp. Lại nữa, tất cả chúng sanh đều chứng viên giác. Thế thì vốn không có tánh sai khác. Trên hỏi sự sai khác. Phật đáp do như hai chướng cạn sâu mà có. Nay hỏi sự tu chứng có sai khác? Ý nói giác tánh đã là bình đẳng, thì hai chướng cũng không thể sai khác. Thế nên nay hỏi từ phàm đến thánh, tu chứng thế nào mà có sai khác.

Nói lời ấy rồi, nắm vóc gieo xuống đất, ba lần thỉnh như vậy, tiếp tục bái thỉnh.

Đương cơ lắng nghe.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Bồ Tát Thanh Tịnh Huệ rằng: Lành thay! Quý hóa thay! Các thiện nam! Các ông chính hay vì chúng sanh đời sau, xin thỉnh Như Lai, thứ lớp sai khác, các ông nay lắng nghe, ta sẽ vì các ông mà nói.

Khen ngợi hứa khả.

Khi ấy Bồ Tát Thanh Tịnh Huệ vâng lời dạy, hoan hỷ cùng các đại chúng, yên lặng mà nghe.

Một lòng nghe pháp.

Các thiện nam! tự tánh viên giác, chẳng phải tánh mà có tánh, theo các tánh phát khởi, không thủ không xả, ở trong thật tướng, thật không có Bồ Tát và các chúng sanh, vì sao? Vì Bồ Tát và chúng sanh đều là huyền hóa, vì huyền hóa diệt, nên không thủ không chứng. Ví như con mắt, không tự thấy con mắt, tánh tự bình đẳng mà không bình đẳng.

Nhơn hỏi giác tánh là một, tại sao thánh phàm có tu chứng, sai biệt không đồng; thế nên đức Phật trước chỉ giác tánh bổn lai, bình đẳng không hai, Bồ Tát cùng chúng sanh cũng thủ, thủ chứng thứ lớp, tự tánh không tánh, nên gọi là chẳng phải tánh. Phàm chánh đều đủ, nên nói là có tánh, tùy duyên mà hiện, nên nói theo các tánh phát khởi, vốn không thứ lớp tu chứng, sau đó chỉ dùng vọng trong công dụng, liền có sự sai khác. Mắt không thấy con mắt, dụ cho giác tánh vốn không năng, sở, đối đãi.

Chúng sanh mê loạn điên đảo, chưa có thể trừ diệt tất cả huyễn hóa, đối với diệt và chưa diệt, vọng ở trong công dụng, liền có sai khác. Nếu được Như Lai tùy thuận tịch diệt, thật không tịch diệt mà là tịch diệt.

Đây chỉ do chúng sanh mê loạn điên đảo, vọng có sai khác. Kỳ thật rõ ràng không có năng sở thủ chứng. Dưới chỉ sự sai khác, không sai khác. Xưa dùng 'lực tức' của Thiên Thai để giải thích. Nghĩa là tánh tự bình đẳng, phàm thánh không hai. Gọi là lý tức. Trên nói giác tánh bình đẳng, lý vốn một vị. Nay vì chúng sanh mê loạn điên đảo, huyễn hóa chưa diệt, vọng trong công dụng, liền có sai khác. Đây chỉ rõ lực tức sai khác, như mê mà có. Nếu rốt ráo cùng nguồn, vắng lặng không hai, chỉ rõ sáu chữ, thì không sanh thượng mạn; nếu ngộ chữ tức, thì không sanh tâm thoái chuyển. Đây là vị tròn sáng của Thiên Thai. Trên chỉ chung lý viên giác; dưới chỉ lực tức. Nghĩa kinh phù hợp, nên đem ra giải thích.

Các thiện nam! Tất cả chúng sanh từ vô thi đến nay do vọng tưởng ngã và ngãái, từng không tự biết mỗi niệm sanh diệt, nên khởi thương ghét, đắm me năm dục lạc.

Đây chỉ lý tức, vì chúng sanh toàn thể ở nơi mê. Nên gọi là lý. Chúng sanh tức Phật, nên gọi là lý tức. Vì chẳng ngộ giác tánh (mê) mà bị vọng tưởng phản bội pháp thân, nhận lầm năm uẩn, nên bởi vọng tưởng ngã, chấp ta kiên cố không bỏ. Nên nói ngãái, chưa từng tự biết, mỗi niệm sanh diệt, tạo các nghiệp ác. Song tạo nghiệp là Phật tánh vậy. Cho nên nói rằng lý tức.

Nếu gặp bạn lành, khuyên bảo khai ngộ giác tánh tròn sạch, phát minh khởi diệt, liền biết đời này tánh tự tại lý.

Đây là danh tự tức, vì chúng sanh mê rồi, không biết sẵn có Phật tánh; nếu gặp thiện tri thức khai đạo, liễu ngộ tự tánh, sanh tức vô sanh, biết cội gốc là Phật, vì biết danh biết chữ, tức biết được chữ nhưt, tức Phật tánh vậy. Nên gọi là danh tự tức.

Nếu lại có người nhập tâm lo nghĩ hằng dứt đặng pháp giới thanh tịnh, tìm hiểu tánh kia thanh tịnh, vì tự chứng ngại nên đối với viên giác mà không tự tại. Đây gọi là phàm phu tùy thuận giác tánh.

Đây là quán hạnh tức. Viên giáo của Thiên Thai, năm phẩm quán hạnh vị, người tròn phục năm trụ, trước đoạn kiến tư hoặc. Nên nói nhập tâm

lo nghi hăng dứt. Ba độc không hoành hành, nên nói đặng pháp giới thanh tịnh. Đắm trước cảnh tịnh, nên nói tịnh giải này làm chướng ngại. Sự vô minh cũng tràn đầy, nên ở trong viên giác mà không tự tại. Phán giáo của Thiên Thai tròn đầy quán hạnh vị cùng với biệt giáo tín vị, đồng đoạn kiến tư hoặc, gọi là phàm ngoại, nên được gọi là phàm phu.

Các thiện nam! Tất cả Bồ Tát kiến giải bị ngăn ngại, dù có đoạn kiến giải ngăn ngại nhưng còn trụ nơi kiến giác. Các giác làm chướng ngại, không được tự tại. Đây gọi Bồ Tát chưa vào địa vị tùy thuận giác tánh.

Đây là tương tự tức. Người trong địa vị tam hiền, quán sát trí huệ thêm sáng, đã thấy trước tịnh giải làm ngăn ngại. Nay dù đã đoạn, chỗ đoạn mặc dù hết, hay đoạn quán trí, gọi là kiến giác. Năng kiến bị kiến giác làm chướng ngại. Năng cùng sở chưa hết. Thế nên với tánh viên giác mà không tự tại. Đúc kết gọi là chưa vào quả vị Bồ Tát. Chánh chỉ cho tam hiền vậy.

Các thiện nam! Có soi có biết đều gọi là chướng ngại. Thế nên Bồ Tát thường biết không trụ; hay soi cùng bị soi, đồng thời tịch diệt.

Đây là phân chơn tức. Cảnh hay soi cùng bị soi là tịnh giải. Biết là trí hay quán, là kiến giác. Tức là hai vị trí trước, vì đối đãi chưa hết, nên đều gọi là chướng ngại. Nay bậc Bồ Tát địa thượng đã chứng bình đẳng chơn như, dùng trí tức thể, lại soi thể tịch diệt, nên soi mà không soi, không trụ công soi. Thế nên thường biết không trụ, vì lý trí nhứt như, nên đồng thời tịch diệt.

Ví như có người tự chặt đầu họ, vì đầu đã chặt, nên không có hay chặt. Đem tâm ngăn ngại tự diệt các căn ngăn ngại, ngại đã đoạn diệt, không diệt ngăn ngại nữa.

Đây dùng thí dụ chỉ rõ quán cùng trí đều dứt, năng cùng sở đều quên. Người dụ cho năng chiếu, đầu dụ cho sở chiếu. Sở chiếu đã diệt thì năng chiếu cũng dứt, nên dụ không có năng đoạn. Song dùng chiếu soi làm ngăn ngại. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói: Tròn sáng chiếu sanh, do đó trong thể tròn sáng, vốn không năng sở, chỉ khởi một chiếu tâm thì hình có tướng, cho nên dùng chiếu làm ngăn ngại. Do các vô minh, gọi chung là ngăn ngại, không có chiếu soi nào mà chẳng diệt, nên dùng ngại diệt ngăn ngại. Nếu các ngăn ngại đã đoạn thì chiếu soi cũng chẳng còn, nên nói không diệt ngăn ngại nữa.

Kính giáo cũng như ngón tay để chỉ mặt trăng, nếu khi thấy mặt trăng rõ biết được mục tiêu, rất ráo không phải mặt trăng. Tất cả các thứ ngôn thuyết của Như Lai, khai thị cho Bồ Tát, cũng lại như thế.

Đây là chỉ rõ chỗ thật chứng của địa thượng Bồ Tát. Nghĩa là Bồ Tát tu hành, chưa ngộ tự tánh, nên đức Phật mượn các thứ ngôn giáo khai thị, là phương pháp ngộ tâm, nên nói như ngón tay để chỉ mặt trăng. Nay đã liễu ngộ tâm mình thì tất cả ngôn thuyết đều là pháp phương tiện. Như thấy mặt trăng, biết chắc ngón tay không phải mặt trăng. Phàm có tu dứt thuyết quán

trí năng sở, đều là ngón tay để chỉ mặt trăng mà thôi. Nay đã chứng nhứt tâm thì năng sở, đều quên, quán chiếu đều dứt, đồng thời tịch diệt vậy.

Ấy gọi là Bồ Tát đã vào đệ bát địa, tùy thuận giác tánh.

Đây là kết quả vị. Kinh này riêng dùng tròn soi giác tướng làm tôn, nên vị thứ không nói, chỗ đoạn chỉ đứng về quán hạnh cạn sâu, để chỉ rõ vị trí cao thấp. Như trong chương Phổ Hiền đã nói: Cần phải xa lìa tất cả cảnh giới huyễn hóa hư vọng, do kiên cố gìn giữ xa lìa vọng tâm, tức là tịnh giải chưa quên, phải quán hạnh vị tâm như huyễn hóa, cũng phải xa lìa, liền thấy giác làm chướng ngại, cần tương tợ vị có giác có chiếu, đồng thời tịch diệt, tức xa lìa huyễn hóa, cũng lại xa lìa, phải chia chơn vị trở xuống, nói tất cả chướng ngại, tức cứu kính giác, tức lìa xa lìa huyễn, cũng lại xa lìa, đặng “vô sở ly”, gọi là cứu kính giác. Rốt ráo tôn chỉ kinh này liễu nhiên, sâu sắc mà quán đó.

Các thiện nam! Tất cả chướng ngại tức là cứu cánh giác, đặng chánh niệm, mất chánh niệm, đều là giải thoát. Thành chánh pháp, phá chánh pháp đều gọi niết bàn. Trí tuệ ngu si chung là bát nhã. Bồ Tát, ngoại đạo, pháp được thành tựu, đồng là bồ đề. Vô minh chơn như, cảnh giới không khác. Các giới định huệ và dâm giận si, đều là phạm hạnh; chúng sanh cõi nước, đồng một pháp tánh; địa ngục thiên cung đều là tịnh độ; hữu tánh vô tánh, đồng thành Phật đạo; tất cả phiền não, rốt ráo giải thoát; pháp giới biến tuệ, chiếu rõ các tướng, cũng như hư không. Đây gọi là Như Lai, tùy thuận tánh giác.

Đây là cứu kính, để chỉ bình đẳng Phật huệ. Trên nói đặng chánh niệm, mất chánh niệm v.v..mười pháp đối đãi đều ở bên sự mê ngộ. Bởi vì viên giác tánh nhiệm mầu, không thuộc mê ngộ, như quả đối đãi. Tất cả tịch diệt, bình đẳng nhứt như, dùng vọng tưởng mà quán thì có hai tướng. Nếu dùng tuệ hải pháp giới chiếu soi thì cũng như hư không. Tất cả các tướng rõ ràng không thể được.

Các thiện nam! Các vị Bồ Tát và chúng sanh đời sau ở trong tất cả thời, không khởi vọng niệm, đối với vọng tâm cũng không dứt hết, trụ cảnh vọng tưởng, không thêm được sự hiểu biết, không hiểu biết thì không biện rõ chân thật.

Đây là chỉ chỗ nhiệm mầu bình đẳng an tâm. Trên nói vị có cao thấp, chứng có thứ lớp đều là không rõ tâm thể tịch diệt. Vọng có tu chứng không quên năng sở, đối đãi, nên ngộ có cạn có sâu, nay chỉ bình đẳng nhứt tâm, tùy thuận hợp với đạo là diệu chỉ tròn ngộ đốn chứng. Vì chúng sanh hằng ngày hiện chứng, toàn là pháp thân Như Lai bình đẳng. Nếu một niệm không sanh, toàn thể tự hiện. Nên nói: Ở trong tất cả thời, không đặng cố khởi vọng niệm, vì vừa khởi một niệm tức là mê hiện lượng. Nói vọng tưởng chúng sanh, vốn tự không tánh, vốn là chơn tâm; nếu dứt vọng cầu chơn, giống như chặt đầu tìm sự sống. Nên đối với các vọng tâm cũng chẳng dứt hết, vì cảnh

giới vọng tưởng, vốn là dứt nhứt chơn, không cho tính bàn; nếu lại gia tâm rõ biết, tức là bày tiếng dứt vang, nên nói trụ cảnh giới vọng tưởng, không gia tâm rõ biết. Không chỗ gia tâm rõ biết tức là thật biết. Nếu khởi tâm biện luận, riêng cầu chơn thật, thì chẳng khác gì trên đầu muốn cho đầu an, càng thêm điên đảo. Nên nói ở chỗ không rõ biết, không biện nói chơn thật.

Người hành đạo hằng ngày dùng bí quyết an tâm, nếu hay vận dụng được như thế thì mỗi tâm hợp đạo, mỗi niệm mỗi niệm chứng chơn, không khởi diệt định mà hiện sự nghiệp độ sanh. Từ trên các Tổ chưa có vị nào không vào pháp môn này. Đây là con đường hướng thượng tham thiền.

Các chúng sanh kia, nghe pháp môn này tin hiểu thọ trì không sanh tâm sợ hãi. Như thế gọi là tùy thuận tánh giác.

Đây chỉ chẳng an tâm đốn ngộ là điểm cốt yếu tu hành. Pháp môn này tức là ở trên tất cả thời v.v..vì pháp này khó tin, khó hiểu, khó trì. Nếu ai nghe mà không sanh tâm sợ hãi, có thể khéo hay tùy thuận tánh giác vậy.

Các thiện nam! Các ông phải biết các chúng sanh nào đã từng cúng dường trăm nghìn muôn ức các đức Phật và các vị Bồ Tát nhiều như số cát sông Hằng, trồng các gốc đức, Phật nói người ấy được gọi là người thành tựu ‘nhứt thiết chủng trí’.

Đây kết đoạn trên nói căn cơ đốn ngộ tùy thuận hợp đạo, đều là những người nhơn đời trước sâu dày, mời hay tin thọ không nghi. Những người như thế ấy, tuy ở nhơn vị, quyết định thành Phật không nghi.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn, muốn lập lại nghĩa này mà nói bài kệ rằng:

“Thanh Tịnh Huệ phải biết,
Tròn đầy tánh Bồ Đề,
Không thủ cũng không chứng
Không Bồ Tát, chúng sanh,
Tụng này tánh giác đồng,
Vốn không có sai khác.
Giác cùng khi chưa giác,
Thứ lớp có sai khác,
Chúng sanh hiểu bị ngại,
Bồ Tát chưa lìa giác,
Vào chỗ hằng tịch diệt,
Không trụ tất cả tướng,
Đại giác đều viên mãn,
Gọi là khắp tùy thuận.

Hai câu đầu nói chung sự sai khác. Một câu...chúng sanh là quán hạnh tức. Một câu Bồ Tát là tương tự tức. Hai câu nhập địa..là phân chơn tức. Hai câu đại giác..là cứu cánh tức. Song câu đầu giác cùng chưa giác cũng nhiếp về lý tức, danh tự vậy.

“Các chúng sanh đời sau,
Tâm không danh hư vọng,
Phật nói người như thế,
Hiện tại tức Bồ Tát,
Cúng dường Phật hằng sa,
Công đức đã viên mãn,
Tuy có nhiều phương tiện,
Đều gọi tùy hỷ trí”.

Hai câu chót vị hành dù sai khác, nhưng đều tùy thuận tánh giác.

Thơ VI.

42. Thanh Tịnh Huệ bạch đúng thời,
Thế Tôn chỉ dạy những lời chúng nghi,
Chúng sanh chớ Phật đồng thì,
Thế nào sai khác, tử bi chỉ bày.
43. Đức Phật hứa khả lành thay,
Thanh Tịnh Huệ chiếu vâng ngay lời vàng,
Tự tánh viên giác đoan trang,
Không thủ không xả tượn muôn đời.
44. Chúng sanh mê loạn theo thời,
Mà có sai khác mặt trời Như Lai,
Vọng tưởng ngãái diễn khai,
Nếu có thương ghét ai hoài đắm mê.
45. Viên giác nhưng lại bỏ bê,
Vọng kiến bao phủ bốn bề tối tăm,
Bồ Tát nhận rõ lý thâm,
Xa lìa năng sở trong tâm khai thông.
46. Dứt hết đối đãi ngoài trong,
Như như bất động, chơn không nhiệm mầu,
Chúng sanh Bồ Tát đời sau,
Không khởi vọng niệm rất mau đạt thành.
47. Người người nghiêm chỉnh thực hành,
Không chơn, không vọng, không sanh, không tồn.
Tâm thần nghe trọn pháp
môn,
Không có lay chuyển tâm tôn hiện bày.
48. Các người từ trước đến nay,
Cúng dường chớ Phật lại hay cúng dường,
Bồ Tát được cúng mười phương,
Phật nói người ấy trên đường giác tha.

49. Tạo phúc như hằng hà sa,
Trông các gốc đức tối đa trên đời,
Phật bảo người ấy đúng thời,
Nhứt thiết chủng trí, không rời kẻ trên.

Hết Kinh Viên Giác Trục Giải
Pd Phuong An

Trục Giải
KINH ĐẠI PHƯƠNG
QUẢNG VIÊN GIÁC
TU ĐA LA LIỄU NGHĨA

QUYỂN HẠ

*Đời Đường, nước Kế Tân, Sa Môn Phật Đà Đa La, Phạm dịch.
Đời Minh, núi Khuôn Sơn Dật Tẩu,
Ngài Hám Sơn, Thích Đức Thanh giải thẳng.
Đời Minh, đất Tân An,
Trình Mộng Dương biệt hiệu Giải Già giáo duyệt.*

VII. Lúc bấy giờ Bồ Tát Oai Đức Tự Tại ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới, bạch với Phật rằng: chân Phật, đi nhiều bên hữu ba vòng, quý gối chấp tay, bạch với Phật rằng:

Oai nghi tiến hỏi:

Đại Bi Thế Tôn! Rộng vì chúng con phân biệt như thế tùy thuận tánh giác, khiến các Bồ Tát tâm giác ngộ sáng suốt, nhờ tiếng tròn đầy của Phật, không như tu tập mà được lợi lành.

Đây vui mừng nghe khen ngợi cảm tạ. Nhờ nghe tiếng tròn đầy của Phật, lưu xuất trí sáng lời dạy quang minh, rưới vào tâm đại chúng, sức oai thần gia hộ, chiếu phá màng vô minh, mỗi vị chính tâm họ yển sáng chóng hiện. Do đó nên nói không như tu tập mà đặng lợi lành. Dưới đây xin vào cửa phương tiện .

Bạch Thế Tôn! Ví như thành lớn, ngoài có bốn cửa, người theo phương mà đến, không những một đường. Tất cả Bồ Tát trang nghiêm nước Phật và thành giác ngộ, không phải một phương tiện. Cúi mong Thế Tôn, rộng vì chúng con, tuần tự tuyên nói tất cả phương tiện, luôn cả người tu hành, gồm có mấy hạng, khiến trong pháp hội này, Bồ Tát và chúng sanh đời sau, người cầu pháp đại thừa, chóng đặng khai ngộ, du hí trong biển đại tịch diệt của Như Lai.

Đây hỏi về công hạnh. Trên chỉ nghe chỗ sai khác chúng ngộ, chưa nghe công hạnh năng chứng. Thế nên nay đặc biệt xin Phật chỉ cho phương tiện nhập môn. Thành là dụ cho viên giác. Môn là dụ cho con đường đã vào. Phương tiện chính là cửa vào chứng, tức là tối sơ phương tiện của thiên định. Có chỗ nói theo phương lấy tiện, chính là công phu hạ thủ.

Tuần tự là thế nào? Đầu tiên nói hai chữ viên chiếu là nhưn địa thành Phật, cho nên trước nói 'biết hoa đốm giữa hư không' tức là không luân chuyển, biết huyền tức là ly, không khởi phương tiện là tròn tu đốn ngộ, nên không cần phương tiện, là công hạnh của người thượng thượng căn. Nay vì các hạng trung căn hạ căn, nên thỉnh Phật nói tuần tự. Yở chỗ khai ba môn quán tức là đơn phương viên tu 25 luân, đều là tuần tự vậy.

Nói lời ấy rồi, năm vóc gieo xuống đất, ba lần thỉnh như vậy, thành kính đảnh lễ.

Đây là trình bày thành khẩn cầu pháp.

Lúc ấy đức Thế Tôn bảo Bồ Tát Oai Đức Tự Tại rằng: Lành thay! Quý hóa thay! Các ông chính là vì Bồ Tát và chúng sanh đời sau, hỏi Như Lai các phương tiện tu hành, ông nay lắng nghe, ta sẽ vì các ông diễn nói.

Khen ngợi hứa khả, nhắc nhở chú ý nghe.

Lúc ấy Bồ Tát Oai Đức Tự Tại hoan hỷ vâng lời chỉ giáo cùng các đại chúng yên lặng lắng nghe.

Đây là hân hoan, vâng theo tiếng pháp, hết lòng lắng nghe. Chánh tôn.

Các thiện nam! Diệu giác vô thượng, khắp trong mười phương, sản xuất Như Lai cùng tất cả pháp, đồng thể bình đẳng, đối với việc tu hành, thật không có hai.

Đây chỉ pháp tánh viên mãn, vốn không mê ngộ, bình đẳng không hai; chỉ kế hợp nhứt chơn, không nhờ tu hành nhiều. Thế nên nói đối với việc tu hành, thật không có hai.

Tùy thuận theo phương tiện, số kia vô lượng, tròn nhiếp chỗ về, theo tánh có sai khác, sẽ có ba thứ.

Đây chính vào cửa chúng ngộ, song tánh giác khắp đây tất cả sự vật, thì mỗi sự vật đều vào cửa chúng ngộ, chỉ theo căn cơ tròn nhiếp, đều là thiết yếu. Chỉ có ba môn. Song ba môn này, tức là ba quán chánh định, nghĩa là quán không, quán giả và quán trung đạo. Và lại, hai kinh trình bày ba danh

từ, đồng một tiếng phạn. Ấy là xa ma tha, tam ma bát đề và thiên na. Xưa dịch là xa ma tha, Trung Hoa dịch là chỉ, dùng tịch tĩnh làm tướng, nghĩa tương đương với không quán. Tam ma bát đề, Trung Hoa dịch là đẳng chỉ, cũng gọi là đẳng trì, dùng huyền hóa làm tướng, nghĩa tương đương giả quán.

Thiên na dịch là tinh lự, đều lìa huyền tĩnh, dùng tịch diệt làm tướng, nghĩa tương đương trung quán. Song sự tu chứng quyết phải có ba quán, dùng như lai tạng tâm, đủ ba đế lý, nghĩa là không, bất không và không bất không. Đây dùng ba quán, mỗi quán chiếu một đế, tròn nhiếp nhứt tâm. Nên nói là viên chiếu. Dùng nhứt tâm viên chiếu, gọi là đốn. Ba quán thứ lớp mỗi chiếu, gọi là tiệm, kỳ thật vốn không có ba, sai khác của thứ lớp vậy. Văn sau có nói rõ: Ban đầu nói về xa ma tha.

Các thiện nam! Nếu các Bồ Tát ngộ tịnh viên giác.

Đây nêu hạnh căn bản là sau khi ngộ xứng tánh mà tu, không phải trong sự mê mà tu. Nghĩa là Bồ Tát tu hành, trước phải liễu ngộ chơn tâm sẵn có tịnh viên, y theo chơn tâm không sanh diệt này, an lập quán hạnh, tịnh trị tập khí vô minh nhiều kiếp, dùng điểm này mà tu hành, chỉ xứng tánh tu mà thôi.

Dùng tâm tịnh giác, lấy tĩnh làm hạnh, do lóng lạng các niệm, giác thức phiền động, tịnh huệ phát sinh, thân tâm khách trần từ đây dứt hết.

Đây chỉ hành tướng không quán. Sơ tâm phát giác dùng yên tĩnh làm đầu; vì khi chưa ngộ, một bề vọng tưởng loạn động. Nay đã ngộ tâm này, tức là đem tâm giác đã ngộ, phát khởi quán chiếu, quán sát tâm thể bất động, nên nói chỉ giữ tĩnh làm hạnh, nhờ đó vọng tưởng tiêu hết thì thấy được tướng sanh diệt tập khí trong thức a lại gia, nên nói do lóng lạng các vọng niệm. Giác thức phiền động, lâu lâu quán sát thì tâm mình sáng suốt, bỗng nhiên phát hiện, nên nói tĩnh huệ phát sanh. Tâm sáng một khi phát thì thấy thân tâm huyền vọng, xưa nay không có, nên nói như khách trần. Như thế thì thân tâm bên trong được giải tỏa, nên nói dứt hết. Đây là công phu đầu tiên, một niệm chóng chóng vô sanh.

Liên được trong phát tịch tĩnh khinh an, vì do tịch tĩnh, thế giới mười phương trong tâm Như Lai, trong đã hiển hiện, như hình tượng trong gương.

Đây là chỉ công hiệu vào pháp quán, do tâm nhiệm mầu tròn giác, hưởng về thân tâm huyền vọng, vô minh ngăn che. Nay thân tâm đã giải thoát, thì gánh nặng vô minh hết sạch, nên nói trong phát tịch tĩnh khinh an. Đến đây mười phương rỗng nhiên thì pháp thân sẵn có hiện bày, nên nói tâm các Như Lai hiển bày, như hình tượng trong gương. Có chỗ nói pháp thân chư Phật vào trong tánh ta, tâm ta lại cùng các Như Lai kế hợp là pháp thân kế hợp mầu nhiệm. Đây chính là thiên định trở về dòng toàn một, sáu dụng không lưu hành, mười phương cõi nước, sáng sạch thanh tịnh, ví như ngọc lưu ly, trong trẻo như yển sáng mặt trăng. Cho đến tất cả Như Lai kín tròn tịnh diệu đều hiện trong ấy, tương đương viên giác chóng phá tướng vô minh.

Phương tiện này gọi là xa ma tha.

Kết danh vậy. Chữ xa ma tha, phiên dịch là chỉ, nghĩa là tịch tịnh, ở như gọi là chỉ, ở quả gọi là định. Nghĩa tương đương không quán.

Kể đây gọi là tam ma bát đề.

Các thiện nam! Nếu các Bồ Tát, ngộ tịnh viên giác.

Dùng chỗ ngộ thanh tịnh tròn đầy tâm giác, mà là hạnh căn bản.

Dùng tâm tịnh giác, hiểu biết tâm tánh và cùng căn trần đều như huyền hóa, liền khởi các huyền để trừ diệt huyền, các huyền biến hóa mà khai các huyền, vì do khởi huyền, liền hay trong phát đại bi khinh an.

Đây chỉ hành tướng giả quán, tâm tánh thức vậy, nghĩa là y theo chỗ ngộ thanh tịnh tròn sáng tâm giác, phát khởi trí chiếu, soi thức kia cùng căn trần, xưa nay chẳng có, đều như chỗ biến hiện của vô minh, tuy có mà tánh thường tự không, nên nói đều như huyền hóa.

Song huyền hóa chỉ chi mặc vô minh. Đã rõ từ thức mình và căn trần đều như huyền hóa, thì quán sát tất cả chúng sanh, mỗi mỗi như huyền, nên nói liền khởi các huyền, dùng trừ các huyền, các huyền là huyền trí. Huyền này sinh ra căn bản vô minh, nghĩa là y theo như huyền trí thì giác, đốn phá căn bản vô minh, biến hóa v..v trừ diệt vô minh, tự nhiên mà có nghiệp dụng không nghĩ bàn, nên nói các huyền biến hóa, rồi khai các huyền, rộng làm Phật sự độ sanh, hiện thân trong mười cõi, khắp ứng tất cả. Đây là hành tướng ra chơn vào giả, do khởi huyền v..v...nghĩa là đã chứng chơn như, từ chơn như khởi sự nghiệp lợi sanh, mà dùng đồng khởi đại bi, rộng hóa độ chúng sanh, không chấp tướng chúng sanh, nên nói đại bi khinh an.

Tất cả Bồ Tát từ đây khởi hành, dần dần tăng tiến. Các ngài quán huyền, vì huyền không đồng, không đồng quán huyền, vì đều là huyền, tướng huyền hằng dứt.

Đây chỉ tướng quán hạnh tăng tiến, vì chứng tánh chơn tròn, vô minh chưa sạch, dần dần thâm nhập, nên nói dần dần (tiệm thứ). Vì đối đãi chưa quên, trước khiến cảnh sở quán, hãy còn trí năng quán, nên nói kia quán huyền, huyền không đồng. Quán huyền là thế nào? Quán tức là trí năng quán, huyền là cảnh sở quán, chơn trí còn nguyên, nên nói không đồng huyền kia. Song sở quán đã quên thì năng quán cũng dứt, nếu còn năng quán, còn chưa ly huyền, nên nói không đồng quán huyền, vì đều là huyền, năng sở đều quên, cảnh trí đều dứt, chỉ một chơn tâm, nên nói tướng huyền chưa dứt.

Thiệt các vị Bồ Tát chỗ tròn đầy hạnh nhiệm mầu, cũng như đất tốt tăng trưởng lúa mạ.

Đây là dụ tướng tăng tiến. Nói Bồ Tát quán hạnh, cảnh trí đều quên, một chơn như độc nhứt, thì pháp thân chơn địa, giống lúa trí linh, dần dần tăng trưởng. Đất là dụ cho pháp thân chơn địa, bản giác chơn như cũng như hạt giống, quán trí thêm sáng cũng như lúa mạ tăng trưởng.

Phương tiện này, gọi là tam ma bát đề.

Đây là quán danh ngôn. Tiếng Phạn gọi là tam ma bát đề. Trung Hoa dịch là đẳng chử trong đẳng trì, hay đến địa vị Thánh quả.

Ba thiền na:

Các thiện nam! Nếu các Bồ Tát giác ngộ thanh tịnh viên giác.

Đây nêu căn bản tu hành.

Dùng tâm tịnh giác, không chấp huyễn hóa, và các tướng yên tĩnh, rõ biết thân tâm đều là ngăn ngại, không biết giác sáng, không nương các ngại, hằng đặng vượt qua cảnh ngại cùng không ngại, thọ dụng thế giới và cùng thân tâm, cùng ở trong thành vi trần, như chuông trống để trong đồ, tiếng ra bên ngoài phiền não cùng niết bàn, không cùng lưu ngại.

Đây chánh chỉ hành tướng trung quán, nghĩa là y theo chỗ ngộ thanh tịnh viên mãn tâm giác ngộ, kiến lập quán hạnh, quán thẳng như tâm trung đạo, ngoài quên các cảnh, nên nói không chấp huyễn hóa. Trong quên trí kia, không chấp trí yên tĩnh, cảnh cùng trí đều quên, thân tâm tịch diệt đều không chướng ngại, cho nên nói rằng rõ biết, biết sáng suốt giác ngộ là căn bản vô minh. Nghĩa là đối đãi đã quên, năng cùng sở không lập thì vô minh hết sạch, nên nói không biết giác sáng, cảnh cùng trí đều không, nên nói không nương các ngại, vì xa lìa cảnh, vượt chướng ngại lìa trí hóa, nên siêu việt không ngăn ngại, rốt ráo tịch diệt, nên nói hằng đặng vượt qua.

Tiếng chuông tiếng trống, nói tuy có thể chắt, nhưng xa thông tiếng không ngại, chính dùng đồ nhỏ mà tiếng lớn, dùng sáng tức có chỗ ngại, hay thông suốt không ngăn ngại, ý nói hướng đến tâm cảnh chưa quên, thì thân tâm, thế giới làm ngại.

Nay đã liễu ngộ pháp thân tức là huyễn vọng này, thân tâm cùng thế giới, không ngại pháp thân, nên nói thọ dụng thế giới và cùng thân tâm cùng ở trong thành vi trần. Như cái linh để trong đồ, tiếng ra bên ngoài để dụ pháp thân xuất ngại. Phiền não đứng về pháp sanh tử để nói thân tâm thế giới vậy. Niết bàn đứng về lý trí chỉ một chân tâm, nên nói sanh tử cùng niết bàn không cùng lưu ngại.

Liền hay trong phát tịch diệt khinh an, giác ngộ nhiệm màu tùy thuận cảnh giới tịch diệt, thân tâm mình cùng người chỗ không thể đến, thọ mạng chúng sanh đều bị hư tưởng.

Đây chỉ cái tướng quán hạnh thành tựu lợi ích, vì tâm sanh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền. Ba đức tròn chứng, niết bàn thường lạc, nên nói tịch diệt khinh an, mỗi tâm niệm tùy thuận, giác ngộ nhiệm màu tịch diệt, nên nói thân tâm mình cùng người chỗ không thể đến, thọ mạng chúng sanh đều bị hư tưởng. Như thế thì hai chướng hằng đoạn, hai chết hằng dứt, rốt ráo chứng ngộ cùng cực như tâm.

Phương tiện này gọi là thiền na.

Đây là kết thúc danh từ.

Các thiện nam! Ba pháp môn này đều là viên giác thân cận thuận theo, Như Lai trong mười phương như đây thành Phật, mười phương Bồ Tát dùng các thứ phương tiện, tất cả đồng khác, đều nương ba thứ sự nghiệp như thế; nếu đặng tròn chứng, tức thành viên giác.

Đây tổng kết thứ lớp phương tiện. Nghĩa là ba pháp môn này, đều là phương tiện thuận theo gần gũi viên giác, tức là như địa Như Lai. Muốn hạnh của các Bồ Tát, hoặc tiêm thứ, hoặc tròn khắp, đều nương ba thứ sự nghiệp này, hoặc đơn giản nhưng trọn thật hành. Nếu một niệm tròn chứng, tức thành viên giác.

Các thiện nam! Giả sử có người tu theo con đường Phật, giáo hóa thành tựu trăm ngàn muôn ức, quả A La Hán và Bích Chi Phật, không bằng có người nghe pháp môn vô ngại viên giác này trong một giây phút, thuận theo tu tập.

Đây là kết hạnh thù thắng, thiên một bên hay tròn đầy tu tập mỗi ngày hay mỗi kiếp lẫn nhau, nên dạy rất nhiều hàng nhị thừa, không bằng tạm nghe pháp này, đây là như chánh thành Phật vậy.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên, nên nói bài kệ rằng:

“Oai đức ông nên biết,
Tâm đại giác vô thượng,
Xưa nay không hai tướng,
Thuận theo các phương tiện,
Số kia nhiều vô lượng,
Như Lai đều khai thị,
Liên có ba chủng loại.

Tóm nêu ba thứ quán hạnh.

Xa ma tha tịch tĩnh,
Như gương soi các hình
Như huyễn thọ thiên định,
Như lúc dẫn tăng trưởng,
Giây phút chi tịch tĩnh,
Như khánh trong đồ kia.

Đây chỉ ba thứ hành tướng.

Ba thứ diệu pháp môn,
Đều là giác tùy thuận,
Mười phương các Như Lai,
Và các đại Bồ Tát,
Như đây được thành đạo,
Vì ba sự tròn chứng,
Là rốt ráo niết bàn.

Đây là đoạn tổng kết.

Thơ VII.

50. Bồ Tát Oai Đức đứng lên,
Cầu Phật chỉ dạy phải nên làm gì,
Chúng sanh, Bồ Tát còn nghi,
Làm sao thể nhập vô tri giác thành.
51. Phật khen Oai Đức thừa rành,
Chỉ rõ đồng thể, tu hành không ai,
Tùy thuận phương tiện hoằng khai
Số kia vô lượng, an bài có ba.
52. Dù tâm tịnh giác nghe qua,
Phương tiện nhứt xa ma tha hiện bày,
Dứt trừ huyễn hóa từ nay,
Đại bi phát khởi chờ ngày thành công.
53. Các ngài quán huyễn không đồng,
Quán huyễn biết huyễn mới mong dứt trừ,
Nhiệm mầu tròn đủ lòng từ,
Tam ma đề bát mỗi người tự chuyên.
54. Giác ngộ thanh tịnh chu viên,
Không chấp huyễn hóa tướng yên tĩnh thuần,
Thiền na phương tiện thâm nhuần,
Khinh an tịch diệt, tâm tuần tự an.
55. Mười phương Bồ Tát hân hoan,
Dùng ba phương tiện thẳng quang đặc thành,
Pháp môn vô ngại trong lành,
Viên giác Phật quả xứng danh muôn đời.

VIII.

Lúc ấy ngài Biện Âm Bồ Tát ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên hữu ba vòng, quỳ gối chấp tay bạch với Phật rằng”

Oai nghi đầu tiên tiến tới thưa hỏi:

Đại bi Thế Tôn, pháp môn như thế, rất làit có.

Hân hoan khen ngợi.

Bạch Thế Tôn, các phương tiện này, tất cả Bồ Tát đối với môn viên giác, có bao nhiêu người tu tập.

Đây chính trình bày ý hỏi. Nghĩa là trước Phật nói ba quán, chưa biết chỗ Bồ Tát tu là một người đủ cả ba hay là ba người, mỗi người tu chỉ một quán, là đồng thời hay là thứ lớp. Xin thỉnh khai thị để tiện việc tu hành.

Muốn vì đại chúng và chúng sanh đời sau, phương tiện khai thị, khiến họ ngộ thật tướng.

Đây là lý do để hỏi.

Nói lời ấy rồi, năm vóc gieo xuống đất, lập đi thưa lại, ba lần thỉnh như thế.

Ba lần cung kính thỉnh.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Biện Âm Bồ Tát rằng: Lành thay! Quý hóa thay! Các thiện nam! Các ông đã vì đại chúng và chúng sanh đời sau, hỏi Như Lai sự tu tập như thế. Các ông nay lắng nghe, ta sẽ vì các ông mà nói.

Hứa khả và lưu ý phải chí tâm thính thọ.

Lúc ấy Biện Âm Bồ Tát phụng giáo vui mừng cùng các đại chúng yên lặng lắng nghe.

Sẵn sàng chờ nghe.

Các thiện nam! Các đức Như Lai viên giác thanh tịnh vốn không tu tập và đã tu tập. Tất cả Bồ Tát và chúng sanh đời sau, nương chỗ chưa giác ngộ dùng sức huyễn tu tập. Khi ấy liền có huyễn hai mươi lăm thứ thanh tịnh định luận.

Đây là đáp chung ý hỏi. Viên giác tánh thanh tịnh chúng sanh sẵn đầy đủ, không nhờ sự tu tập, chỉ nay ở trong mê, dùng huyễn để tu huyễn, chỉ dùng sức huyễn, nên có hai mươi lăm thứ không đồng. Bởi vì ba quán một tâm, vốn không sai khác, thứ lớp mỗi luân theo ý người, phải đặt nặng chỗ tu tập, triển chuyển mà có hai mươi lăm luân, không phải quyết định có 25 thứ vậy. Song 25 thứ không ngoài ba quán, đơn giản nhưng lại viên tu, mà phân chia sai khác. Đầu tiên đơn tu ba quán:

Nếu các Bồ Tát chỉ giữ gìn thật thanh tịnh, vì do sức thanh tịnh, chưa đoạn hết phiền não rất ráo thành tựu, không đứng dậy khỏi chỗ ngồi, liền vào niết bàn. Các Bồ Tát ấy gọi là đơn tu xa ma tha.

Đây là đơn tu không quán vậy, song ba đế vốn chỉ một cảnh, nên ba quán ở nơi nhứt tâm, viên dung trùm nhiếp, nói một tức đủ ba, nói ba thể tức là một. Có chỗ nói chánh thiên bao gồm, nên tuy đơn tu một quán, quyết gồm hai thứ khác, dù không nói rõ, nghĩa tức trọn đủ. Nay nói chỉ giữ gìn thật thanh tịnh, do đó quán không làm chủ, vì do sức tĩnh, hằng đoạn phiền não, thì nghĩa bao trùm nơi giả, vì phiền não huyễn hóa, dùng sức tĩnh đoạn đó; nếu rất ráo thành tựu, tròn chúng nhứt tâm, thì nhiếp trung quán. Nên không đứng dậy khỏi chỗ ngồi, liền vào niết bàn. Đây đơn giản viên tu không quán mà vào. Thường làm phép quán như thế, nghĩa mới đầy đủ, nên danh phải có bốn chữ 'ngộ tịnh viên giác'. Người dịch tóm lược.

Nếu các Bồ Tát chỉ quán như huyễn, vì nhờ Phật lực, biến hóa thế giới, các thứ tác dụng, đầy đủ thật hành diệu hạnh thanh tịnh của Bồ Tát, đối với

đà la ni không mất tịch niệm và các tịnh huệ. Bồ Tát này gọi là đôn tu tam ma bát đề.

Đây là đôn tu giả quán. Phật lực thế nào? Nghĩa là tự tánh vốn đủ chơn như. Phật tánh có sức nội huân, nên phát khởi các thứ tác dụng biến hóa, đầy đủ thật hành diệu hạnh. Đây y theo huyền mà hành, đối với đà la ni không mất chánh niệm thì toàn thể khởi diệu dụng gồm thu nhiếp nhứt tâm, trung đạo thể tịch diệt, mà phát khởi không huệ, chiếu phá vô minh. Đây là dùng giả mà nhiếp trung và không quán vậy.

Nếu các Bồ Tát chỉ diệt các huyền, không chấp tác dụng, riêng dứt phiền não, phiền não dứt hết, liền chứng thật tướng. Bồ Tát này gọi là đôn tu thiên na.

Đây là đôn tu trung quán thiên na. Chỉ diệt các huyền, riêng đoạn phiền não là nhiếp giả vào trung, phiền não dứt hết, liền lên thật tướng, mới nhiếp không vào trung quán, chánh ngăn chiếu kiến đồng thời, để hiển lộ trung quán, chỉ diệt đoạn hết thì đều ngăn, riêng đoạn liền chứng thì đều chiếu. Trên đây là đôn tu ba quán, dưới lại thật hành 21 luân. Mỗi quán lãnh bảy, nên có hai mươi một. Đầu không quán lãnh bảy, tiếp là hai quán, mỗi quán đều lãnh bảy.

Trước không sao giả.

Nếu các Bồ Tát, trước dùng hết sức tĩnh, để thanh tịnh tâm trí tuệ chiếu phá các huyền ở trong đó, khởi hạnh Bồ Tát. Bồ Tát này trước thật hành xa ma tha, sau thật hành tam ma bát đề.

Trước không quán, sau trung quán.

Nếu các Bồ Tát dùng trí huệ thanh tịnh, chứng đến tánh thanh tịnh, liền đoạn phiền não, hăng ra con đường sanh tử. Bồ Tát này gọi là trước thật hành xa ma tha, sau thật hành thiên na.

Trí tức thế, nên nói là tĩnh huệ, lại chiếu thế không tịch, nên nói chứng đến tánh thanh tịnh, liền đoạn phiền não, hăng ra khỏi sanh tử, như tiêu quả mất, tròn chứng nhứt tâm nên gọi là trung đạo.

Kế lại ba quán hai.

Trước không quán, kế giả quán, sau trung quán.

Nếu các Bồ Tát dùng trí huệ tịch tĩnh, lại hiện sức huyền hóa, các thứ biến hiện, độ các chúng sanh, sau đó đoạn phiền não, mà vào tịch diệt. Bồ Tát này trước thật hành xa ma tha, kế đó thật hành tam ma bát đề và sau thật hành thiên na.

Trước không quán, kế trung quán sau cùng giả quán.

Nếu các Bồ Tát dùng thần lực hết sức yên tĩnh, đoạn phiền não rồi, sau khởi diệu hạnh thanh tịnh Bồ Tát, độ các chúng sanh. Bồ Tát này gọi là trước thật hành xa ma tha, giữa thật hành thiên na, và sau cùng thật hành tam ma bát đề.

Sau đây đồng tu ba quán có ba.

Trước tĩnh, đồng tịch huyễn.

Nếu các Bồ Tát, dùng hết sức tịch tĩnh, tâm đoạn phiền não, lại đoạn chúng sanh, kiến lập thế giới, Bồ Tát này, trước tiên thật hành xa ma tha và đồng tu tam ma bát đề và thiền na.

Trước đồng tịch huyễn, sau đó tịch.

Nếu các Bồ Tát, dùng sức chí tịnh, giúp phát sự biến hóa, sau mới đoạn phiền não, Bồ Tát này, gọi là đồng thật hành xa ma tha, tam ma bát đề, sau thật hành thiền na.

Đồng tịch tịch, sau huyễn.

Nếu các Bồ Tát dùng sức chí tĩnh, giúp cho tịch diệt, sau khởi tác dụng, biến hóa thế giới, Bồ Tát này gọi là đồng thật hành xa ma tha, thiền na, sau thật hành tam ma bát đề.

Trên tĩnh quán bảy luân đã rồi.

Dưới huyễn quán bảy luân.

Trước tiên huyễn, sau tĩnh.

Nếu các Bồ Tát, dùng sức biến hóa, các thứ tùy thuận, rồi đến chỗ hết sức tịch tĩnh, Bồ Tát này, gọi trước thật hành tam ma bát đề, sau thật hành xa ma tha.

Trước huyễn, kế đó tịch, sau cùng tĩnh.

Nếu các vị Bồ Tát, dùng sức biến hóa, tác dụng vô ngại, vì đoạn phiền não, an trú đến chỗ tịch tĩnh, Bồ Tát này, gọi là trước tu tam ma bát đề, giữa tu thiền na và sau cùng tu xa ma tha.

Sau đồng ba quán cả ba.

Trước huyễn, đồng tịch tĩnh.

Nếu các Bồ Tát dùng sức biến hóa, tác dụng phương tiện, đến an tĩnh tịch diệt, cả hai đều tùy thuận, Bồ Tát này gọi là trước thật hành tam ma bát đề, đồng thật hành xa ma tha, thiền na.

Đồng huyễn tĩnh, sau tịch.

Nếu các Bồ Tát dùng sức biến hóa, các thứ khởi diệu dụng, giúp đỡ đến chỗ chí tĩnh, sau đoạn phiền não, Bồ Tát này gọi là đồng thật hành tam ma bát đề, xa ma tha, sau thật hành thiền na.

Đồng huyễn tịch, sau tĩnh.

Nếu các Bồ Tát dùng sức biến hóa, giúp nơi tịch diệt, sau trụ thanh tịnh, vô tác tĩnh lực, Bồ Tát này gọi là đồng thật hành tam ma bát đề, thiền na, sau thật hành xa ma tha.

Ba tịch quán, lãnh bảy. Lại hai có hai.

Trước tịch sau tĩnh.

Nếu các Bồ Tát dùng sức tịch diệt mà khởi đến chỗ tịch tĩnh, trụ nơi thanh tịnh, Bồ Tát này gọi là trước tu thiền na, sau thật hành xa ma tha.

Trước tịch, sau huyễn.

Nếu các Bồ Tát dùng sức tịch diệt mà khởi tác dụng, đối với tất cả cảnh, tịch dụng tùy thuận, Bồ Tát này gọi là trước thật hành thiên na, sau thật hành tam ma bát đề.

Sau lại ba, có hai: Trước tịch, kế tĩnh, sau huyễn.

Nếu các Bồ Tát dùng sức tịch diệt, các thứ tự tánh, an ở nơi tĩnh lự, mà khởi biến hóa, Bồ Tát này gọi là trước thật hành thiên na, giữa thật hành xa ma tha, sau thật hành tam ma bát đề.

Trước tịch, kế huyễn, sau tĩnh.

Nếu các Bồ Tát dùng sức tịch diệt, vô tác tự tánh, khởi nơi tác dụng, cảnh giới thanh tịnh, về nơi tĩnh lự, Bồ Tát này gọi là trước thật hành thiên na, giữa thật hành tam ma bát đề, sau thật hành xa ma tha.

Đồng ba, có ba. Trước tịch đồng tĩnh huyễn.

Nếu các Bồ Tát dùng sức tịch diệt, các thứ thanh tịnh mà trụ tĩnh lự, khởi ra biến hóa, Bồ Tát này, trước thật hành thiên na, đồng thật hành xa ma tha, tam ma bát đề.

Đồng tịch tĩnh, sau huyễn.

Nếu các Bồ Tát dùng sức tịch diệt, giúp nơi đến chỗ yên tĩnh mà khởi biến hóa, Bồ Tát này đồng thời thật hành thiên na, xa ma tha, sau thật hành tam ma bát đề.

Đồng tịch huyễn, sau tĩnh.

Nếu các Bồ Tát dùng sức tịch diệt, giúp nơi sự biến hóa mà khởi đến tịch tĩnh, trong sáng cảnh huệ, Bồ Tát này đồng thời thật hành thiên na, tam ma bát đề, sau thật hành xa ma tha.

Tròn tu ba quán.

Nếu các Bồ Tát dùng huệ viên giác tròn hợp tất cả, đối với các tánh tướng, không lìa tánh giác, Bồ Tát này gọi là tròn tu ba thứ tự tánh thanh tịnh tùy thuận.

Đây tu trọn ba quán, chính ba quán nhưt tâm, một niệm đầy đủ, tức ban đầu nói tròn soi giác tướng thanh tịnh, viên giác tròn hợp, tức tròn chiếu tất cả, bao trùm cả mười pháp giới, đối với các tánh tướng, không lìa tánh giác, tức là giác tướng thanh tịnh, như địa bốn khởi của chư Phật, chỉ nhưt tâm tròn soi pháp giới, dùng làm hạnh nhiệm mẫu, cho nên hai mươi lăm luân (25), rất ráo quy về nơi ý này. Chỉ rõ một phép quán này, dùng làm viên tu, hai mươi bốn thứ kia, đều tùy căn mà thôi.

Các thiện nam! Ấy gọi là hai mươi lăm (25) luân của Bồ Tát. Tất cả Bồ Tát tu hành như thế. Nếu các Bồ Tát và chúng sanh đời sau, y theo luân này, phải giữ hạnh thanh tịnh, vắng lặng suy nghĩ, cầu thương sám hối, trải qua hai mươi một (21) ngày, với hai mươi lăm (25) luân, an tâm nhớ đến mục tiêu,

chí tâm cầu thương xót, tùy tay kết lấy, nương theo kết ấy mà khai thị, lại biết đốn tiệm, một niệm nghi hối, liền không thành tựu.

Đây là tổng kết khuyến tu, phải giữ hạnh thanh tịnh là như thế nào? Nghĩa là như giới sanh định, tức là Lăng Nghiêm ba thứ dần dần mới vào cơ bản thiền định. Yên tịnh tư duy sám hối, liền quán tội tánh vốn không. Nếu ai muốn sám hối phải ngồi đoan trang nghĩ thật tướng, thương cầu giữ lấy mục tiêu, dùng đốn tiệm suy nghiệm căn cơ, rồi thỉnh thần lực các Thánh gia trì, khởi lòng tin quyết định.

Lúc ấy, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này, nên nói bài kệ:

“Biện Âm ông nên biết,
Tất cả các Bồ Tát,
Vô ngại giác thanh tịnh,
Đều y thiền định sanh,
Như là xa ma tha,
Tam ma đề, thiên na,
Ba pháp tu tiệm thứ,
Có hai mươi lăm luân,
Các Như Lai mười phương,
Người tu hành ba đời,
Đều nhờ pháp này đặng,
Mà được thành Bồ Đề,
Chỉ trừ người đốn giác,
Luôn pháp không tùy thuận.

Hai mươi lăm luân đều là như hạnh Bồ Tát. Bài kệ nói Như Lai mười phương, ý nói quả sở thú. Đây chính là như địa pháp hạnh Như Lai, người giác ngộ đốn giáo thì không cần thứ lớp. Pháp không tùy thuận là thế nào? Là những người xiển đề bất tín, thì dần dần cũng không thể nhập.

Tất cả các Bồ Tát,
Và chúng sanh đời sau,
Thường phải trì luân này,
Tùy thuận siêng tu tập,
Y sức đại bi Phật,
Không lâu chứng niết bàn.

Đây là bài tụng kết khuyến.

Thơ VIII.

56. Biện Âm bạch Phật đúng thời,
Các phương tiện ấy sáng ngời dạy cho,
Với môn Viên Giác hằng lo,
Bao người tu tập qua đò sông mê.

57. Muốn cho sanh chúng hướng về,
Thịnh Phật khai thị một bề thâm,
Thế Tôn nói thẳng Biện Âm,
Chúng sanh đời mạt muốn tầm pháp tu.
58. Tất cả Bồ Tát công phu,
Hai mươi lăm thứ tiếp thu thật hành,
Ngày đêm do sức tịnh thanh,
Đoạn hết phiền não tâm sanh niết bàn.
59. Bồ Tát chỉ quán diệu đàn
Thật hành công hạnh hoàn toàn tịch nhiên,
Tam ma bát đế nguồn thiền,
Không nhất tịnh niệm gắng liền đường tu.
60. Bồ Tát diệt hết huyễn êm ru,
Phiền não dứt hết công phu chứng thành,
Thiền na đúng mức thật hành,
Ngộ được thật tướng đành rành chơn không.
61. Bồ Tát trí tuệ quán thông,
Xa ma tha chỉ, dụng công hành trì,
Niết bàn quả chứng tức thì,
Liễu sanh thoát tử còn gì khổđau!

IX. Lúc bấy giờ Bồ Tát Tịnh Chư Nghiệp Chương ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên mặt ba vòng, quỳ gối chấp tay mà bạch Phật rằng:

Oai nghi hỏi pháp.

Đại bi Thế Tôn! Vì chúng con rộng nói việc không nghĩ bàn như thế, tất cả Như Lai hành tướng như địa, khiến các đại chúng đặng pháp chưa từng có, nhìn thấy đức Điều Ngự, số kiếp nhiều như cát sông Hằng, ở trong cảnh giới siêng khổ, tất cả công dụng, cũng như một niệm, Bồ Tát chúng con hết sức tự an ủi vui mừng.

Đây là mừng chỗ nghe, nghĩa là từ nhứt tâm kiến lập các định luân, là hành tướng như địa các đức Như Lai, cảnh giới siêng khổ, một niệm đủ thấy, thế nên sâu sắc tự mừng.

Bạch Thế Tôn! Nếu giác tánh này, bốn tánh thanh tịnh, như gì bị nhiễm ô, khiến các chúng sanh, mê muội không thể vào?

Đây là câu hỏi chánh. Chương trên Phật nói tất cả như lai viên giác thanh tịnh, vốn không tu tập. Song thanh tịnh thì bản lai không nhiễm, nay nhưn đâu mà có nhiễm ô, lại phải nhờ sự tu trì?

Cúi mong Như Lai rộng vì chúng con khai ngộ pháp tánh, khiến đại chúng đây và chúng sanh đời sau, được thấy hiểu pháp này.

Đây là đoạn thỉnh ý.

Nói lời ấy rồi, nắm vốc gieo xuống đất, thưa thỉnh ba lần, lập đi lập lại.

Thành khẩn cầu pháp.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Bồ Tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng rằng: Lành thay! Quý hóa thay! Các thiện nam! Các ông chính hay vì các đại chúng và chúng sanh đời sau, thưa hỏi Như Lai phương tiện như thế. Ông nay lắng nghe, ta sẽ vì các ông mà nói.

Khen ngợi và hứa khả.

Lúc ấy Bồ Tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng vâng lời dạy hoan hỷ, và các đại chúng yên lặng lắng nghe.

Yên lặng chờ nghe.

Các thiện nam! Tất cả chúng sanh từ vô thi đến nay, vọng tưởng chấp có ta, người, chúng sanh và cùng thọ mạng, nhận bốn điên đảo cho thật là ngã thể, do đây liền có ghét thương hai cảnh, ở trong thể hư vọng chấp thêm hư vọng, hai vọng nương nhau, sanh con đường vọng nghiệp, vì có vọng nghiệp, vọng kiến lưu chuyển, nhằm chán lưu chuyển, vọng thấy niết bàn.

Đây chánh đáp lý do nhiễm ô. Tất cả chúng sanh, từ vô thi đến nay, vọng tưởng chấp có ta, người v.v.. Chính lúc đầu đã nói: Vọng nhận bốn đại làm tướng tự thân, sáu trần duyên bóng làm tướng tự tâm. Vì các chúng sanh đầu tiên không rõ biết, mê bản pháp thân, nên vọng nhận năm uẩn thân tâm huyền vọng, làm thật ngã thể, nên gọi là ngã tướng, chấp ngã lần lựa đến đường này đường khác, nên gọi là nhưn tướng. Chấp ta thịnh suy, khổ vui, đổi khác nối nhau làm tướng chúng sanh, chấp có mạng căn một thời kỳ không dứt là tướng thọ giả. Vì không thông lý vô ngã, chấp vọng làm chơn, nên gọi là điên đảo. Song chấp hư vọng làm ta, đã là điên đảo, ở nơi vọng ngã này, khởi tâm thương ghét, nên nói chấp thêm hư vọng, khởi các mê lầm khác. Tâm cảnh hai vọng nương nhau, tạo các thứ nghiệp, nên nói sanh con đường vọng nghiệp. Vì tạo vọng nghiệp này, nên có vọng nghiệp khác, quyết thọ khổ báo, lưu chuyển trong đường sanh tử, rồi bị khổ quả. Hoặc nghiệp, khổ cả ba đều nhưn vọng nhận ngã chấp, rồi phải luân hồi trong ba cõi, cho nên nói rằng lưu chuyển. Đây là phần đoạn sanh tử.

Như hàng nhị thừa, nhằm chán khổ sanh tử, đoạn nguyên nhưn phiền não, ra ngoài ba cõi, lại vọng chấp niết bàn, để rồi bị khổ biến dịch sanh tử, đều do cố chấp ngã, nên nói do đây liền sanh tử... Song bốn tướng này, có những phần mê thức mê trí thô cùng tế. Thô là mê thức, phạm phu vọng nhận năm uẩn là ngã, vọng sanh thương ghét. Trong Kinh Kim Cang nữa phần trước đã nói rõ điểm này. Tế là mê trí là tất cả thánh hiền, vọng có chứng đắc, năng sở chưa quên. Phần tế nhị này đã nói rõ nữa phần sau trong Kinh Kim Cang.

Trong đây thô, tế hai thứ ngã chấp chính thuộc về câu sanh. Chúng sanh nói trong Kinh này ý bao trùm chín cõi. Trong đó trước nói bốn tướng của phàm phu để chỉ rõ bốn tướng của ba thừa. Bởi vì bốn tướng của phàm phu do thương ghét mà có; bốn tướng của ba thừa do chứng thủ mà có, vì chứng thủ nên phát ra chủng tử cái căn. Thế nên nói cả thánh lẫn phàm.

Do đây không thể vào tuệ giác thanh tịnh, không giác bị chống trái với năng nhập, có các năng nhập, thì không có giác nhập, thế nên động niệm và cùng dứt niệm đều về mê muội.

Đây chính đáp lý do không thể vào tuệ giác. Do trên đã nói, vì vọng chấp ngã, nhiễm ô chơn tánh. Do đó không thể vào tuệ giác thanh tịnh. Bởi vì phi tánh giác trái chống không dung nhập, vì chấp ngã hay vào giác, nên nói có các năng nhập, không phải giác vào giác; nếu đem giác vào giác, thì như không hợp không, lại đâu có chống trái, vì ngã chấp chưa quên, nên phàm phu động niệm, nhị thừa dứt niệm, đều về mê muội.

Dưới đây gạn lại giải thích gốc mê muội.

Vì cố sao có vô minh bốn khởi từ vô thi làm chủ thể mình?

Đây gạn lại giải thích căn bản mê muội. Vô minh bốn khởi, nghĩa là đầu tiên một niệm bất giác, sanh tướng vô minh. Pháp thân vô ngã, do một niệm vô minh, mê pháp thân căn bản, thành đà na thức, làm căn bản ngã tướng, từ đây đều là dụng sự vô minh, nên nói làm chủ thể mình. Ngã là nghĩa chủ thể, nghĩa là từ vô thi đến nay, một bề đều do vô minh chủ thể, ấy là ngã tướng. Từ Đẳng Giác còn chưa phá sanh tướng vô minh, dị thực chưa không đều thuộc ngã tướng. Nhưng ngã tướng này cùng các giáo lý đã nói không đồng, vẫn sau tự nói rõ.

Tất cả chúng sanh, không có con mắt tuệ thân tâm các tánh đều là vô minh. Ví như có người, không tự đoạn mạng.

Đây lập lại để giải vô minh từ vô thi, đến nay lý do khó đoạn. Nghĩa là toàn thể vô minh, biến thành thân tâm năm uẩn. Song căn bản vô minh này, chẳng phải trí căn bản chiếu thì không thể phá, vì các chúng sanh, từ lâu chưa gặp tri thức, khai phát huệ nhãn để chiếu phá, đâu có vô minh hay đoạn lý vô minh ư? Nên nói ví như có người, không tự đoạn mạng.

Thế nên phải biết, có cái ngã, tùy thuận cùng ta hay không tùy thuận mới sanh ghét oán, vì tâm ghét yêu, nuôi dưỡng vô minh; nối nhau cầu đạo, đều không thành tựu...

Đây chỉ lý do vô minh nối nhau trong nhiều kiếp. Nghĩa là vô minh này nối nhau nhiều kiếp khó mà đoạn diệt, vì có hai mê lầm thương ghét để nuôi dưỡng vô minh. Vì có chấp ngã thì thiên về cái ngã; nếu có cái ngã thì lại tăng trưởng ái kiến của ngã. Nếu trái với ngã quyết sanh oán ghét. Song oán ghét cũng từ cái phát khởi, vì không thuận ái kia nên oán ghét mà thôi, vì thương ghét này giúp huân tập hạt giống vô minh, rồi phát khởi hiện hành, nên đời

đòi kiếp kiếp thương ghét chưa dứt, nên vô minh ngày càng chồng chất, do đó nổi nhau nhiều kiếp sanh tử. Nay đem tâm thương ghét mà cầu Phật đạo, đâu có lý thành đạo ư? Nên nói đều không thành tựu.

Dưới đây là chỉ tướng.

Các thiện nam! Thế nào gọi là ngã tướng? Nghĩa là các tâm chúng sanh đã chứng.

Đây chính chỉ thể của ngã tướng. Ngã v.v..bốn tướng này. Bản xưa giải đều phân thô tế. Nay rõy Phật chỉ vô minh từ vô thi. Làm chủ thể mình, ấy là ngã thể. Ấy là bốn tướng riêng theo lệ mà sanh tướng vô minh, nay dùng quán chiếu xét cùng, đối đãi chưa quên, triển chuyển có bốn, vốn không phải là phần thô tế vậy. Làm sao để chỉ rõ? Nghĩa là diệu tánh viên minh, vốn không năng sở; bởi vì đầu tiên một niệm, ngăn diệu tánh này, mất bốn minh kia, nên gọi là vô minh. Từ xưa đến nay một bề đều là vô minh làm chủ thể mình, mà làm ngã thể. Nay dùng chỉ giác quán chiếu, muốn chúng viên giác, chưa hay tròn hợp, trung gian đều như căn bản vô minh, mà làm chướng ngại, nên đối đãi chưa quên, tức là sở đối sở chứng này, chính là vô minh, chẳng phải tánh giác vậy, nên nói là tâm đã chứng, là ngã tướng vậy. Xét đây mới khởi vô minh làm ngã, đâu có phần thô, tế ư? Vĩnh Gia trong một niệm năm ấm, chính ý này vậy. Người trí phải quán sát cho thấu đáo.

Dưới đây dùng thí dụ để chỉ rõ.

Các thiện nam! Ví như có người trăm cách điều hòa thân thể, bỗng quên thân ta; tứ chi không hòa hườn, nuôi dưỡng trái thời, giống như kim châm lửa đốt, thì biết có ngã. Thế nên chúng chắc mới hiện ngã thể.

Đây dùng thí dụ chỉ rõ ngã tướng, nghĩa là chúng sanh hưởng về dụng sự vô minh, không biết có ngã, xoay chuyển mà thôi, như người đều thích quên thân. Nay dùng quán xét tận cùng mới rõ thể của vô minh, nên như người bị kim châm lửa đốt, biết có thân ta vậy. Người dùng tâm quán để có điều thủ chứng, ấy chính là vô minh, chẳng phải tánh giác vậy, nên nói chúng chắc mới hiện ngã thể. Trước Phật đã nói rõ, vô minh từ vô thi, làm chủ thể mình, chướng ngại căn bản vô minh là ngã. Há có thể dùng mắt thô để thấy rõ được ư?

Dưới đây kết chỉ.

Các thiện nam! Tâm kia cho đến chứng được Như Lai, rốt ráo rõ biết thanh tịnh niết bàn đều là ngã tướng.

Đây kết chỉ căn bản ngã tướng. Ý nói không những chỗ chứng của tam hiền, thập Thánh là ngã, cho đến chứng Như Lai rốt ráo niết bàn, nếu một niệm tánh chứng chưa quên, cho đến sanh tướng vô minh chưa phá. Chính là căn bản ngã tướng. Ngài Vân Môn nói: Pháp thân cũng có hai thứ bệnh, được đến bên pháp thân, nếu pháp chấp chưa quên; đã thấy hãy còn, cũng là bệnh. Hỏi: Trong giáo pháp tam thừa nói câu sanh ngã chấp, hàng thất

địa Bồ Tát đã phá đến đệ bát địa, sau đó là câu sinh pháp chấp, phá pháp chấp này liền vào quả Diệu Giác. Kinh này nói Đẳng Giác về sau tâm hãy còn chưa phá ngã tướng, tướng gì mà có như thế? Đáp: Song ngã chấp và pháp chấp, thống thuộc chỉ một ngã, gọi là cái ngã của ngã, cái pháp của ngã. Nhưng câu sinh pháp chấp, chính là pháp của ngã sở chấp, nên pháp cũng gọi là ngã, vì dị thực chưa không, chỉ chứng lấy làm ngã mà thôi. Kinh này không đồng với các thuyết, dùng bốn tướng chung thuộc một ngã. Nên nói đều là ngã tướng.

Nhơn tướng:

Các thiện nam! Thế nào gọi là hơn tướng nghĩa là tâm các chúng sinh ngộ đã chứng. Các thiện nam! Người ngộ có ngã lại không nhận ngã. Sở ngộ chẳng phải ngã, ngộ cũng như thế. Ngộ rồi vượt qua tất cả chỗ chứng, đều là hơn tướng.

Đây chỉ hơn tướng, nghĩa là trước đã chứng ấy là ngã, thì không trở lại nhận ta; nếu còn ta có tâm năng ngộ, tức là hơn tướng, vì ước đối ta là người, chẳng phải người khác vậy.

Các thiện nam! Tâm kia cho đến tròn ngộ niết bàn đều là ngã, tâm còn chút ngộ, bị lý cực chứng, đều gọi là hơn tướng.

Đây giải thích hơn tướng, nghĩa là hiển nhiên ngộ đặng niết bàn là ngã. Không tự chứng thủ, tức là tâm năng ngộ này, gọi là hơn tướng. Chũ cực là cùng tận vậy, nghĩa là liễu ngộ lý niết bàn cùng tận làm ngã. Nếu còn mãi may tâm ngộ chưa quên, tức gọi là hơn tướng.

Chúng sanh tướng.

Các thiện nam! Thế nào gọi là chúng sanh tướng? Nghĩa là tâm các chúng sanh, từ chỗ chứng ngộ không đến được.

Đây là chỉ tướng chúng sanh, nghĩa là giải trước, chúng ngộ, cả hai đều là vọng, tức là tâm giác liễu. Gọi là chúng sanh tướng. Dùng tâm giác liễu này, không thể đến chúng ngộ, vì thấy có khả ly chúng ngộ, nên gọi là chúng sanh tướng.

Các thiện nam! Ví như có người, nghĩ như thế này: Ta là chúng sanh, thì biết người kia nói là chúng sanh, chẳng phải ta, chẳng phải kia. Thế nào chẳng phải ta? Ta là chúng sanh thì chẳng phải là ta. Thế nào chẳng phải kia? Ta là chúng sanh, chẳng phải kia, ta vậy.

Đây mượn cơ chỉ rõ tướng chúng sanh, vì tướng chúng sanh của phàm phu là chấp ngã chỗ cảm khổ vui, đối khác nổi nhau, làm tướng chúng sanh. Nay thánh hơn chỉ dùng liễu ngộ chứng thủ, quên cả hai năng và sở, chỉ còn tâm năng liễu, làm tướng chúng sanh, vì không thuộc năng sở vậy. Mượn lời nói kia đây của người đời, dùng làm thí dụ cho rõ. Nghĩa là nói ta là chúng sanh, nên chẳng phải ta, chẳng phải kia.

Dưới đây kết chỉ.

Các thiện nam! Chỉ các chúng sanh liễu chứng liễu ngộ đều là ngã nhưn, nhưng không nhận kịp chỗ tướng ngã nhân còn có chỗ liễu, gọi là chúng sanh tướng.

Đây chánh chỉ tướng kia, nghĩa là rõ trước chúng ngộ, cả hai không bì kịp, chỉ rõ tâm này không quên là tướng chúng sanh.

Thọ mạng tướng.

Các thiện nam! Thế nào gọi là tướng mạng? Nghĩa là tâm các chúng sanh chiếu soi giác ngộ thanh tịnh chỗ liễu đạo đó, tất cả nghiệp trí chỗ không tự thấy, cũng như mạng căn.

Đây chỉ tướng thọ mạng, nghĩa là trước có tâm năng liễu làm tướng chúng sanh. Nay quán trí thêm sáng, chiếu rõ tâm này, cũng không thể đặng, chỉ một giác thể thanh tịnh. Có chỗ nói nguồn tâm giác ngộ. Nên gọi là cứu cánh giác. Đến cảnh trí này đều dứt, tất cả đều lìa, nghĩa là dùng trí tức tâm, lại chiếu thể tịch diệt, cảnh trí nhứt như, như con mắt không thấy con mắt, nên nói tất cả nghiệp sở tri không tự thấy, vì bỏ vọng trở về chơn, đến chỗ pháp thân cùng cực, nhưng giữ trụ tịch diệt, không thể chuyển vị hồi cơ. Có chỗ nói giữ gìn đầu sào, lặn chìm dưới nước mà chết. Tôn môn gọi là tôn quý đọa, tức là chỗ đọa này, không thể siêu diệt, cho nên cũng như mạng căn, làm tướng thọ mạng. Ngạn ngữ nói: Người của đầu sào năm thước. Tuy nhiên, đặng vào chùa phải là chơn. Đầu sào trăm thước tiến tới một bước, cả nghìn thế giới hiện toàn thân, nên ngồi giữ máy mầu nhiệm, mạng căn không đoạn. Trước nói không trụ sanh tử, không trụ niết bàn. Đây chính là trụ tướng niết bàn vậy.

Các thiện nam! Nếu tâm soi thấy tất cả đều giác ngộ, mà cũng đều là trần cấu, năng giác cùng sở giác không lìa trần cấu, như ánh nắng mặt trời tiêu băng giá, mà cũng không khác gì khi có băng. Ai biết băng tiêu, là còn có ngã và giác ngã, cũng lại như thế.

Đây là chỉ thẳng nguồn vọng. Tất cả giác là chỉ ba tướng trước, nghĩa là tâm chiêu giác ngộ thanh tịnh. Ba tướng trước đều là trần cấu, tức là tâm giác này cũng chưa ly trần; song dùng chơn chiếu vọng, vọng tức là chơn, nên như ánh nắng tiêu băng giá, băng giá tức là ánh nắng. Nay có ngã giác, ngã thì như băng, biết băng dùng không thể tự điều khiển, cũng như không tự đoạn mạng. Do đó gọi là tướng thọ giả. Dưới đây nói rõ ngã là pháp chướng ngại.

Các thiện nam! Chúng sanh đời mạt pháp, không rõ bốn tướng, dù trải qua nhiều kiếp, siêng khổ tu hành làm đạo, trọn không thể thành tất cả quả thánh, thế nên gọi là đời chánh pháp đã mạt tận.

Đây nói rõ ngã là gốc chướng ngại. Nghĩa là chúng sanh đời mạt pháp, nếu không rõ bốn tướng này, dù nhiều kiếp siêng tu khổ hạnh trọn không thể thành quả thánh, vì chấp ngã kiến mà tu. Chánh pháp đời sau, nghĩa là chúng sanh đời sau, may gặp pháp môn viên giác này, có thể là chánh pháp,

nếu ai lầm loạn tu tập cùng không tu v..v...nên không có hạnh chứng, do đó gọi là mạt pháp.

Trong giáo pháp Thích Ca, chánh pháp một nghìn năm, giáo, lý, hạnh, quả, bốn pháp đều hoàn toàn. Tượng pháp một nghìn năm, có giáo, lý, hạnh, mà người chứng quả quá ít. Mạt pháp một muôn năm, chỉ có giáo lý mà không có hạnh chứng. Nay giáo lý tuy còn, mà phần nhiều người luống nhọc công vô ích.

Dưới đây có ba lời gạn hỏi, ba sự giải thích. Đây nói về nghĩa tu lâu mà không chứng.

Vì cố sao?

Đây gạn lại cố sao tu lâu mà không chứng?

Dưới đây giải:

Vì nhận tất cả ngã là niết bàn, vì có chứng cố ngộ gọi là thành tựu. Ví như có người nhận giặc làm con, gia tài của báu của nhà kia, đều không thành tựu.

Giải nghĩa nói lý do người tu lâu mà không chứng, vì nhận tất cả ngã là niết bàn, vì chứng ngộ chưa quên, đặng một ít cho là đủ. Nói nhận tất cả ngã là sao? Nghĩa là phàm đã tu hành đều nương, ngã kiến, đem ngã kiến này, dùng làm niết bàn, cho nên trọn không thành tựu. Nhận giặc làm con (ví dụ) trọn không thành tựu.

Vì cố sao?

Đây gạn cố sao nhận ngã lại phòng ngại nơi đạo ư?

Người cóái ngã, cũng ái niết bàn, phục ngãái căn là tướng niết bàn. Có người ghét ngã cũng ghét sanh tử, không biết gốc ái là chơn sanh tử, riêng ghét sanh tử. Gọi là không giải thoát.

Giải nghĩa về lý do nhận ngã đề phòng đạo. Vì ngã là căn thương ghét vậy. Phàm chấp ngã tất nhiên phải ái ngã. Nay đem ngãái mà cầu niết bàn, thì niết bàn chỉ giúp cho ái căn, chẳng phải chơn thật niết bàn. Nên nói phục ngãái căn là tướng niết bàn, chẳng phải thật. Phàm không thuận ngãái, quyết khởi lòng ganh ghét, vì có ghét ngã, cũng ghét luôn sanh tử. Song tâm ghét này, vốn từái phát khởi, không biết ái này là gốc chơn sanh tử, nên nay người tu hành, không biết đoạn ái căn của mình, mà riêng ghét sanh tử, mê mờ hết sức, nên không giải thoát. Song nói nhận ngã đề phòng đạo, đem ái để mà giúp ái vậy.

Thế nào sẽ biết pháp không giải thoát?

Đây gạn lại làm sao biết được ái niết bàn vốn là pháp giải thoát, sao nói ngược lại không giải thoát ư?

Các thiện nam! Chúng sanh đời sau, người tập Bồ đề, víđã chứng ngộ chút ít cho là tự thanh tịnh, hãy còn chưa hay hết căn bản ngã tướng.

Giải nghĩa lý do với pháp niết bàn không giải thoát, vì chấp ngã mà cầu, vì chấp một ít chứng ngộ, tự cho là thanh tịnh, đạng chút ít cho là đủ, chưa hết căn bản ngã tướng, nên không giải thoát.

Nếu lại có người khen ngợi pháp kia, liền sanh hoan hỷ, liền muốn tể độ. Nếu lại có người phỉ báng chỗ đặng kia, liền sanh giận hờn, thì biết ngã tướng kiên cố giữ gìn, chìm lặng nơi tàng thức, các căn phóng túng, không bao giờ gián đoạn.

Đây dùng hai cảnh nghịch thuận để suy nghiệm ngã tướng chưa quên. Nói đến người tu hành tự cho mình đã đặng pháp niết bàn. Giả như có người khen ngợi pháp kia thì sanh tâm hoan hỷ, phỉ báng pháp kia thì sanh tâm giận hờn. Song niết bàn là pháp không, đâu có mừng, giận ở trong đó, nay nghe khen, chê mà sanh vui, giận, tức vui giận này, vốn nơi ngã tướng, chẳng phải là niết bàn vậy. Lấy đây suy nghiệm thì biết người kia ngã tướng gìn giữ vững chắc. Bị chúng tử này lặng sâu trong tàng thức, gặp cảnh kích phát hiện hành thì các căn phóng túng; không bao giờ gián đoạn. Đem việc này cầu đạo, làm sao mà được giải thoát?

Các thiện nam! Người tu hành làm đạo, không trừ ngã tướng, thế nên không thể vào biển giác thanh tịnh.

Đây tổng kết lỗi cầu đạo chấp ngã.

Dưới đây chỉ rõ nguồn bệnh.

Các thiện nam! Nếu biết ngã không, không hủy báng ngã, có ngã thuyết pháp, vì ngã chưa đoạn, chúng sanh thọ mạng, cũng lại như thế.

Đây dùng pháp để nghiệm bệnh, chỉ rõ chưa quên ngã tướng. Song niết bàn là pháp không. Nếu chứng quả niết bàn, thì ngã tướng quyết không, ngã tướng nếu không, thì đâu có khen chê ư? Nay vì khen chê pháp kia, mà sanh mừng giận, chính là ngã tướng chưa đoạn, thì như, chúng sanh, thọ mạng bốn tướng, đương nhiên hoàn toàn tồn tại. Như thế chính là căn bệnh của chúng sanh. Lại đâu có thể đặng niết bàn ư?

Dưới đây chính chỉ nguồn bệnh.

Các thiện nam! Chúng sanh đời sau nói bệnh là pháp, thế nên gọi là đáng thương xót. Tuy chuyên cần tinh tấn, tăng thêm các bệnh. Thế nên không thể vào tánh giác thanh tịnh.

Đây chánh chỉ nguồn bệnh, nghĩa là những người tu hành đời sau, chưa đoạn ngã tướng, vì nhận ngã là pháp, cho nên đã nói, chính nói bệnh ngã tướng kia, chẳng phải nói pháp niết bàn, nên nói bệnh là pháp. Do đó tuy tinh tấn tu hành, chỉ tăng thêm các bệnh, nên không thể vào tánh giác thanh tịnh. Thế nên gọi là đáng thương xót.

Dưới đây chỉ lỗi chấp bệnh.

Các thiện nam! Chúng sanh đời sau, không rõ bốn tướng, vì Như Lai giải và chỗ sở hành, vì tự tu hành trọn không thành tựu.

Đây chỉ lỗi chấp bịnh làm pháp, nghĩa là những người tu hành, không hiểu rõ bốn tướng, chỉ lấy giải hạnh của Như Lai, rồi cho là mình có, chẳng phải mình đích thân chứng, nên trọn không thành tựu.

Hoặc có chúng sanh, chưa chứng mà nói là chứng, chưa đắc mà nói là đắc, thấy người thắng tấn, sanh tâm ganh ghét. Vì chúng sanh kia chưa đoạn ngã kiến, thế nên không thể vào tánh giác thanh tịnh.

Đây chỉ cho lỗi chấp bịnh, quyết sa vào hạng người tăng thượng mạn. Kỳ thật chưa đặng chưa chứng, mà tự nói là chứng là đặng, được chút ít mà cho là đầy đủ, nên gọi là tăng thượng mạn, chính là ngãái chưa đoạn, làm sao mà có thể biết, chỉ thấy người thắng tiến hơn, tâm sanh ganh ghét. Song tâm ganh ghét này, phát từ ngãái, nên biết người ấy chưa đoạn ngãái. Thế nên không thể vào tánh giác thanh tịnh. Chỗ này nói ngãái thành căn bịnh vậy.

Dưới đây răn nhắc đề phòng lầm lỗi.

Các thiện nam! Chúng sanh đời sau hy vọng thành đạo, chớ cho cầu ngộ, chích lợi đa văn tăng trưởng ngã kiến.

Đây là khuyên răn đề phòng lầm lỗi một cách sâu đậm. Nghĩa là nói người chấp bịnh là pháp ở trên. Vì là người chưa trừ hết bốn tướng, ấy chính là một việc mang tâm để cầu ngộ, là gốc của bịnh vậy. Thắng như có tâm để chờ ngộ thìắt là rộng cầu giáo lý trong kinh, chấp lời nói tương tự mà đem về làm điều giải ngộ của mình. Thế nên đây chỉ là làm ích lợi thêm phần đa văn mà thôi. Thêm phần ngã kiến to lớn hơn, chớ chẳng phải là thật tu vậy. Kẻ sĩ lập chí cầu đạo ở thời mạt pháp lẽ nào chẳng sợ lỗi lầm ấy sao?

Cần nên tinh tiến hàng phục phiền não, phát đạt đồng mãn. Chưa được khiến cho được, chưa đoạn khiến phải đoạn. Tham, sân, si, ái, mạn, siểm, khú, tật, đố, đối cảnh chẳng sinh. Ta kia ân ái tất cả vắng bật. Phật nói: Chính là người dần dần thành tựu, cầu thiện tri thức, chẳng đọa tà kiến.

Đây khuyên tu thật vậy. Kẻ sĩ thật tu, chẳng cần phải dùng tâm đợi giác ngộ, cũng chẳng cần rộng tu đa văn. Chỉ nên hàng phục phiền não là hành đệ nhất. Lại cũng chẳng nên được chút ít mà cho là đủ. Khi chưa được niết bàn ắt phải lập chí để được niết bàn. Tại nơi chưa đoạn phiền não, quyết mong đoạn sạch phiền não. Nên xuyên qua các cảnh để thể nghiệm tâm trí. Nếu như các tham sân ái mạn, tất cả phiền não đối cảnh mà quả nhiên chẳng sanh phải không, cho đến cả ta, kia ân ái quả nhiên tất cả đều vắng lặng hay không. Nhưđây để tự nghiệm tâm ấy. Tức như cổ đức nói: Học đạo chẳng cần đem tâm cầu giác ngộ. Chỉ cần nơi tất cả cảnh giới phiền não trên hành giả thấu hiểu thoát qua được, ấy chính là chỗ của ngộ. Thế nên đức Phật nói người như vậy dần theo thứ lớp có thể thành tựu. Tuy là như thế, càng cần cầu quyết tâm tuyển chọn bậc thiện tri thức,

phân rõ chính tà. Cũng chẳng rơi vào chỗ tà kiến. Tu hành như vậy mới có chút ít phần tương ứng là thế. Người học có thể chẳng cố gắng sao?

Nếu có chỗ cầu, riêng sanh thương ghét, thì không thể vào biển giác thanh tịnh.

Đây lập lại khuyên chơn tu, khuyên nhắc lìa lỗi. Nghĩa là quyết như trên đã nói, chính là chơn tu; nếu bỏ ngoài việc này, riêng khởi tâm vui, chán, thù, xả, thương, ghét, thì rốt ráo không thể vào biển giác thanh tịnh vậy.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này, nên nói bài kệ:

**“Tịnh Nghiệp ông phải biết,
Tất cả các chúng sanh,
Đều do chấp ngãái,
Vô thi vọng lưu chuyển.
Chưa trừ bốn thứ tướng,
Khôngặng thành bồ đề,
Thương ghét sanh nơi tâm,
Dua nịnh giữ các niệm,
Thế nên nhiều mê muội,
Không thể vào thành giác.**

Thành dụ niết bàn. Nghĩa là niết bàn này, ma ngoài không thể xâm nhập, chỗ nhóm muôn đức lành, chỗ trở về của các thánh chúng, chỗ vào của muôn hạnh lành, cho nên dụ như thành

**Nếu hay về cõi ta,
Trước bỏ tham sân si,
Pháp ái không giữ tâm,
Thứ lớp được thành tựu,
Thân ta vốn chẳng có,
Thương ghét do đâu sanh,
Người này cầu bạn lành,
Trọn không sa tà kiến,
Chỗ cầu siêng sanh tâm,
Rốt ráo không thành tựu.**

Cõi là danh xưng thế giới, cũng dụ cho niết bàn, tâm ái niết bàn, nên nói ái pháp. Các bài tụng khác có thể biết thêm.

Thơ IX.

62. Tịnh nghiệp ý tứ hiểu sâu,
Liên bạch đức Phật mong cầu khai thông,
Giác tánh này, căn bản trong,
Cớ sao sanh chúng lại không trở vào.
63. Thế Tôn hứa khả truyền trao,
Chúng sanh vô thi sanh bao nghiệp phiền,

- Ghét thương hai cảnh triền miên,
Nhàm chán lưu chuyển vọng duyên niết bàn.
64. Năng nhập, giác nhập lan tràn,
Vô minh bốn khởi lại càng đảo điên,
Ái ngã, ái pháp triền miên,
Bốn tướng từ đó chuyển lay xoay vần.
65. Ngã tướng chấp chắc đa phần,
Thân thể thuận sống quên thân lâu dài,
Đến thân tứ đại chuyển khai,
Kim châm lửa đốt, thấy ngay thân hình.
66. Ngã tướng, nhờn tướng đồng tình,
Chúng sanh đã ngộ, đã trình công lao,
Ngộ rồi chỗ chứng lao đao,
Hiện rõ nhờn tướng, biết bao sai lầm.
67. Chúng sanh tướng cũng phải tầm,
Là nhờn là ngã chắc lắm chúng sanh,
Chỗ liễu ngã, nhờn phân ranh,
Là chúng sanh tướng lạnh quanh mê mờ.
68. Thọ giả tướng không bền bờ,
Tâm thấy tất cả hiện chờ ánh dương,
Mặt trời chiếu phá băng sương,
Còn băng, còn chiếu còn đường trầm luân
69. Chúng sanh đời mạt phải tuân,
Tu hành khổ hạnh gian truân khó thành,
Có ngộ có chứng đành rành,
Nhưng còn vọng tưởng giác thành khó qua.
70. Tinh tấn hành đạo gần xa,
Tặng thêm các bệnh, khó mà viên dung,
Chưa chứng nói chứng lung tung,
Thế nên viên giác muôn trùng xa khơi.

X. Lúc bấy giờ Bồ Tát Phổ Giác ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên hữu ba vòng, quỳ gối chấp tay, bạch với Phật rằng:

Oai nghi thưa hỏi.

Đức đại bi Thế Tôn, giảng nói bịnh thiền, khiến các đại chúng, đặng chưa từng có, tâm ý坦然 nhiên, đặng an ổn lớn.

Khen ngợi tạ ơn.

Bạch Thế Tôn! Chúng sanh đời sau, cách Phật dần dần xa, hiền thánh ẩn phục, pháp tà thêm hùng thịnh, khiến các chúng sanh, cầu những

người nào? Y những pháp gì? Làm những hạnh gì? Trừ bỏ bịnh gì? Thế nào phát tâm? Khiến các người mù kia chẳng sa vào tà kiến.

Đây trình bày chỗ hỏi. Câu hỏi này có năm: Một là hỏi cầu những người nào? Dưới đáp: Cầu thiện tri thức. Hai là hỏi y những pháp gì? Ba là hỏi hành những hạnh gì? Bốn là trừ bỏ bịnh gì? Ba câu này đáp chung: Y chỗ chứng pháp, nên xa lìa bốn bịnh. Năm là hỏi thế nào phát tâm?. Sau chót phát tâm rộng lớn bình đẳng. Văn dưới đều nói rõ.

Nói lời ấy rồi, năm vóc gieo xuống đất, ba lần cung thỉnh như thế.

Ba lần triển chuyển cần cầu.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn bảo Bồ Tát Phổ Giác rằng: Lành thay! Quý hóa thay! Các thiện nam! Các ông chính hay thưa hỏi Như Lai việc tu hành như thế, hay thí cho tất cả chúng sanh đời sau đạo nhãn không sợ, khiến chúng sanh kia, đặng thành Thánh đạo. Các ông lắng nghe, ta sẽ vì các ông mà giảng nói.

Khen ngợi, hứa khả và khuyên lắng nghe.

Lúc bấy giờ Bồ Tát Phổ Giác y theo lời dạy rất hoan hỷ và các đại chúng, yên lặng mà nghe.

Hết lòng nghe. Dưới đây là giải đáp có năm. Đầu tiên đáp cầu người.

Các thiện nam! Chúng sanh đời sau, phải phát tâm rộng lớn, cầu thiện tri thức, người muốn tu hành, phải tìm tất cả người chánh tri kiến, tâm không trụ tướng, không theo cảnh giới Thanh Văn, Duyên Giác, mặc dù hiện trần lao, tâm hằng thanh tịnh mở bày các lỗi lầm, khen ngợi hạnh tốt, không cho chúng sanh vào chỗ không có luật nghi, tìm người như thế, liền đặng thành tựu Bạc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Đây trả lời cầu những hạnh người nào? Thiện tri thức nghĩa là bậc khéo biết căn tánh chúng sanh, theo căn cơ mà thuyết pháp, biết bịnh nói thuốc, khiến đặng an ổn. Người chánh tri kiến, tức là người tâm không trụ tướng mà cũng không theo hạnh nhị thừa. Mặc dù hiện trần lao v..v. sáu câu. Nói hạnh thiện tri thức. Bồ Tát ở cõi trần mà không đảm nhiệm nên nói tâm hằng thanh tịnh. Đem đồng sự nhiếp hóa, nên nói chỉ cho thấy các lỗi lầm, trước dùng ý muốn dắt dẫn, sau khiến vào trí Phật nên nói không cho chúng sanh vào chỗ không có luật nghi, tìm người như thế, liền đặng thành tựu vô thượng chánh đạo vậy.

Chúng sanh đời sau, thấy người như thế, phải nên cúng dường, không tiếc thân mạng, các thiện tri thức kia, trong bốn oai nghi, thường hiện thanh tịnh, cho đến thị hiện các thứ lỗi lầm, tâm không kiêu mạn, huống lại của cải vợ con quyến thuộc. Nếu thiện nam tử đối với bạn lành kia, không khởi niệm ác, liền đặng rất ráo thành tựu bậc chánh giác. Tâm hoa phát sáng, soi thấu mười phương cõi nước.

Đây là dạy khuôn phép vâng thờ bậc tri thức, không tiếc thân mạng, như núi tuyết xả bỏ thân mạng, thường kêu phá cốt, cho đến lấy thân làm giường ngồi v..v. Bốn oai nghi thường hiện thanh tịnh là như thế nào? Là thuận theo việc làm của bậc thiện tri thức, vốn phải đem hết thân mạng vâng thờ, liền có làm các sự trái nghịch, thị hiện tham lam, giận tức, si mê v..v. Như bà Tu Mật Nữ không nhàm chán làm hạng người dưới chân Vua, cũng không dám khởi tâm kiêu mạn, hưởng lại ăn uống, của cải v..v. ư? Ăn uống, của cải, ý nói trong hiện tham lam, giận tức, còn không dám khinh mạn; hưởng chi ngoài thân, ăn uống, của cải, vợ con quyến thuộc, là việc thường của nhơn đạo.

Như hạng Tịnh Danh, lại đâu có thể khinh mạn ư? Nếu người tu hành, đối với tri thức nghịch hành kia, không khởi niệm xấu. Có chỗ nói: y pháp không y người, tức hay rốt ráo thành tựu, hằng đoạn gốc nghi, trực tâm chánh niệm, nên đặng tâm hoa phát minh, soi cả mười phương cõi.

Dưới đây là đáp chỗ y pháp.

Các thiện nam! Các thiện tri thức kia chỗ chứng pháp nhiệm mầu, phải xa lìa bốn bệnh.

Đây đáp chỗ y pháp, yở chỗ chọn thầy, mới tìm người chánh tri kiến. Tu hành phải y theo pháp, pháp quyết nương thầy, nên ở chỗ chọn người chánh tri kiến, mới có thể nương theo. Làm thế nào được biết là người chánh tri kiến, chỉ đối với pháp nghiệm xét. Nếu chỗ thuyết pháp, tâm còn trụ tướng, thì là pháp bệnh. Nếu lìa pháp bệnh, thì tri kiến tự chánh, nên từ trên các tổ, nắm tình bỏ ràng buộc, từng không thật pháp ràng buộc người. Ấy là không trụ tướng. Như thế chính có thể nương vậy

Thế nào gọi là bốn bệnh? Một là bệnh tạo tác. Nếu lại có người, nói như thế này. Ta đối với bản tâm làm các thứ hạnh, muốn cầu viên giác, tánh viên giác kia, chẳng phải tạo tác mà đặng. Nói đó là bệnh.

Đây là gạn giải tướng của bốn bệnh. Một là tác bệnh. Song làm thành bệnh, do tánh viên giác, thiên nhiên vốn đủ, không nhờ tác vi. Nay dùng sự tu có tạo tác, mà cầu diệu tánh viên giác, và lại diệu tánh này, đâu có tạo tác mà có thể cầu ư? Nên nói là bệnh. Nếu lại có người, nói như thế này: Giả như tri thức kia, tự tạo tác nói như thế ấy.

Hai là bệnh nhậm vận, nếu lại có người nói như thế này. Chúng tôi hôm nay không đoạn sanh tử, không cầu niết bàn, sanh tử niết bàn, không niệm khởi diệt, nhậm vận kia tất cả tùy các pháp tánh; muốn cầu viên giác, tánh viên giác kia, vì không phải nhậm vận mà có, nên nói là bệnh.

Đây chỉ cho nhậm vận thành bệnh, song nhậm vận bệnh này là những người cuồng giải, hui hui tánh nhậm vận, dù phóng xả thân tâm, tự nói không vật không ngại, đặng đại giải thoát, lại mượn miệng nói vốn không sanh tử có thể đoạn, vốn không niết bàn có thể chứng, dùng làm tư lương phóng dật,

chẳng phải chơn tri kiến của thiện tri thức vậy. Nếu y theo những hạng người này thì sa nơi cuồng vọng, nên nói tánh nhậm vận là bệnh vậy.

Ba là bệnh đình chỉ. Nếu lại có người nói như thế này: Ta nay tự tâm hằng dứt các vọng niệm, đặng tất cả tánh, tịch nhiên bình đẳng, muốn cầu viên giác, tánh viên giác kia, chẳng phải đình chỉ hợp lại, nên gọi là bệnh.

Đây chỉ cho sự đình chỉ là bệnh. Song tánh viên giác khắp soi, không có phương nào dùng cả, đâu có thể dùng hằng dứt các vọng niệm, đặng trước hạnh khô tịch, để mà cầu đốn? Bởi vì diệu tánh viên giác, chẳng phải đình chỉ có thể hợp, nên nói là bệnh thế thôi.

Bốn là bệnh tịch diệt. Nếu lại có người, nói như thế này: Tôi nay hằng dứt tất cả phiền não, thân tâm rất ráo không chỗ có, hưởng chi cảnh giới căn, trần, hư vọng, tất cả hằng diệt, muốn cầu viên giác, tánh viên giác kia, chẳng phải tướng tịch diệt. Nên nói là bệnh.

Đây chỉ tịch diệt là bệnh. Giác tánh viên mãn theo duyên ứng hiện, tịch mà thường chiếu. Nay đem không rốt ráo không có chỗ có, thì bao nhiêu chìm nổi đoạn diệt, dùng hằng tịch diệt mà cầu viên giác, lâu thì chìm xuống dòng vô tướng, thì sa vào nhị thừa, nên gọi là bệnh.

Lìa bốn bệnh này thì biết thanh tịnh, làm phép quán như thế, gọi là chánh quán, nếu quán những gì khác thì gọi là tà quán.

Đây kết thúc chỉ chánh quán. Ban đầu nói tròn soi giác tướng thanh tịnh, vì diệu tánh viên giác vốn không thuộc nơi tác, chỉ, nhậm diệt. Nay lìa bốn bệnh này thì tự tánh tròn sáng, vốn không khiếm khuyết. Nên gọi là thanh tịnh. Song tác, chỉ v.v.. bốn thứ đều thuộc công dụng tu hành. Nay nói bệnh là sao? Vỡ đầu cửa chùa ngộ. Bốn thứ này đều là thuốc. Nay đối tự tánh viên giác mà nói, vốn tự thiên nhiên, không nhờ công dụng, nên nói là bệnh. Cổ đức nói: Tu hành tức chẳng không, nhiễm ô tức chẳng đặng. Có chỗ nói chỉ hình vẽ đẹp tức thuộc nhiễm ô, nên lìa bốn bệnh này thì gọi là thanh tịnh, làm phép quán như thế, là đứng về pháp quán người, không phải là quán trí, nghĩa là quán những người lìa bệnh, là không trụ tướng, là người chánh tri kiến, mới tôn làm thầy, có thể nương theo đó.

Các thiện nam! Chúng sanh đời sau, ai muốn tu hành, phải nên hết lòng cúng dường bạn lành, thờ thiện tri thức. Thiện tri thức kia muốn đến thân cận, phải đoạn tánh kiêu mạn. Nếu lại xa lìa, phải đoạn giận tức, hiện cảnh giới thuận nghịch, cũng như hư không, rõ biết thân tâm rất ráo bình đẳng, cùng các chúng sanh, đồng thể không khác, tu hành như thế, mới vào viên giác.

Đây đáp tu những hạnh gì. Trong đây tu hành không nói sáu độ, muôn hạnh, nhưng chỉ thờ thiện tri thức, dứt tâm kiêu mạn, một hạnh lành làm gốc, tức như Thiện Tài đồng tử, một đời tròn quả trong nhiều kiếp, chỉ vì một việc tham vấn thiện tri thức, liền đặng viên mãn vô lượng pháp môn. Như là y

thượng tri thức, dạy không sanh hai niệm, nên quán cảnh hợp ly, thuận nghịch, cũng như hư không, và lại rõ biết thân tâm cùng chúng sanh bình đẳng. Đây không có tướng như ngã, là pháp khí thọ đạo, dùng tâm này hạnh này, mới cùng pháp thể viên giác tương ứng, cho nên hay vào.

Các thiện nam! Chúng sanh đời sau, không được thành Phật, vì có tất cả hạt giống mình và người thương ghét từ vô thủy, nên chưa giải thoát. Nếu lại có người, quán oán gia kia, như cha mẹ mình, tâm không có hai, tức trừ các bệnh, ở trong các pháp, mình và người thương ghét, cũng lại như thế.

Đây là đáp trừ bỏ bệnh gì? Chúng sanh sở dĩ lưu chuyển trong sanh tử vì có hạt giống vô minh thương ghét từ vô thủy làm gốc bệnh ngăn che con đường đạo, nên tuy có tu hành chưa được giải thoát. Nay thờ thiện tri thức, không khởi tâm kiêu mạn, giận tức, thì chiết phục được hiện hành, rõ biết thân tâm của chính mình cùng chúng sanh bình đẳng, thì rõ không như ngã, hạt giống thương ghét tự phục; đến như xem kẻ oán không khác người thân thì hạt giống thương ghét tự dứt, rồi cái bệnh tự ngăn che con đường đạo cũng tự dứt. Cho nên nói: Tức trừ các bệnh. Đây chánh thuốc hay để trừ bệnh.

Các thiện nam! Chúng sanh đời sau muốn cầu viên giác, cần phải phát tâm, nói như thế này: Hết tất cả hư không, tất cả chúng sanh, ta đều khiến vào cứu cánh viên giác, ở trong viên giác, không chấp giác ấy, trừ ngã tướng kia, tất cả các tướng, phát tâm như thế, không sa vào tà kiến.

Đây là trả lời, phát những tâm gì? Bài tụng Bát Nhã Di Lạc nói: Thường rộng lớn thứ nhất, tâm kia không điên đảo. Lời nói này hết cõi hư không, tất cả chúng sanh tâm rộng lớn, đều vào tâm thứ nhất viên giác rốt ráo. Ở trong viên giác, không chấp giác là tâm bình thường vậy; trừ ngã, như kia, tất cả các tướng, tức là trừ bốn bệnh tâm không điên đảo. Phạm người tu hành, đích thân thầy trao pháp yếu tu hành không do đây; bỏ đây liền sa vào tà kiến. Cho nên nói như thế không đọa.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này, mà nói bài kệ:

“**Phổ Giác ông nên biết,**

Các chúng sanh đời sau,

Muốn tìm thiện tri thức,

Phải nên cầu chánh kiến,

Tâm xa hàng nhị thừa,

Bài tụng này cầu sư.

Trong pháp trừ bốn bệnh,

Là tác, chỉ, nhậm diệt.

Tụng này nương pháp bỏ bệnh.

Thân cận không kiêu mạn,

Xa lìa không giận tức,

Thấy các thứ cảnh giới,

**Tâm phải sanh hy hữu,
Lại như Phật ra đời,
Không phạm các luật nghi,
Giới căn hằng thanh tịnh.**

Bài tụng này tu hành không phạm các luật nghi...hai câu. Trường hàng nói: Ở thầy thị hiện có lỗi, không cho chúng sanh vào nơi không luật nghi. Trong đây chính nói đệ tử thờ thầy, thản như thấy làm nghịch ý, không được theo đó, liền phạm phi luật, quyết dùng giới căn hằng thanh tịnh mà làm chánh hạnh. Trước giải là theo trong văn tụng cầu sư, chẳng phải là ý căn bản.

**Độ tất cả chúng sanh,
Rốt ráo vào viên giác,
Không nhưn tướng kia ta,
Sẽ nương trí tuệ chánh,
Liền đặng vượt tà kiến,
Chứng giác nhập niết bàn”.**

Bài tụng này để phát tâm. Năm câu tụng nói nhưn hạnh bốn tâm, câu chót chỉ rõ quả chứng.

Thơ X.

71. Bồ Tát Phổ Giác đến nơi,
Cung kính bạch Phật những lời thiết tha,
Tìm những người nào giúp ta?
Pháp gì theo đó để mà tiến tu?
72. Làm những hạnh gì công phu?
Trừ bỏ bịnh tật để thu pháp lành,
Phát tâm cao quý hoàn thành,
Chẳng sa tà kiến, thật hành tánh chơn.
73. Đức Phật khen ngợi lòng nhưn,
Tìm thiện tri thức chỉ cơn mê mờ,
Tâm thanh tịnh, không nghi ngờ,
Thể nhập viên giác, đến bờ chơn không.
74. Muốn thể bốn bịnh trị xong,
Còn bịnh tạo tác, khó mong đắc thành,
Thứ hai nhậm vận phải rành,
Nhập được viên giác, đến bờ chơn không.
75. Thứ ba đình chỉ bịnh dư,
Tâm hằng lo dứt, vô sự trí thiên,
Tịch nhiên bình đẳng hiện liền,
Còn chấp trong ấy, trở thiên bịnh căn,
76. Tịch diệt là bịnh phải ngăn,

Rất là tế nhị giới căn yên hòa,
Hư vọng tất cả hăng qua,
Còn biết tịch diệt, còn là bệnh trong.

77. Nếu ai viên giác cầu mong,
Hết lòng cung kính, chơn tông tu trì,
Xả trừ thương ghét tức thì,
Cứu cánh viên giác, không gì khó khăn.

XI. Lúc bấy giờ Bồ Tát Viên Giác ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên mặt ba vòng, quỳ gối chấp tay, bạch với Phật rằng:

Oai nghi chào hỏi.

Đức đại bi Thế Tôn, vì chúng con rộng nói các thứ phương tiện tịnh giác, khiến chúng sanh đời sau, có thêm lợi ích lớn.

Vui mừng chỗ nghe trước.

Bạch Thế Tôn! Chúng con hôm nay đã được khai ngộ; nếu sau khi đức Phật vào niết bàn, chúng sanh đời sau chưa được tỏ ngộ, làm thế nào ở yên, tu cảnh giới thanh tịnh viên giác này. Trong viên giác này, có ba thứ tịnh quán. Lấy quán nào làm đầu. Cúi mong đức Đại Bi vì các đại chúng và chúng sanh đời sau, thi thiết lợi ích lớn.

Chánh trình bày rồi thỉnh, lấy gì làm đầu, tức là phương tiện tối sơ vậy.

Nói lời ấy rồi, năm vóc gieo xuống đất, ba lần thưa thỉnh, hết lòng thành kính.

Đem hết lòng thành, ba lần thưa thỉnh.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn bảo Bồ Tát Viên Giác rằng: Lành thay! Quý hóa thay! Các thiện nam! Các ông Như Lai những phương tiện như thế, đem lợi ích lớn, thí cho các chúng sanh. Các ông nay lắng nghe, ta sẽ vì các ông mà nói.

Đức Phật hứa khả và nhắc nhở.

Lúc ấy, Bồ Tát Viên Giác vâng lời dạy hoan hỷ cùng các đại chúng yên lặng mà nghe.

Thanh tịnh nghe pháp.

Các thiện nam! Tất cả chúng sanh, như khi Phật còn tại thế cũng như sau khi Phật diệt độ, nếu trong đời sau có các chúng sanh đầy đủ căn tánh đại thừa, tin tâm viên giác rộng lớn bí mật của Phật, muốn tu hành làm đạo; nếu ở chốn già lam, đồ chúng an cư, vì có duyên sự, tùy phận suy xét, như ta đã nói.

Dưới đây chính đáp chỗ thỉnh. Tánh là chủng tánh cũng như căn khí vậy. Vì viên giác là diệu tâm bí mật, không phải bậc thượng căn, khó mà tu tập, nên hứa phải là người đầy đủ căn tánh đại thừa mới có thể tu được. Ý

nói nếu không duyên bên ngoài thì phải an cư nơi già lam, cùng chúng đồng tu. Nếu có duyên ngoài, không thể an cư thì phải theo phân suy xét. Như trước đã nói phải quán thân này v..v.

Nếu lại không có nhưn duyên gì khác, liền kiến lập đạo tràng, phải lập kỳ hạn. Nếu lập trường kỳ một trăm hai chục ngày, trung kỳ một trăm ngày, hạ kỳ tám mươi ngày. Ở yên chốn thanh tịnh tu hành.

Đây dạy quy tắc kiết chế. Ý nói nếu không duyên ngoài, quyết dùng an cư làm thượng sách, dễ dàng vào đạo. Ba kỳ tùy ý dài ngắn, vốn không nhứt định, chỉ lấy khắc kỳ tấn đạo mà thôi.

Nếu Phật hiện tại sẽ chánh suy nghĩ; nếu Phật diệt độ phải thi thiết hình tượng, tâm giữ mắt tưởng, sanh chánh ức niệm, lại đồng Như Lai những ngày thường trú, treo các tràng phang hoa tươi, trải qua 21 ngày cúi đầu lạy danh hiệu các đức Phật trong mười phương, cầu thương xót cho sám hối, gặp cảnh giới lành, tâm đặng khinh an, quá hai mươi một ngày, một bề nhiếp chánh niệm.

Đây là dạy phép tắc an cư tấn tu. Nếu Như Lai tại thế thì phải chính suy nghĩ Phật. Nếu Phật diệt độ thì phải thiết tượng quán. Pháp thân Phật, nên nói lại đồng thường trú; treo các tràng phang kết hoa, rộng thiết đạo tràng như trong kinh Lăng Nghiêm. Nay trong đây rất giản dị, nên chỉ treo tràng phang kết hoa. Nói sám hối đặng cảnh giới lành là sao? Nghĩa là thấy yển sáng, thấy điềm chiêm bao linh cảm v.v.. là tướng diệt tội vậy. Một bề nhiếp chánh niệm, thì tu chỉ quán, phải như hai mươi lăm luân, mỗi mỗi phải nêu ghi, kết lấy đơn giản lại tròn tu là chánh hạnh.

Nếu trải qua đầu mùa hạ, an cư ba tháng, phải là trụ chỉ Bồ Tát tâm thanh tịnh, tâm lia Thanh Văn, không nương đỡ chúng.

Đây là nói pháp nhập kỳ. Nói Bồ Tát trụ chỉ, ý lựa khác chúng tiểu thừa. Trước nói ba kỳ là khắc định kỳ hạn. Nay kết an cư là pháp nhập kỳ. Ở Tây Vực, Phật chế an cư ba tháng gọi chung là kiết hạ. Nay nói đầu hạ là lúc mới nhập kỳ. Luật chế, phải kết thời chế, phải trước tập chúng, bố tác tác pháp, rồi sau mới an cư, phần nhiều người tiểu thừa. Nay nói Bồ Tát trụ chỉ là thế nào? Nghĩa là không đồng chúng đồng tiểu thừa kia, chỉ theo một hạng, thật hành quán hạnh Bồ Tát tự tiện, không nghĩ pháp sự bố tát của tiểu thừa kia, cũng không nương đỡ chúng kia vậy. Đây nói không nương đỡ chúng tiểu thừa, chẳng phải cùng văn trước ở an đồ chúng trái nhau vậy.

Đến ngày an cư, liền đến trước Phật, nói như thế này: Con, tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di, pháp danh gì?...Y cứ theo Bồ Tát thừa, tu hạnh tịch diệt, đồng vào thật tướng thanh tịnh trụ trì, dùng đại viên giác làm già lam của con, thân tâm an cư, bình đẳng tánh trí, niết bàn tự tánh không hệ thuộc. Nay con kính thỉnh, không nương nơi Thanh Văn, sẽ cùng Như Lai

trong mười phương và các vị đại Bồ Tát, an cư ba tháng, làm đại nhưn duyên tu hạnh Bồ Tát Vô Thượng Diệu Giác, không hệ thuộc đồ chúng.

Đây là chỉ pháp vào kỳ an tâm. Trên nói tâm lia Thanh Văn. Đây chánh chỉ chỗ tu của Bồ Tát là hạnh ly tướng tịch diệt, không sánh Thanh Văn trước tướng mà tu. Dùng đại viên giác làm chốn già lam, nghĩa là không y nơi thế giới trụ chỉ, mới trụ chỗ tâm cảnh đều quên bình đẳng tịch diệt. Nghĩa là niết bàn tự tánh, vốn không thân tâm thế giới có thể hệ thuộc, chỉ không phải cảnh giới Thanh Văn, nên nói không nương. Chỉ nương pháp thân thật tế Như Lai, làm chỗ tu diệu giác nhưn duyên của Bồ Tát là cảnh tự giác Thánh trí, làm chỗ tự chứng vậy. Đây là chỗ độc đáo của Bồ Tát, nên nói không hệ thuộc đồ chúng. Pháp danh gì? Chính phải tự xưng tên mình. Nay các phương sau xưng thấy thiện tri thức, không tự xưng danh, chỉ nói mỗ giáp rất là không hiểu biết vậy.

Các thiện nam! Đây gọi Bồ Tát thị hiện an cư, quá ngày ba kỳ, tùy ý đến không ngăn ngại.

Đây là kết chỉ mãn hạ. Nói thị hiện an cư là như thế nào? Đoạn trên nói Bồ Tát tu hạnh tịch diệt, an cư bình đẳng tánh trí. Thế thì đâu có theo kỳ hạn ư? Song quyết dùng ba thời làm hạn định, để chỉ cho đồng quyền, hưởng dẫn người chưa giác ngộ. Qua thời kỳ, tùy ý đến vô ngại là thế nào? Vì tiểu thừa sau khi giải chế, có các vị tân học, phàm có đi ra ngoài, bạn lành phải có ba người, để phòng ngừa sự lầm lẫn. Nay Bồ Tát dùng quán trí an tâm, không cần bạn hữu, nên nói tùy ý đến không ngăn ngại....

Các thiện nam! nếu đời sau chúng sanh tu, cầu con đường Bồ Tát vào ba thời kỳ, chẳng phải kia đã nghe, tất cả cảnh giới, trọn không thể chấp.

Đây chỉ đề phòng sự lầm lẫn. Sỡ văn là thế nào? Tức là ba quán trên đơn giản, nhưng lại viên tu, hai mươi lăm luân và sáu căn, sáu trần, sáu thức, mười tám ranh giới, mỗi mỗi đều được thanh tịnh, là chánh quán vậy. Nếu không chỗ nghe, tất cả cảnh giới, đều không thể chấp. Như trong Kinh Lăng Nghiêm nói năm mươi lớp ấm ma và trong Luận Khởi Tín đã nói việc ma, đều không nên chấp, sợ sa vào đường tà lầm lẫn. Đầu có hai câu hỏi. Một là hỏi an cư. Hai là hỏi ba quán, lấy cái nào làm đầu.

Trên đáp an cư rồi. Dưới đáp phương tiện đầu tiên.

Các thiện nam! nếu các chúng sanh, thật hành xa ma tha, trước dùng hết sức yên tịnh, không khởi niệm riêng, tịnh cùng cực thì được giác ngộ. Tâm tịnh đầu tiên như thế, từ một thân đến một thế giới, cũng lại như thế. Các thiện nam! Nếu giác ngộ khắp đầy tất cả cõi, trong mỗi thế giới, có một chúng sanh khởi một chánh niệm, thấy đều hay biết, trăm ngàn thế giới cũng lại như vậy. Chẳng phải chỗ nghe tất cả cảnh giới kia, trọn không thể chấp.

Đây đáp ba quán đầu tiên. Trước phương tiện không quán. Nói thật hành xa ma tha, trước phải hết sức tịnh, dùng sự đình chỉ làm phương tiện

trước vậy. Nói hết sức tịnh là như thế nào? Tức là thể chơn chỉ trong ba pháp chỉ của Ngài Thiên Thai, nghĩa là thể hợp chơn không, nên nói hết sức tịnh. Một vọng niệm không sanh, nên không khởi suy tư, thanh tịnh cùng cực, yển sáng phát sanh, nên nói tiện giác. Đầu từ một thân v..v... là thể nào? Nghĩa là trong giải thoát thân tâm, ngoài cảm thông thế giới, trong ngoài bình đẳng, vắng lặng không động, làm cho thân tâm và thế giới, rỗng nhiên một chơn không thì cùng tất cả dung thông làm một tâm, tất cả thế giới, hợp thành một giới, nên phàm chúng sanh khởi tâm động chánh niệm, tức từ trong tâm mình hiện ra. Cho nên phàm khởi một niệm, đều phải rõ biết. Có chỗ nói: Thanh tịnh cùng cực yển sáng thông suốt, vắng lặng bao trùm hư không, chỉ đến quan sát thế giới, cũng như việc trong giấc chiêm bao. Đây chỗ cùng cực quán không. Như thế mới gọi là chánh quán, chẳng phải chỗ nghe của kia, đều không nên chấp.

Các thiện nam! Nếu các chúng sanh thật hành tam ma bát đề, trước phải nhớ tưởng các Như Lai trong mười phương, tất cả Bồ Tát ở thế giới mười phương, y theo các pháp môn, thứ lớp tu hành, thiền định siêng khổ, rộng phát nguyện lớn, tự huân tập thành hạt giống chẳng phải kia, chỗ nghe tất cả cảnh giới, trọn không nên chấp.

Đây chỉ tam ma bát đề, phương tiện giả quán. Tam ma bát đề, nghĩa như huyền quán. Nói nhớ tưởng Như Lai trong mười phương. Tất cả Bồ Tát các cấp tu hành, thiền định siêng khổ. Nghĩa là suy nghĩ trong nhơn của các đức Phật, Bồ Tát, thật hành các hạnh khổ khó làm, độ các chúng sanh, ở trong chánh định, khởi quán như huyền, đem thân tâm mình, tự trải qua cảnh kia, trong nghiệm tâm kia, các thứ cảnh giới, trải qua như huyền; dùng quán huyền này, phát nguyện độ sanh, lâu huân tập thành hạt giống, lâu lâu thuần thục, liền hay trong phát kinh an đại bi, mà khởi diệu hạnh lợi sanh của Bồ Tát. Có chỗ nói dùng quán như huyền, mà khai các huyền, làm Phật sự như huyền. Thế thì tam ma bát đề, dùng như huyền làm đầu, chẳng phải chỗ nghe kia, trọn không nên chấp.

Các thiện nam! Nếu các chúng sanh thật hành thiền na, trước thật hành môn số tức, trong tâm rõ biết, sanh, trụ, diệt niệm, chia vụn đầu số, như thể giáp khắp trong bốn oai nghi, phân biệt số suy nghĩ, đều rõ biết, thứ lớp thêm tới, cho đến biết được những giọt mưa trăm ngàn thế giới, cũng như mắt xem những vật thọ dụng, chẳng phải kia chỗ nghe tất cả cảnh giới, trọn không nên chấp.

Đây chỉ tịch quán, phương tiện đầu tiên. Thiền na nghĩa tương đương trung đạo nhứt tâm, gọi là tịch quán. Nói trước thật hành môn số tức là sao? Chính công phu đầu tiên vào thiền định vậy, vì người tu thiền, một bề tâm nhiều tạp loạn, khó mà tịch tĩnh, nên trước dùng môn số tức làm đầu. Nghĩa là người mới nhiếp tâm, trước phải nhờ đếm hơi thở, nương hơi ra

vào là số mục. Từ một đến mười lại từ mười đến một, ra vào như thế, mỗi hơi mỗi hơi không gián đoạn, mỗi tâm mỗi tâm không mờ muội, sanh diệt đầu số, mỗi mỗi phân minh, tứt đến nhiều, để nghiệm súc định cạn sâu, nếu lâu lâu thuần thực, số tứt đến một niệm không sanh, thì hơi kia tự dứt, lặng vậy nhứt tâm, trạm nhiên an trú, ấy là tướng định, như thế giáp khắp trong bốn oai nghi, mỗi niệm rõ biết, lâu thì trăm nghìn thế giới, do tâm hiển hiện, cho đến mưa trong một giọt, phân minh rõ biết, như con mắt xem đồ vật. Đây là thành công trong tịch tĩnh quán. Như trong Luận Khởi Tín đã nói: Người tu chỉ quán, không nương hơi thở, kia dùng giải thoát bên trong thân tâm làm cốt yếu. Đây y theo đó, dùng nhiếp tâm kẻ sơ cơ làm phương tiện, chẳng phải rốt ráo nương theo đó vậy. Nếu dùng hơi thở cho là đặng thì sa vào đường tà, chẳng phải kia chỗ nghe vậy.

Ấy gọi là phương tiện ba quán đầu tiên.

Đây là kết danh vậy. Trước hỏi ba thứ tịnh quán, lấy nào làm đầu, nên trả lời đầy đủ rồi, ở đây kết luận để chỉ, là biết trước hai mươi lăm luân, chỉ nói quán tướng. Ba phương tiện này là đầu tiên hạ thủ công phu, tức là hai mươi lăm vị Thánh trong Kinh Lăng Nghiêm, mỗi vị đều nói tối sơ hạ thủ công phu. Tức là nghĩa này vậy.

Nếu các chúng sanh khắp tu ba quán, siêng thật hành tinh tấn, tức gọi là Như Lai xuất hiện ở đời.

Đây chỉ lợi ích ba quán. Dùng ba quán này là như địa bốn khởi của tất cả Như Lai, nếu có viên căn chúng sanh, hay khắp tu ba quán, tức gọi là Như Lai xuất hiện ở đời, nói rất ráo thành tựu vô ngại. Có thẳng ích này, nên khuyên phải thật hành.

Nếu lại chúng sanh độn căn đời sau, tâm muốn cầu đạo, không được thành tựu, do xưa có nhiều nghiệp chướng, cần phải siêng sám hối, thường khởi hy vọng, trước đoạn thương ghét, ganh tị, đua nịnh, cầu tâm thẳng thượng, ba thứ tịnh quán, theo học một việc quán này không được lại thật hành quán kia, tâm không phóng xả, lần lớp cầu chứng.

Đây nói chúng sanh nghiệp chướng nặng, căn tánh ám độn, phải dùng sám hối đoạn nghiệp chướng làm cốt yếu. Do xưa nhiều nghiệp chướng là thế nào? Là đời trước huân tập hạt giống, nay khi tu hành, huân phát hiện hành, làm duyên chướng đạo. Có chỗ nói ưa chánh mà vẫn tà, muốn tinh khiết mà thiên nhiễm, do tập quán đời trước sai sử, thế nên phải tinh cần sám hối, tiêu trừ nghiệp chướng đời trước, nghiệp chướng nếu tiêu, thì đạo nghiệp có thể làm xong. Thường khởi hy vọng là sao? Nghĩa là hy vọng nguyện đoạn nghiệp chướng, nên dưới liền nói, trước phải đoạn thương ghét v.v.. là tham lam, giận tức, si mê, thẳng thượng tâm ngã mạn, nghĩa là căn bản phiền não đã đoạn, hiện hành không hành thì tập khí có thể trừ, quán hành dễ

thành. Quán này không đặng lại thật hành quán kia là sao? Là ý nêu ký hai mươi lăm luân, nên nói lần lớp câu chứng.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này mà nói bài kệ rằng:

“Viên Giác, ông nên biết,
Tất cả các chúng sanh,
Muốn cầu đạo vô thượng,
Trước phải kết ba kỳ,
Sám hối nghiệp vô thi,
Trải qua hai một ngày,
Rồi sau chính suy nghĩ,
Không phải cảnh sở văn,
Rốt ráo không thể chấp,
Xa ma tha chí tịnh,
Tam ma chánh nhớ trì,
Thiền na gọi vài môn,
Ấy gọi ba tịnh quán,
Nếu hay siêng tu tập,
Thế gọi Phật ra đời,
Người độn căn chưa thành,
Thường phải siêng sám hối,
Tất cả tội vô thi,
Các chướng nếu tiêu diệt,
Cảnh Phật liền hiện tiền.

Trên xong phần chánh tôn. Dưới đây là phần lưu thông.

Thơ XI.

78. Viên Giác ở trong đại tăng,
Đứng lên bạch Phật thiện căn tu hành,
Ba pháp tịnh quán đành rành,
Nhưng quán nào trước để thành công mau.
79. Ba lần cầu thỉnh trước sau,
Phật hứa giải đáp trong bầu hân hoan,
Chúng sanh căn tánh đoan trang,
Ở yên tùy phận, tâm an tu hành.
80. Hoặc lập kỳ hạn lòng thành,
Hai mươi một trọn, Hồng Danh sám trừ,
Cầu mười phang Phật an cư,
Một bề chánh niệm để trừ vọng tâm.
81. An cư ba tháng thậm thâm,
Tịnh trừ nghiệp chướng trong tâm Như Lai,
Con đường Bồ Tát hoằng khai,

Dụng Xa Ma Tha an bài trước tiên.
82. Viên thông tâm tịnh vô biên,
Khấp tất cả cõi hiển nhiên phơi bày,
Tam Ma Bát ĐỀ từ rày,
Dụng thông thiên định, an bày chơn như.

83. Thiên na tu tập vô sự,
Hành môn số tức, đoạn trừ vô minh,
Phát nguyện độ tận chúng sinh,
Viên Giác Phật tánh hiển linh siêu phàm.

XII. Lúc bấy giờ Bồ Tát Hiền Thiện Thủ ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên hữu ba vòng, quỳ gối chấp tay, bạch với Phật rằng:

Oai nghi thưa hỏi.

Đại bi Thế Tôn! Rộng vì chúng con và chúng sanh đời sau, khai ngộ việc Như Lai không nghĩ bàn.

Vui mừng, trước nghe đại nghĩa toàn kinh.

Dưới chính bày ý thỉnh.

Bạch Thế Tôn! Đại thừa giáo này danh hiệu là gì? Làm thế nào để phụng trì? Chúng sanh tu tập đặng công đức gì? Làm sao cho chúng con hộ vệ người trì kinh? Lưu bố kinh giáo này đến địa phương nào?

Đây ý hỏi tên kinh và lưu thông pháp này. Câu hỏi này có năm ý: Câu thứ nhất hỏi tên kinh. Câu thứ hai hỏi cách phụng trì. Câu thứ ba hỏi công đức. Câu thứ bốn hỏi cách hộ trì và câu thứ năm hỏi lưu bố đến địa vị nào?

Nói lời ấy rồi, năm vóc gieo xuống đất, ba lần cầu thỉnh như thế, sau rồi trở lại trước.

Ba lần triển chuyển kiên thành.

Lúc ấy đức Thế Tôn bảo Bồ Tát Hiền Thiện Thủ rằng: Lành thay! Quý hóa thay! Các thiện nam! Các ông chính hay vì các Bồ Tát và chúng sanh đời sau, hỏi đến Như Lai danh tự, công đức, kinh giáo như thế. Các ông nên lắng nghe, ta sẽ vì các ông mà tuyên nói.

Đức Phật hứa khả và khuyến lắng nghe.

Lúc ấy Bồ Tát Hiền Thiện Thủ hoan hỷ y lời Phật dạy và các đại chúng yên lặng mà nghe.

Một lòng nghe pháp.

Các thiện nam! Kinh này được các đức Phật đã nói trải qua trăm nghìn muôn ức các đức Phật nhiều như số cát sông Hằng; chỗ thủ hộ của Như Lai ba đời; chỗ về nương của Bồ Tát mười phương và làm con mắt sáng thanh tịnh của mười hai (12 bộ kinh).

Đây khen chung giáo pháp thù thắng, khiến sanh lòng tín trọng. Kinh này là pháp hạnh như địa bốn khởi của chủ Phật Như Lai, nên nói là chỗ

thuyết của chư Phật, chỗ thủ hộ của Như Lai. chỗ giáo thọ của Bồ Tát, cũng làm chỗ về nương của Bồ Tát, lưu xuất tất cả chơn như. bồ đề, niết bàn thanh tịnh, nên nói làm nhãn mục của mười hai bộ kinh.

Kinh này gọi là Đại Phương Quảng Viên Giác Đà La Ni, cũng gọi là Khế Kinh Liễu Nghĩa, cũng gọi là Đại Định Bí Mật Vương, cũng gọi là Cảnh Giới Quyết Định Như Lai, cũng gọi là Như Lai Tạng Tự Tánh Sai Biệt, các ông phải phụng trì.

Đây đáp danh tự, kinh này có năm danh hiệu. Nay kết tập đề kinh, chỉ còn có hai. Xưa giải năm danh, đứng về giáo lý, hạnh: Tu đa la đứng về giáo; thiên định bí mật vương đứng về hạnh, các yếu tố khác đứng về lý. Trung đạo nhứt tâm, nên nói là bí mật, chẳng phải là mật ngữ. Y theo Như Lai Tạng kiến lập sai khác, nghĩa cùng tận nơi đây, phải như thế mà thọ trì.

Các thiện nam! Kinh này chỉ rõ cảnh giới Như Lai, chỉ có Phật Như Lai mới tuyên nói cùng tận. Nếu Bồ Tát và chúng sanh đời sau y theo đây mà tu hành, thứ lớp tăng tiến, đến quả vị Phật...

Đây khen giáo pháp thù thắng, ý khiến tu tập, giải đáp đến địa vị nào vậy. Mỗi đức Phật thành đạo đều y viên giác làm bản nhơn và thành Phật, lợi ích cho chúng sanh, cũng chỉ nói pháp này, giáo hóa hàng Bồ Tát. Ngoài đây, lại không có pháp nào khác, nên khuyến khích tu tập, có thể đến quả vị Phật.

Các thiện nam! Kinh này gọi là đốn giáo đại thừa, đốn cơ chúng sanh, từ đây khai ngộ, cũng nhiếp tiệm tu tất cả các phẩm vị. Thí như biển lớn, không nhường các dòng nhỏ, cho đến các loài mòng muối và a tu la, uống nước kia đều được no đủ.

Đây đáp hướng về công đức. Riêng khắp bậc thượng căn, nên giáo xứng viên đốn, nhiếp khắp ba căn, nên nói công đức rất lớn. Vì thế nên tất cả chúng sanh, thanh tịnh giác địa đều chứng viên giác, nên đều đầy đủ, như biển rộng lớn, không nhường dòng nhỏ, kẻ uống nước lớn nhỏ đều đầy đủ.

Các thiện nam! Giả sử có người thuần dùng bảy món quý báu, chứa đầy ba ngàn đại thiên thế giới, dùng đem bố thí, không bằng có người nghe tên kinh này và hiểu nghĩa lý một câu.

Đây là so lường chỗ thù thắng. Của báu trong thế gian dù đầy cõi nước, chỉ giúp phần hữu lậu. Hiểu một câu đúng lý, quyết chuyển phàm thành thánh, nên công gấp bội khác xa một trời một vực.

Các thiện nam! Giả sử có người giảng dạy, trăm ngàn số cát sông Hằng chúng sanh đặng quả A La Hán, không bằng có người tuyên nói kinh này, phân tách nửa bài kệ.

Đây là dùng người để so sánh pháp, lại hiển bày lợi ích. Tiểu quả tuy nhiều, trọn không thật chứng. Nửa bài kệ trong kinh này là chánh như thành Phật, nên khó mà so sánh.

Các thiện nam! Nếu lại có người nghe kinh này, lòng tin không mê lầm, phải biết người ấy, chẳng phải đối với một đức Phật, hai đức Phật, trồng các phước huệ. Như vậy cho đến hết số cát sông Hằng tất cả chỗ Phật, trồng các căn lành, mới được nghe kinh giáo này

Đây là khen cơ duyên thù thắng hay lãnh thọ, nghĩa là hay tin thọ pháp này. Bởi vì đã theo nhiều đức Phật, rộng tu phước huệ, chứ không phải những người phước ít đức mỏng có thể kham thọ.

Các thiện nam tử! Phải ủng hộ người tu hành đời sau, chớ cho ác ma và các ngoại đạo, não hại thân tâm người kia, khiến họ sanh tâm thoái chuyển.

Đây chánh phúc chúc lưu thông để hộ trì người tu đó là công tác thứ nhất, vì tu tập pháp này là chỗ liên hệ đến huệ mạng. Nếu đấng ma nã loạn sanh tâm thoái chuyển thì huệ mạng đoạn tuyệt, cho nên phải hộ trì.

Lúc bấy giờ trong pháp hội có các vị Hỏa Thủ Kim Cang, Thôi Toái Kim Cang, Ni Lam Bà Kim Cang v.v... Tám muôn vị Kim Cang và cùng với quyến thuộc, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải đức Phật ba vòng rồi bạch Phật rằng: Thưa Thế Tôn! Nếu đời sau tất cả chúng sanh, có ai hay thọ trì quyết định đại thừa này, chúng con sẽ ủng hộ, như giữ tròn con mắt. Cho đến chốn đạo tràng, chỗ người tu hành. Chúng con, các vị thần Kim Cang, tự nguyện lãnh đồ chúng, sáng chiều gìn giữ, khiến không thoái chuyển. Các chỗ kia cho đến hằng không tai chướng, dịch bệnh tiêu diệt của báu đầy đủ, thường không thiếu thốn.

Đây là bày tỏ các thần Kim Cang thọ lãnh lời phúc chúc, phát nguyện ủng hộ những ai thọ trì kinh này. Kim Cang là thế nào? Dùng thần lực hộ pháp, cầm bảo sử, nên theo đó đặt tên, vì bảo sử kim cang hay phá trừ tất cả vật. Nói đến Hỏa Thủ Kim Cang, nghĩa là trên đầu có lửa hừng hực. Trong Kinh Lăng

Nghiêm đã nói: Hóa nhiều tâm thành lửa trí huệ là Bồ Tát thị hiện. Ni Lam Bà chưa rõ chỗ dịch. Nói các vị thần này, đều trước đã phát nguyện hộ pháp, nên thường ở trong pháp hội của Phật.

Lúc bấy giờ Đại Phạm Thiên Vương, hai mươi tám vị Thiên Vương và Tu Di Sơn Vương, Hộ Quốc Thiên Vương v.v.. liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên hữu ba vòng rồi bạch Phật rằng: Thế Tôn! Chúng con cũng ủng hộ người thọ trì kinh, thường được yên ổn, tâm không thoái chuyển.

Đây tự thuật chư thiên thọ lời phúc chúc, ủng hộ các người trì kinh. Đại Phạm Thiên Vương là Vua trời sơ thiên, là ông chủ thế giới Ta Bà. Mỗi đức

Phật ra đời, Vua trời này được thỉnh. Chủ hai mươi tám cõi trời là nói chung các cõi trời trong ba cõi. Nghĩa là sáu ông trời cõi Dục. Mười tám ông trời ở cõi Thiên, bốn trời ở cõi Không vậy. Tu Di Sơn Vương, đặc cử trời Đế Thích là chúa cõi Dục. Hộ Quốc Thiên Vương là bốn ông Vua trời, là những ông chú thủ hộ cõi nước. Ý nói các ông trời trong ba cõi đều là những vị Hộ Pháp vậy.

Lúc ấy có Đại Lực quý vương tên là Kiết Bàn Trà cùng mười muôn quý vương, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật đi nhiều bên hữu ba vòng, rồi bạch Phật rằng: Thế Tôn! Chúng con cũng hết lòng ủng hộ những ai thọ trì kinh này, sớm tối hộ vệ, khiến không thoái thoát. Người kia chỗi trong một do tuần, nếu có quỷ thần xâm lấn cảnh giới họ, chúng con sẽ làm cho kẻ xâm lấn kia, nát như máy bụi.

Đây là tự trình quỷ thần thọ lời di chúc, hộ vệ những ai trì kinh. Kiết Bàn Trà cũng gọi là Cứu Bàn Trà. Dịch là quý đáng sợ, ăn tinh khí của người, đi nhanh như gió, biến hóa vô cùng, trụ nơi rừng đồng, cai quản các chúng quỷ, nên gọi là Quỷ Vương, không thuộc về người trời. Đơn phương ở nơi đường quỷ. Quỷ này đã phát nguyện ủng hộ người trì Kinh Viên Giác, thì tất các quỷ không thể nào gia hại được. Một do tuần, bốn mươi dặm. Nói phương hướng thủ hộ có thể trong bốn mươi do tuần không bị tai hại.

Hỏi: Kinh này là đức Phật trụ trong đại quang minh tạng, vào nơi chánh định, vì hàng Địa Thượng Đại Bồ Tát nói, hàng nhị thừa dứt phần, nên trước pháp hội không liệt kê. Lại làm gì có chư thiên, quỷ thần phát nguyện ủng hộ?

Đáp: Việc này không phải thường tình có thể lường được. Song đức Phật trụ nơi Đại Quang Minh tạng, nghĩa phải là cõi Thường Tịch Quang thì tự tha bình đẳng, nói và nghe đều không, đã nói rằng ở cảnh bất nhị, hiện các cõi Tịnh, thì không có đặc biệt cõi thật báo, mà là cõi đồng cú quyết bao trùm. Nếu thật báo hoa tạng, quyết nhiếp cả đồng cú, cho nên pháp hội Hoa Nghiêm, các vị trời, thần vương mỗi vị đều khen ngợi Phật, mỗi vị đều đặt một thứ pháp môn, đâu có tuyệt không ư? Vì thế, đứng về pháp thì hàng nhị thừa dứt phần, nhưng đứng về cảnh thì phạm, thánh bao trùm thông suốt; huống chi tiếng nói tròn sáng thao thao, mười cõi chóng giáp khắp. Đâu phải các trời, thần vương cõi này mà không ngưỡng mộ tham gia pháp hội kia ư? Huống chi ảnh hưởng thị hiện, trụ cảnh giới Phật, không có chi phải nghi.

Đức Phật nói kinh này rồi, tất cả Bồ Tát, trời, rồng, quỷ thần, hàng bát bộ, quyến thuộc và các Vua trời, Phạm Vương v..v. tất cả đại chúng, nghe Phật đã nói, rất là hoan hỷ, tin thọ phụng hành.

Đây là kết thúc pháp hội. Xưa giải trời, rồng, hàng bát bộ này, chắc chắn trong chúng pháp tánh, thị hiện các hình này. Song pháp hội đâu không

liệt kê nghĩa hiển lộ, pháp thù thắng. Pháp hội đúc kết bao trùm đại chúng, nghĩa là quyết đồng nghe, nên nói rất là hoan hỷ, tin thọ phụng hành.

Thơ XII.

84. Bồ Tát Hiền Thiện Thủ làm,
Ở trong đại chúng thánh phàm chư tăng
Nhiều Phật ba vòng định căn,
Chấp tay quỳ gối, bạch rằng Phật thương:
85. Đại Bi Thế Tôn đã từng,
Dạy cho sanh chúng con đường đạo thiêng,
Tâm không tức Phật tùy duyên,
Khai ngộ giác tánh tính chuyên độ thì.
86. Kinh này danh hiệu là gì?
Làm thế nào để phụng trì thường xuyên?
Làm sao công đúc diên niên?
Hộ vệ người trì được yên ổn đời?
87. Lưu bố kinh này hợp thời,
Năm vóc sát đất cặn lời cầu xin,
Phật bảo Hiền Thiện chánh tin,
Vì người đời sau, ta xin giải bày.
88. Các Phật hộ niệm kinh này,
Vô số Bồ Tát tỏ bày tâm cang,
Viên Giác Phương Quảng tên mang,
Liễu nghĩa Đại Định tâm an đạo mẫu.
89. Như Lai tạng tánh trước sau,
Các ông cần phải mau mau phụng trì,
Như Lai cảnh giới tưởng trì,
Chúng sanh Bồ Tát đồng đi Phật thừa.
90. Kinh này đốn giáo đại thừa
Khai ngộ tất cả, không chừa một ai,
Có người bố thí tận lai,
Không bằng hiểu nghĩa không sai lý mẫu.
91. Pháp sư giảng dạy đạo sâu,
Không bằng phân tích nửa câu kinh này,
Viên giác tánh là bậc thầy,
Các giới hiểu được kinh này viên dung.
92. Chớ cho ma, ngoại tập trung,
Nhiều hại người đọc, chuyển rung tinh thần,
Các vị Kim Cang chia phần,
Giữ gìn Viên Giác xoay vần triển khai.

93. Đại Phạm thiên chúng vắng lai,
Độ người trì tụng họa tai dứt liền,
Quý thần xâm lấn đều yên,
Nội chướng, ngoại chướng đảo điên không còn.
94. Đức Phật thuyết kinh Giác Tròn,
Trời, rồng, Bồ Tát lòng son thấm nhuần,
Quý thần, bát bộ mông huân,
Phạm Thiên, Đế Thích đều tuân phụng trì.

Kinh Viên Giác Trục Giải

Quyển Hạ
Hết
Pd Phuong An

Ý KIẾN GIẢI KINH VIÊN GIÁC

Pháp thân lưu chuyển trong năm đường gọi là chúng sanh, thế thì chúng sanh có chỗ giác ngộ thanh tịnh, tức là như địa bốn khởi của chư Phật, chỉ vì vô minh che khuất, hằng ngày sáng suốt mà không tự biết. Thế nên phải làm phiền đức Thế Tôn ta, đặc biệt phải hiện thân trong ba cõi, tùy thuận quần sinh, chỉ bày mỗi người sẵn có tánh Phật, vì sự mê lầm của chúng sanh quá lâu. Vô minh mỗi ngày càng dày, nghiệp chướng mỗi ngày càng sâu, không quán chiếu thì không thể nào thông suốt, cho nên thiết lập diệu môn ba quán, làm chỗ cốt yếu để ngộ tâm linh. Bởi vì chúng sanh căn tánh ám độn, không thể nào tròn tu, nên tan mất trong một đời người. Đầu nói 'không quán' để phá trừ kiến ái phiền não; kế đó nói 'giả quán' để phá trừ trần sa hoặc; sau cùng nói 'trung quán' để phá trừ vô minh.

Lại nữa trước sau dùng nhiều sự sai khác thứ lớp không thể tròn chứng nhứt tâm, nên nói Thủ Lăng Nghiêm đại định, để thống nhiếp ba quán tròn soi nhứt tâm, đốn phá vô minh. Ấy là pháp môn viên đốn. Song văn nghĩa kia bao trùm ba tạng, giáo nhiếp năm thời, thánh phạm mười cõi, mê ngộ, như quả, may mắn không sai lạc, nhưng người học trí cạn tâm thô, vì văn quá rộng, nghĩa quá sâu, khó suốt khó thông. Huống là lia lời nói đặng ý chỉ, mẫu

nhiệm kết hợp nhứt tâm. nếu luận đến giản dị mà tinh vi, khẩn thiết mà tóm lược thì không còn.

Pháp môn tối thắng của Viên Giác, văn tự của nó không quá hơn một muôn ba nghìn câu, thống nhiếp biển giáo pháp không bờ, bao la pháp giới; viên mãn suốt nguồn nhứt tâm, trải qua tôn chỉ ba phép quán, đem tâm thay đổi đờn kép tròn tu, xét cùng vọng tưởng, phê phán bịnh thiền, nhưng ngộ tâm về pháp môn vi diệu, siêu việt thẳng vào. Ấy là chơn kinh của giáo pháp giới, là diệu hạnh thành Phật. Đốn ngộ đốn chứng, như xem trái trên bàn tay.

Chỉ thẳng đến phương tây, nghĩa nhiệm mầu bí yếu, ngoài đây không có uẩn nào khác. Phàm ai học Phật đều dùng kinh này làm kim chỉ nam. Xưa ngài Khuê Phong Thiền Sư đã có sở giải lược, thì có giản lược, riêng có tiểu sao, nhưng quá phiền. Song văn có chỗ cách lược, thì nghĩa có chỗ không thông, nghĩa không thông thì ý quán khó rõ, lý quán không rõ, chắc chắn sanh ra mờ muội, mà không có chỗ quyết định.

Lúc ở núi tu thiền, lúc ấy có ý khai triển chiều sâu, sở nghĩa mà thẳng thông kinh văn, khai thông ý Phật, mà không chuyên văn ngôn, nên làm trực giải để kết pháp duyên. Bản thảo vừa thành, mới an tâm niệm, lúc ấy có cư sĩ nghe qua lòng rất hân ngưỡng. Cư sĩ ấy là Ngô Khải Cao xin lưu tâm giáo đính. Ta nhưn đó khen rằng: Phật nói thọ trì một bài kệ bốn câu thẳng hơn phước đem của bảy báu nhiều như số cát sông Hằng, vì của báu là nhưn hữu lậu. Kinh Pháp là gốc thành Phật, so sánh khác xa một trời một vực. Ta nay dùng kim khẩu Phật để xưng khen. Trình quán phước thí pháp vô lượng tương đương cùng với hư không. Kính đề sau đây để làm kỷ niệm.

Dịch xong ngày 3 -8 -94

THÍCH HUYỀN-VI

Het

*Bản gốc: Tu Viện Quảng Đức
Thư Viện Hoa Sen lập thành bản PDF*